

# CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2018

Thời gian: 13h30 Thứ 3, ngày 24/04/2018

Địa điểm: Khách sạn Liberty Central Saigon Riverside - Phòng APOLLO 2&3 tầng 2,  
Số 17 Đường Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, Hồ Chí Minh

| Stt        | Nội dung làm việc  | Ghi chú |
|------------|--|---------|
| <b>I</b>   | <b>ĐÓN TIẾP CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI BIỂU: 13h30</b>   |         |
| 1          | Đón tiếp Cổ đông và Đại biểu tham dự   |         |
| 2          | Kiểm tra tư cách Cổ đông, thủ tục đăng ký tham dự  |         |
| 3          | Phát tài liệu, phiếu biểu quyết cho Cổ đông  |         |
| <b>II</b>  | <b>KHAI MẠC ĐẠI HỘI: 14h30</b>   |         |
| 1          | Khai mạc và giới thiệu thành phần tham dự  |         |
| 2          | Báo cáo kết quả kiểm tra tư cách Cổ đông tham dự   |         |
| 3          | Giới thiệu đoàn Chủ tọa; chỉ định Ban thư ký   |         |
| 4          | Đại hội bầu Ban kiểm phiếu   |         |
| 5          | Thông qua Chương trình, Quy chế làm việc của đại hội                                       |         |
| <b>III</b> | <b>NỘI DUNG CHÍNH CỦA ĐẠI HỘI: 15h00</b>   |         |
| 1          | Báo cáo hoạt động năm 2017 và kế hoạch năm 2018 của HĐQT                                   |         |
| 2          | Báo cáo kết quả SXKD 2017 và kế hoạch SXKD 2018 của Giám đốc.                              |         |
| 3          | Tờ trình phê duyệt kết quả HĐSXKD và BCTC đã kiểm toán 2017.                               |         |
| 4          | Tờ trình kế hoạch SXKD năm 2018.   |         |
| 5          | Tờ trình về việc gia hạn đầu tư tàu 13.000 DWT đã được ĐHCĐ thông qua năm 2017.            |         |
| 6          | Báo cáo hoạt động năm 2017 và kế hoạch năm 2018 của Ban kiểm soát                          |         |
| 7          | Tờ trình lựa chọn thông qua danh sách công ty kiểm toán độc lập 2018                       |         |
| 8          | Tờ trình về quyết toán thù lao năm 2017 và kế hoạch thù lao năm 2018 của HĐQT và Ban KS    |         |
| 9          | Tờ trình về bầu thay thế thành viên HĐQT   |         |
| 10         | Tờ trình phương án phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ năm 2017.                      |         |
| 11         | Tờ trình về tăng vốn điều lệ từ 266 – 376 tỷ.  |         |
| 12         | Tờ trình thông qua sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty và quy chế nội bộ về quản trị công ty. |         |
| 13         | Tờ trình thành lập tiểu ban NSTL và tiểu ban KTKTĐT công ty.                               |         |
| 14         | Tờ trình thông qua chủ trương về đầu tư tàu 13.000 DWT năm 2018.                           |         |
| <b>IV</b>  | <b>GIẢI LAO, TỔNG KẾT ĐẠI HỘI: 17h00</b>   |         |
| 1          | Thảo luận, giải đáp ý kiến của cổ đông   |         |
| 2          | Thông qua Thẻ lệ biểu quyết tại đại hội và tiến hành biểu quyết                            |         |
| 3          | Giải lao   |         |
| 4          | Báo cáo kết quả kiểm phiếu của đại hội   |         |
| 5          | Thông qua Biên bản và Nghị quyết của đại hội   |         |
| 6          | Bế mạc đại hội   |         |

*Tp.HCM, ngày 24 tháng 04 năm 2018*

**BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (HDQT)  
VỀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2017 VÀ KẾ HOẠCH 2018**

Kính gửi:

- Đại hội đồng Cổ đông (ĐHĐCĐ).
- Quý Cổ đông PV Trans Oil.

Hội đồng Quản trị (HDQT) Công ty CP Vận tải Dầu Phương Đông Việt (PV Trans Oil) kính trình Đại hội Đồng Cổ đông (ĐHĐCĐ) báo cáo hoạt động năm 2017 và kế hoạch hoạt động năm 2018 của HDQT:

**I. BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA HDQT NĂM 2017**

**1. Tình hình đặc điểm**

- Trong năm 2017, thị trường vận tải trong nước vẫn không có nhiều biến động, nhà máy Lọc Dầu Dung Quất tạm dừng hoạt động để sửa chữa 52 ngày (từ ngày 05/06 đến ngày 26/07/2017). Nhà máy Lọc dầu Nghi Sơn vẫn đang trong quá trình vận hành chạy thử và chưa có sản phẩm thương mại.
- Mặc dù đã nỗ lực đàm phán và chứng minh hiệu quả khai thác trong suốt thời gian thuê tàu, tuy nhiên Tổng công ty Dầu VN (PVOil) đã không tiếp tục gia hạn hợp đồng thuê định hạn tàu Phương Đông Star. Do đó Ban lãnh đạo công ty đã tìm nhiều giải pháp trong đó có giải pháp đưa tàu khai thác tại thị trường Quốc tế. Tuy nhiên do hạn chế về tình trạng kỹ thuật nên tàu chưa đáp ứng được các điều kiện của chủ hàng và chính quyền cảng các cấp. Vì vậy tàu Phương Đông Star tiếp tục khai thác trong nước và các tàu còn lại ra khai thác tại thị trường quốc tế, nhằm đảm bảo doanh thu và nguồn thu ngoại tệ.
- Để giảm bớt rủi ro về thị trường cũng như ổn định nguồn doanh thu ngoại tệ cho công ty, Ban lãnh đạo công ty đã xác định mục tiêu ngay từ khi xây dựng kế hoạch là tập trung đưa các tàu còn lại ra khai thác tại thị trường quốc tế với hình thức ưu tiên cho thuê định hạn hoặc ký các hợp đồng vận chuyển dài hạn (COA hoặc CVC). Tuy nhiên trong năm 2017 thị trường vận tải xăng dầu quốc tế gặp nhiều khó khăn, nhu cầu vận tải tiếp tục suy giảm kéo theo giá cước vận tải giảm sâu và chưa có dấu hiệu phục hồi so với giai đoạn cùng kỳ năm 2016. Thị trường vận chuyển dầu cộ là thị trường truyền thống của đội tàu công ty cũng bị tác động suy giảm do các chủ tàu chuyển đổi từ mặt hàng xăng dầu sang dầu cộ.
- Hiện nay đội tàu của Công ty hầu hết là tàu già (20,21 tuổi), qua mỗi năm hoạt động chi phí ngày càng gia tăng, đặc biệt là chi phí bảo quản, bảo dưỡng, vật tư phụ tùng và sửa chữa thường xuyên, đồng thời cũng làm giảm năng lực cạnh tranh với các tàu khác trong nước và khu vực.
- Ban điều hành trong năm 2017 không có gì thay đổi và hoạt động hiệu quả, hiện nay có Giám đốc, 2 Phó Giám đốc và Kế toán trưởng; đều là những người có

chuyên môn và nhiều kinh nghiệm trong công tác quản lý. Tuy nhiên trong đầu năm 2018 có 02 Phó Giám đốc đã được luân chuyển công tác sang đơn vị khác do đó áp lực công việc hiện tại đối với Ban điều hành là rất lớn

## **2. Hoạt động của Hội đồng Quản trị và của các thành viên HĐQT**

### **2.1 Hoạt động của Hội đồng Quản trị**

a. HĐQT có 5 thành viên, bao gồm:

- |                          |                              |
|--------------------------|------------------------------|
| - Ông Nguyễn Quốc Phương | - Chủ tịch HĐQT (kiêm nhiệm) |
| - Ông Hoàng Đức Chính    | - Ủy viên HĐQT (kiêm nhiệm)  |
| - Ông Nguyễn Đức Thắng   | - Ủy viên HĐQT (kiêm nhiệm)  |
| - Ông Nguyễn Hoài Phương | - Ủy viên HĐQT (kiêm nhiệm)  |
| - Ông Lê Anh Nam         | - Ủy viên HĐQT (kiêm nhiệm)  |

- Với vai trò là cơ quan quản lý cao nhất, đại diện cho quyền lợi của các cổ đông, trong năm 2017 HĐQT với 05 thành viên đương nhiệm đã tích cực thực hiện vai trò của mình một cách nghiêm ngặt theo quy chế quản trị của công ty.
- Nhân sự của HĐQT đa số đều có kinh nghiệm thực tế trong lĩnh vực vận tải biển, luôn đoàn kết, chia sẻ và cùng hành động để đưa Công ty ngày càng phát triển.
- Các thành viên HĐQT đã thực hiện nhiệm vụ chỉ đạo, giám sát, đôn đốc kịp thời hoạt động của Ban điều hành thông qua:
- Tham dự và có ý kiến chỉ đạo trong các cuộc họp của Ban điều hành về việc triển khai các Nghị quyết, quyết định của HĐQT.
- Tham dự và có ý kiến chỉ đạo trong các cuộc họp giao ban công tác định kỳ của Ban điều hành đối với các vấn đề còn tồn tại tại công ty.
- Theo dõi và nắm bắt quá trình điều hành SXKD thông qua các báo cáo kế hoạch KD hàng tháng về các chỉ tiêu KH và có ý kiến cũng như giải pháp hỗ trợ.

b. HĐQT luôn bám sát Nghị quyết của ĐHĐCĐ cũng như các quy chế nội bộ về quản trị công ty và tình hình thực tế của công ty để đề ra chủ trương phù hợp cho từng thời điểm. Năm 2017, HĐQT đã tiến hành 04 ( bốn) cuộc họp định kỳ như : Họp HĐQT Quý I, Họp HĐQT Quý II, Họp HĐQT Quý III và Họp HĐQT Quý IV. Trong từng cuộc họp cũng đều có sự phân tích, đánh giá về tình hình hoạt động SXKD và đề ra phương hướng, kế hoạch cho các quý tiếp theo. Ngoài ra luôn có sự giám sát, đôn đốc Ban điều hành xử lý các công việc còn tồn đọng được HĐQT nêu trong các cuộc họp và đều thể hiện trong nghị quyết sau khi họp.

Tổ chức họp đầy đủ các cuộc họp các Tiểu ban thuộc HĐQT đối với các vấn đề liên quan theo quy định và có các biên bản cũng như quyết định để làm cơ sở giám sát và kiểm tra cụ thể như sau:

| Stt | Số Nghị quyết/<br>Quyết định | Ngày       | Nội dung   |
|-----|------------------------------|------------|--|
| 01  | 05/NQ-HĐQT                   | 16/03/2017 | Nghị quyết chốt Danh sách cổ đông 2017   |
| 02  | 08/QĐ-HĐQT                   | 20/03/2017 | Quyết định Dock PDS  |
| 03  | 14/HĐQT-NQ                   | 26/04/2017 | Nghị Quyết họp HĐQT Quý I/ 2017  |
| 04  | 16/NQ-PĐV ĐHCĐ               | 26/04/2017 | Nghị quyết ĐHCĐ 2017   |
| 05  | 26/QĐ-PĐV-HĐQT               | 08/05/2017 | Nghị quyết bổ nhiệm lại Giám đốc   |
| 06  | 27/QĐ-PĐV-HĐQT               | 08/05/2017 | QĐ bổ nhiệm lại GDCN Hai Phong   |
| 07  | 28/QĐ-PĐV-HĐQT               | 10/05/2017 | QĐ cử Giám đốc công tác Singapore  |
| 08  | 31/QĐ-HĐQT-PĐV               | 10/05/2017 | Quyết định về cầm cố HĐTG phát hành bảo lãnh KDK   |
| 09  | 34/QĐ-HĐQT                   | 22/05/2017 | QĐ định biên lao động 2017   |
| 10  | 37/QĐ-HĐQT                   | 29/05/2017 | QĐ về cầm cố hợp đồng TG phát hành bảo lãnh dự thầu Điện lực Dầu khí Cà mau  |
| 11  | 40/QĐ-HĐQT                   | 06/06/2017 | QĐ về công tác phí PVTO  |
| 12  | 44/QĐ-HĐQT                   | 12/06/2017 | Quyết định bổ nhiệm lại PGĐ công ty đối với Ông Trần Đức Thịnh   |
| 13  | 45/QĐ-HĐQT                   | 19/06/2017 | Cử GD đi công tác nước ngoài   |
| 14  | 49/QĐ-HĐQT                   | 19/06/2017 | QĐịnh phê duyệt dự án tàu Venus  |
| 15  | 51/QĐ-HĐQT                   | 23/06/2017 | QĐ về quản lý định mức hành chính  |
| 16  | 53/NQ-HĐQT                   | 29/06/2017 | Nghị quyết họp HĐQT Quý II   |
| 17  | 55/NQ-HĐQT                   | 12/07/2017 | QĐ Chi thưởng Ban điều hành  |
| 18  | 57/QĐ-HĐQT                   | 17/07/2017 | QĐ Lựa chọn công ty kiểm toán  |
| 19  | 61/QĐ-HĐQT                   | 24/07/2017 | QĐ về phân công HĐQT 2017-2022   |
| 20  | 64/NQ-HĐQT                   | 28/07/2017 | QĐ về việc thế chấp tiền gửi bảo lãnh KDK  |
| 21  | 69/QĐ-HĐQT                   | 27/10/2017 | QĐ về đơn giá tiền lương 2017  |
| 22  | 71/QĐ-HĐQT                   | 31/10/2017 | QĐ bổ nhiệm PGĐ Trần Thái Thanh  |
| 23  | 72/NQ-HĐQT                   | 31/10/2017 | Nghị quyết tổ chức ĐHCĐ bất thường   |
| 24  | 74/NQ-HĐQT                   | 31/10/2017 | Nghị quyết HDQT Quý III  |
| 25  | 78/QĐ-HĐQT                   | 17/11/2017 | QĐ cử Giám đốc đi công tác tại Singapore   |
| 26  | 80/QĐ-HĐQT                   | 20/11/2017 | QĐ xếp lương cho PGĐ Trần Thái Thanh   |
| 27  | 83/QĐ-HĐQT                   | 21/11/2017 | Quyết định phê duyệt quỹ lương vào chi phí   |
| 28  | 85/NQ-ĐHCĐ                   | 22/12/2017 | Nghị Quyết ĐHCĐ thông qua kế hoạch kinh doanh 5 năm giai đoạn 2016-2020, phương án phát hành cổ phiếu và việc đầu tư tàu 13 DWT phục vụ SXKD |
| 29  | 86/NQ-HĐQT                   | 22/12/2017 | Nghị quyết về sử dụng vốn chi tiết thu được từ đợt chào bán cổ phiếu tăng vốn điều lệ  |
| 30  | 87/NQ-HĐQT                   | 22/12/2017 | Nghị quyết lựa chọn ngân hàng đăng ký TK phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu  |
| 31  | 88/NQ-HĐQT                   | 22/12/2017 | Nghị quyết thông qua hồ sơ chào bán cổ phiếu ra công chúng   |
| 32  | 89/NQ-HĐQT                   | 22/12/2017 | Công văn đối chiếu lĩnh vực kinh doanh có điều kiện và cam kết tỷ lệ nắm giữ nhà đầu tư nước ngoài   |
| 33  | 92/QĐ-HĐQT                   | 27/12/2017 | Quyết định cử GD đi công tác nước ngoài  |

Ngoài ra, do các thành viên HĐQT chủ yếu là kiêm nhiệm, làm việc tại các đơn vị và địa bàn khác nhau. Do vậy, để tiết kiệm chi phí cho công ty, đối với các chủ trương theo thẩm quyền, HĐQT đều tổ chức lấy kiến bằng văn bản và ra Nghị quyết/ Quyết định để Giám đốc thực hiện kịp thời và đúng quy định:

c. Ngoài phân cấp giữa HĐQT và Giám đốc, trong năm 2017 Hội đồng Quản trị cũng đã ban hành nghị quyết/quyết định phù hợp liên quan đến lĩnh vực SXKD/ Công tác cán bộ và các vấn đề do HĐQT quản lý:

Trong năm, HĐQT cũng đã chủ động tham gia, hỗ trợ cho Ban điều hành trong việc SXKD hàng ngày nhằm hoàn thành nhiệm vụ SXKD, bên cạnh đó cũng đang đàm phán với PVcomBank để thống nhất lãi suất vay của hợp đồng vay mua tàu Venus và tàu Jupiter không cao hơn 3.8%/năm.

Hỗ trợ Ban điều hành trong công tác kinh doanh thương mại, với tình hình tài chính công ty, thực hiện các hoạt động kinh doanh thương mại trong điều kiện công ty thiếu vốn lưu động mà vẫn đảm bảo an toàn vốn và đạt được doanh thu/lợi nhuận như kế hoạch đã đề ra.

Trung tâm dịch vụ hàng hải (TT-DVHH): Trung tâm được thành lập theo đề án đã được HĐQT PVTrans Oil phê duyệt. Hiện nay Trung tâm đã đi vào hoạt động theo đúng đề án đã được phê duyệt. Ngoài ra HĐQT cũng luôn quan tâm và hỗ trợ trung tâm trong việc tiếp cận các dự án trong ngành nhằm triển khai lĩnh vực cung cấp vật tư thiết bị và các dịch vụ lắp đặt về bảo ôn cách nhiệt. Đặc biệt là thị trường chính là các ngành: lọc hóa dầu, các nhà máy điện do Tập đoàn Dầu khí là chủ đầu tư hoặc tham gia góp vốn.

d. Công tác về tái cấu trúc và đầu tư: Nhận định việc trẻ hóa đội tàu công ty, tăng cường năng lực vận chuyển là công tác sống còn đối với sự phát triển bền vững của đơn vị nên trong năm HĐQT và Ban điều hành đã tiến hành thuê mua tàu 13.000 DWT. Hiện tại tàu 13.000 DWT khai thác hiệu quả theo đúng kế hoạch đề ra. Bên cạnh đó đơn vị đã kêu gọi cổ đông tăng thêm vốn qua hình thức đầu tư thêm tàu 13-15.000 DWT hoặc tăng vốn điều lệ từ 200 -266 tỷ làm vốn đối ứng trong năm 2017. Kế hoạch tăng vốn đã được cổ đông chấp thuận bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

Hiện Công ty đang triển khai phương án tăng vốn từ 200 tỷ lên 266 tỷ để thực hiện kế hoạch đầu tư tàu 13.000 DWT, dự kiến sẽ hoàn thành trong cuối quý 1 đầu quý 2/2018. Ngay sau khi hoàn tất tăng vốn Công ty sẽ tiến hành đầu tư tàu 13.000 DWT đã được thông qua trong năm 2017. Ngoài ra trong năm 2018 công ty cũng có kế hoạch tăng vốn từ 266 tỷ - 376 tỷ và đầu tư thêm 01 tàu 13.000 DWT. Bên cạnh đó Công ty đã chủ động làm việc với các Tổ chức tài chính/Ngân hàng để tìm kiếm nguồn tài trợ vốn vay với lãi suất vay phù hợp.

## **2.2 Hoạt động của các thành viên HĐQT**

Trong năm, các thành viên HĐQT đã tích cực hoạt động theo chức năng nhiệm vụ đã được phân công, tham gia đầy đủ và có ý kiến đối với các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT cụ thể như sau:

### **Ông Nguyễn Quốc Phương - Chủ tịch HĐQT**

- Phụ trách chung về các mặt hoạt động của HĐQT, triệu tập, chủ trì các cuộc họp HĐQT và ĐHĐCĐ.
- Công tác chiến lược định hướng và phát triển công ty;
- Công tác sắp xếp đổi mới và phát triển Doanh nghiệp

- Công tác xây dựng các quy chế, quy định quản lý nội bộ.
- Thay mặt HĐQT ký các nghị quyết, quyết định và các văn bản thuộc thẩm quyền của HĐQT để thực hiện trong Công ty, đề trình, báo cáo cho ĐHCĐ hoặc cho các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.
- Giám sát, theo dõi, đôn đốc việc tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định và các văn bản khác của HĐQT.
- Quản lý, giám sát công tác tài chính trong Công ty, công tác theo dõi quản lý nguồn vốn, hỗ trợ thu xếp tài chính cho các dự án đầu tư.
- Trực tiếp hỗ trợ Ban Giám đốc trong các mặt hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Trực tiếp hỗ trợ xây dựng hệ thống khách hàng Trong các mảng kinh doanh, dịch vụ
- Phát triển, mở rộng các mảng dịch vụ/khách hàng khác có tiềm năng.

#### **Ông Hoàng Đức Chính - Ủy viên HĐQT kiêm Giám đốc**

- Phụ trách pháp lý - chính sách, đại diện của Công ty trước pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật, HĐQT về công tác bảo toàn và phát triển vốn.
- Trực tiếp thực hiện tổ chức, chỉ đạo, điều hành, quản lý các hoạt động của Công ty theo Luật doanh nghiệp, Điều lệ công ty, Nghị quyết của HĐQT. Báo cáo tình hình hoạt động và kết quả sản xuất kinh doanh cho Công ty theo định kỳ và quy định.
- Theo dõi, chỉ đạo các hoạt động của tổ chức Đảng, Công đoàn và Đoàn thanh niên theo các quy định hiện hành.
- Tổ chức thực hiện các hợp đồng kinh tế.
- Tham gia trực tiếp cùng HĐQT để xử lý các vấn đề liên quan cho Công ty.
- Thực thi trách nhiệm và quyền hạn của Chủ tịch HĐQT theo nội dung được ủy quyền khi Chủ tịch HĐQT vắng mặt.

#### **Ông Lê Anh Nam - Ủy viên HĐQT**

- Tham gia công tác lập, rà soát và báo cáo thực hiện kế hoạch cho Tổng công ty.
- Hỗ trợ HĐQT trong công tác xây dựng chiến lược phát triển, kế hoạch SXKD của công ty;
- Công tác kế hoạch tài chính phục vụ hoạt động SXKD và đầu tư
- Các định mức kinh tế kỹ thuật áp dụng trong công ty
- Tham gia công tác theo dõi cổ đông, cổ phiếu và các thủ tục liên quan đến Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán Tp.HCM.
- Thẩm định các quyết toán, dự án do Ban Giám đốc trình trước khi trình HĐQT.
- Công tác đầu tư.
- Triển khai thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT và các văn bản khác do HĐQT ban hành
- Có ý kiến về các hoạt động của Hội đồng quản trị.

### **Ông Nguyễn Hoài Phương - Ủy viên HĐQT**

- Tham gia công tác định hướng quy hoạch phát triển đội tàu, định hướng phát triển các lĩnh vực kinh doanh khác liên quan đến hoạt động vận tải.
- Hỗ trợ, tư vấn cho HĐQT về công tác khai thác/phát triển mạng lưới khách hàng trong và ngoài nước.
- Triển khai thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT và các văn bản khác do HĐQT ban hành
- Có ý kiến về các hoạt động của HĐQT.

### **Ông Nguyễn Đức Thắng - Ủy viên HĐQT**

- Tham gia công tác quản trị công ty theo quy định của Pháp luật và điều lệ công ty.
- Ý kiến tham mưu, tư vấn cho Hội đồng Quản trị:
  - + Công tác sắp xếp đổi mới Doanh nghiệp;
  - + Phát triển các dịch vụ, quan hệ công việc của PV Oil tại Công ty;
  - + Công tác phát triển nhân sự, định chế lao động tiền lương
  - + Công tác đào tạo pháp chế tại công ty
  - + Công tác pháp lý liên quan đến đầu tư và thu xếp vốn của công ty
  - + Triển khai thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT và các văn bản khác do HĐQT ban hành
- Các vấn đề pháp lý của Công ty;
- Có ý kiến về các hoạt động của HĐQT.

### **3. Công tác giám sát đối với Giám đốc điều hành**

Căn cứ Điều lệ công ty và các quy chế quản trị nội bộ, HĐQT đã phân cấp ủy quyền cho Giám đốc chủ động quyết định một số vấn đề liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh đồng thời thiết lập cơ chế kiểm tra, giám sát thông qua hệ thống các báo cáo tổng hợp/chi tiết và các kỳ họp HĐQT, được thể hiện qua các quyết định, nghị quyết, giải quyết các vấn đề công nợ, khai thác hiệu quả đội tàu và kinh doanh tốt mảng thương mại.

Các thành viên trong Ban Giám đốc đều có trình độ, năng lực và phẩm chất, được đào tạo đầy đủ về chuyên môn, am hiểu lĩnh vực được giao phụ trách và đã có nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực phụ trách

Kết thúc năm 2017, Hội đồng Quản trị đánh giá Ban Giám đốc về cơ bản đã thực hiện đầy đủ và đúng theo các chỉ đạo của Hội đồng Quản trị, triển khai kế hoạch SXKD của đơn vị phù hợp với Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và tuân thủ đúng điều lệ doanh nghiệp, quy định của pháp luật.

#### 4. Đánh giá chung

Với sự chỉ đạo, phối hợp chặt chẽ giữa HĐQT và Giám đốc, kết thúc năm 2017 các chỉ tiêu chính đạt được như sau:

*DVT: tỷ đồng*

| STT | Chỉ tiêu             | Kế hoạch năm 2017 (Tỷ đồng) | Thực hiện năm 2017 (Tỷ đồng) | Tỉ lệ TH 2017/KH 2017 |
|-----|----------------------|-----------------------------|------------------------------|-----------------------|
|     | B                    | 1                           | 2                            | 3=2/1                 |
| 1   | Tổng doanh thu       | 651.00                      | 715.95                       | 110%                  |
| 2   | Tổng chi phí         | 631.00                      | 698.95                       | 111%                  |
| 3   | Lợi nhuận trước thuế | 20.00                       | 17.00                        | 85%                   |
| 4   | Lợi nhuận sau thuế   | 20.00                       | 14.98                        | 75%                   |
| 5   | Nộp ngân sách NN     | 7.00                        | 8.34                         | 119%                  |

#### - Đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch SXKD trong năm 2017:

- Chỉ tiêu doanh thu thực hiện 715.95 tỷ đồng, tương đương 110% kế hoạch năm.
- Chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế thực hiện: 14.98 tỷ đồng, tương đương 75% kế hoạch năm.
- Chỉ tiêu Nộp NSNN đạt 8.34 tỷ đồng, tương đương 119% kế hoạch năm.
- *Trong năm 2017 Công ty đã thay đổi chính sách kế toán từ trích trước sang phân bổ, sự lựa chọn chính sách kế toán nhằm sớm xóa bỏ lỗ lũy kế, hoàn nhập vốn chủ sở hữu cho cổ đông và chuẩn bị triển khai phương án tái cấu trúc, tăng vốn và đầu tư trong giai đoạn 2016-2020. Tại ngày 31/12/2017 Vốn chủ sở hữu là 200.5 tỷ đồng (tại ngày 31/12/2011 vốn chủ sở hữu chỉ có 13.3 tỷ đồng).*



## II. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NĂM 2018

- Tiếp tục quản lý, giám sát, chỉ đạo và phối hợp với Giám đốc đưa ra các giải pháp đột phá về tài chính, thị trường, đồng thời hạn chế tối đa công nợ phát sinh, giảm lỗ lũy kế và hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch được ĐHĐCĐ giao. Đặc biệt trong tình hình hiện nay, ảnh hưởng của việc suy giảm giá dầu thô nên các công ty sử dụng dịch vụ tăng cường công tác tiết giảm chi phí một cách tối đa. Do đó cần phải đôn đốc, giám sát việc tiết giảm chi phí một cách hiệu quả tại đơn vị.

- Tiếp tục chỉ đạo việc tăng vốn và đầu tư tàu theo đúng định Nghị quyết của ĐHĐCĐ đã thông qua. Đôn đốc và chỉ đạo đảm bảo đúng tiến độ và các chỉ tiêu tài chính đã được phê duyệt trong FS.

- Tập trung vào công tác tái cấu trúc tại công ty như tái cấu trúc về thị trường, tái cấu trúc về tài sản và tái cấu trúc về công việc nội tại của công ty như tập trung vào việc mô tả công việc nhằm đánh giá hiệu quả công việc của từng CBCNV để tạo động lực phát triển.

- Chỉ đạo sửa đổi, bổ sung kịp thời các quy chế quản trị nội bộ cho phù hợp với từng thời điểm, đặc biệt là định mức kinh tế kỹ thuật và giám sát chi phí đội tàu.

- Tiếp tục đàm phán với PVcomBank để có được mức lãi vay hợp lý trên cơ sở tối thiểu phải duy trì được hoặc thấp hơn mức lãi suất đang áp dụng đối với hợp đồng 08 là không vượt quá 3,8 %.

- Tối đa hóa lợi ích cho Cổ đông, kết hợp với việc đảm bảo thu nhập và chăm sóc quyền lợi chính đáng cho người lao động.

- Tăng cường tìm kiếm khách hàng, mở rộng ngành hàng kinh doanh, lĩnh vực kinh doanh nhằm đa dạng hóa sản phẩm, ngành nghề nhằm tạo nên tăng cho các năm kế tiếp đạt được các chỉ tiêu đã đề ra bên cạnh đó kết hợp với việc nâng cao chất lượng sản phẩm dịch vụ đáp ứng yêu cầu ngày càng cao cho khách hàng; triển khai các loại hình dịch vụ mà công ty có khả năng thực hiện để tăng doanh thu và lợi nhuận, tạo công ăn việc làm ổn định cho người lao động.

- Với mục tiêu tăng năng lực vận tải cho công ty và với thực trạng đội tàu của công ty hầu hết là tàu già, do đó trong năm 2018 HĐQT sẽ chỉ đạo và phối hợp với Ban điều hành đưa ra các phương án Đầu tư, thuê mua nhằm trẻ hóa đội tàu của công ty và tăng năng lực cạnh tranh để đón đầu các dự án trọng điểm của Tập đoàn Dầu khí như Nghi sơn, Long sơn... và các dự án khác phù hợp với năng lực tài chính của Công ty.

Kính trình đại hội xem xét thông qua.

### ***Nơi nhận:***

- Như trên;
- UBCKNN, SGDCK (để b/c);
- Website Công ty;
- Lưu: HĐQT (1b).

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Quốc Phương**

Tp.HCM, ngày \_\_\_ tháng \_\_\_ năm 2018

**BÁO CÁO**  
**Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2017**  
**và Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018**

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông .  
Công ty Cổ phần Vận Tải Dầu Phương Đông Việt

Giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải Dầu Phương Đông Việt (PVTrans Oil) kính trình Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2017 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018 của Công ty như sau:

**I. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2017**

**1. Đặc điểm tình hình năm 2017:**

Nền kinh tế thế giới trong năm 2017 vẫn còn nhiều khó khăn, thách thức, Sự bất ổn chính trị ở nhiều khu vực Châu Âu, Trung Đông...và sức khỏe của các nền kinh tế Mỹ, Trung Quốc... đã gây ảnh hưởng khó lường đối phần còn lại của kinh tế thế giới. Trong khi đó thị trường vận tải cạnh tranh gay gắt, các đối tác thuê tàu gặp nhiều khó khăn nên đã ép giảm giá thuê hoặc sớm trả lại tàu ... điều này đã làm ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của các công ty vận tải trong những tháng cuối năm 2017.

**1.1 Về mặt thuận lợi :**

- Công ty tiếp tục nhận được sự ủng hộ và hỗ trợ thiết thực từ Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí (PVTrans), các cổ đông lớn và Tập đoàn Dầu Khí Quốc gia Việt Nam.

- Thị trường tài chính trong nước và thế giới tương đối ổn định, tỷ giá VN đồng/usd được duy trì ổn định. Chi phí CLTG vẫn nằm trong kế hoạch kiểm soát của PVTrans Oil.

- Công ty đã xây dựng bộ máy quản lý, quản trị và hoạt động ổn định. Tập thể lãnh đạo và CBCNV gắng bó và tâm huyết luôn vì mục tiêu xây dựng và phát triển công ty.

**1.2. Những khó khăn :**

- Thị trường vận tải hàng lỏng trong những tháng cuối năm 2016 và những tháng đầu năm 2017 là khoảng thời gian đầy khó khăn, thách thức đối với các doanh

nghiệp hoạt động trong lĩnh vực vận tải biển. Mặc dù giá dầu thô phục hồi, nhưng giao dịch thương mại sụt giảm cùng với việc dư thừa nguồn cung tàu tại các thị trường truyền thống của công ty, kéo theo giá cước các size tàu giảm mạnh, đã làm ảnh hưởng đến việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của công ty trong năm 2017 của công ty.

- Hiện nay đội tàu của Công ty hầu hết là tàu già (2 tàu trên 20 tuổi), qua mỗi năm hoạt động chi phí ngày càng gia tăng, đặc biệt là chi phí bảo quản, bảo dưỡng, vật tư phụ tùng và sửa chữa thường xuyên, nên đã làm giảm năng lực cạnh tranh so với các đối thủ khác ở trong nước và khu vực.

- Trong năm Nhà máy LD Dung Quất tạm dừng hoạt động 52 ngày để bảo dưỡng định kỳ và cùng với việc Tổng Công Ty Dầu Việt Nam (PVOil) trả tàu Phương Đông Star (PVOil trả tàu ngày 21/04/2017) trước hạn đã gây khó khăn cho Công ty trong việc tìm kiếm nguồn hàng khai thác trong nước. Mặc dù Công ty đã chủ động phối hợp với các nhà môi giới để đưa tàu khai thác quốc tế, tuy nhiên do hạn chế về tình trạng kỹ thuật, tàu chưa lấy sire nên đã trượt nhiều lô hàng.

- Mặc dù tình hình tài chính của đơn vị đã có nhiều cải thiện trong thời gian qua, nhưng qui mô còn nhỏ, rất cần nguồn vốn để đầu tư phát triển nâng cao năng lực của đội tàu.

## **2. Tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2017:**

### **2.1 Về dịch vụ vận tải sản phẩm dầu:**

- **Đối với vận tải trong nước:** thị trường vận tải trong nước không có nhiều biến động, phần lớn nhu cầu vận chuyển nội địa phụ thuộc vào Tổng công ty Dầu PVOIL/Tổng Công ty Xăng Dầu Petrolimex... Trong năm nhà máy Lọc Dầu Dung Quất tạm dừng hoạt động để sửa chữa, nhà máy Lọc dầu Nghi Sơn đã tiến hành chạy thử tuy nhiên vẫn chưa ổn định. Sau nhiều lần trì hoãn, dự kiến nhà máy sẽ sản xuất sản phẩm thương mại đầu tiên vào quý 2/2018.

Tháng 04/2017 Tổng công ty Dầu VN (PVOil) đã không tiếp tục thuê định hạn tàu Phương Đông Star. Mặc dù Ban lãnh đạo công ty đã nỗ lực đàm phán và chứng minh hiệu quả khai thác trong suốt thời gian thuê tàu. Công ty đã tìm nhiều giải pháp trong đó có giải pháp đưa tàu ra nước ngoài để khai thác. Tuy nhiên do hạn chế về tình trạng kỹ thuật nên tàu chưa đáp ứng được các điều kiện của chủ hàng và chính quyền cảng các cấp... do đó phải tiếp tục đưa tàu Phương Đông Star khai thác trong nước thông qua sự điều phối của Tổng công ty và Công CPVT Xăng dầu Phương Nam. Trong năm doanh thu thực hiện 49.8 tỷ đồng, đạt 95% kế hoạch năm.

- **Vận tải quốc tế:** Để giảm bớt rủi ro về thị trường cũng như ổn định nguồn doanh thu ngoại tệ cho công ty, Ban lãnh đạo công ty đã xác định mục tiêu ngay từ khi xây dựng kế hoạch là tập trung đưa các tàu còn lại ra khai thác tại thị trường quốc tế với hình thức ưu tiên cho thuê định hạn hoặc ký các hợp đồng vận chuyển dài hạn

(COA hoặc CVC). Tuy nhiên trong những tháng đầu năm 2017 thị trường vận tải quốc tế gặp nhiều khó khăn, nhu cầu vận tải tiếp tục suy giảm kéo theo giá cước vận tải giảm sâu. Do đó hiệu quả khai thác tại thị trường quốc tế trong năm 2017 chưa đạt hiệu quả so với kế hoạch đề ra.

- Trong những tháng đầu năm, tàu Jupiter khai thác theo hình COA, tuy nhiên do thị trường khó khăn, tàu phải nằm chờ hàng nhiều ngày, nên ảnh hưởng lớn đến doanh thu và hiệu quả của tàu Jupiter. Đến đầu tháng 08/2017 tàu được khách hàng SeaHub thuê định hạn với thời gian thuê 06+06 cho đến giữa tháng 2/2018. Doanh thu thực hiện 60.6 tỷ đồng, đạt 112% kế hoạch năm.

- Tàu Venus thực hiện hợp đồng T/C với khách hàng Continental, sau đó tàu lên dock từ 01/08/2017-11/09/2017. Sau khi ra dock tàu chạy chuyến cho Khách hàng Nova và hiện nay vẫn đang tiếp tục khai thác spot trong khu vực Ấn Độ - Đông Nam Á. Doanh thu thực hiện 56.61 tỷ đồng, đạt 101% kế hoạch năm

- Ngày 22/06/2017 Công ty đã triển khai thuê bareboat tàu PVT Saturn của Tổng Công ty. Tàu được đưa ngày vào khai thác spot khu vực Đông Nam Á – Ấn Độ. Ngày 07/11 tàu được khách hàng PRUDENSOL thuê định hạn (thời gian 09+09). Doanh thu khai thác đạt 44.3 tỷ đồng, đạt 68% kế hoạch đề ra.

- Ngày 11/08/2017 Công ty thuê định hạn của PVT Vũng Tàu, tàu PVT Dragon và cho khách hàng Don Sum thuê định hạn với thời gian thuê 06+06.

Trong năm 2017, tổng doanh thu khai thác đội tàu đạt 232.7 tỷ đồng, tương đương 104% kế hoạch năm.

## **2.2 Dịch vụ kinh doanh thương mại, dịch vụ đại lý, dịch vụ hàng hải:**

- **Kinh doanh xăng dầu, dung môi ...:** Trong năm 2017, Công ty tiếp tục duy trì hoạt động kinh doanh thương mại tập trung vào các khách hàng truyền thống và mở rộng thêm một số khách hàng mới... Sự duy trì hoạt động kinh doanh thương mại đã góp phần đảm bảo chỉ tiêu doanh thu cho toàn công ty. Doanh thu thương mại thực hiện 467.7 tỷ đồng, tương đương 115% kế hoạch năm.

- **Cung cấp dịch vụ hàng hải và đại lý tàu biển:** Công ty luôn bám sát nhu cầu của khách hàng, thực hiện tốt công tác dịch vụ đại lý cho các tàu dầu thô do PVOil giới thiệu đồng thời thực hiện làm đại lý cho đội tàu của công ty, góp phần tiết kiệm đáng kể chi phí hoạt động của đội tàu. Trong năm thực hiện 48 chuyến làm đại lý cho đội tàu của công ty và 49 chuyến làm đại lý cho tàu dầu thô và các tàu dịch vụ khác. Với doanh thu thực hiện 4.3 tỷ đồng, đạt 102% kế hoạch năm.

## **2.3. Về công tác đầu tư và tài chính :**

- Hiện Công ty đã triển khai phương án tăng vốn điều lệ từ 200 tỷ lên 266 tỷ để thực hiện kế hoạch đầu tư mua 01 tàu vận tải sản phẩm dầu/hóa chất với trọng tải

13.000 DWT, dự kiến sẽ hoàn thành trong quý 2/2018. Bên cạnh đó Công ty đã chủ động làm việc với các Tổ chức tài chính/Ngân hàng để thu xếp nguồn vốn vay với lãi suất vay phù hợp.

- Trong năm 2017, Công ty đã trả nợ hơn 2.800.000 USD cho Ngân hàng PVCom Bank (bao gồm trả nợ gốc: 2.600.000 USD, trả lãi vay 200.000 USD). Hiện nay dư nợ vay phải trả cho PVCom Bank là 6,38 triệu USD ~ 145.6 tỷ đồng.

- Tiếp tục tập trung xử lý các công nợ tồn đọng và đã thu hồi được 1 phần công nợ hao hụt tồn đọng trước đây với số tiền 69 triệu đồng. Các công nợ còn lại đơn vị sẽ tiếp tục theo dõi, từng bước xử lý và thu hồi vốn cho công ty.

#### 2.4. Về công tác tổ chức, quản lý điều hành:

- Trước những khó khăn và cạnh tranh của thị trường vận tải Ban lãnh đạo công ty đã tập trung mọi nguồn lực để nâng cao chất lượng công tác quản lý tàu, quản lý kỹ thuật, chú trọng và tăng cường công tác kiểm soát và tiết kiệm chi phí, đặc biệt là các chi phí ảnh hưởng lớn đến kết quả SXKD như chi phí tiêu hao nhiên liệu, sửa chữa, vật tư, phụ tùng, chi phí quản lý ... nhưng vẫn đảm bảo công tác vận hành an toàn cho đội tàu.

#### 2.5. Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2017 :

- Năm 2017 là một năm khó khăn và đặt ra nhiều thách thức đối với Ban lãnh đạo công ty trong việc chủ động thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, xây dựng phương án và giải pháp đối phó với những thay đổi của thị trường, khách hàng... Mặc dù đơn vị đã nỗ lực và cố gắng tuy nhiên do sự suy giảm của thị trường, cùng với các yếu tố khách quan và chủ quan... nên trong năm Công ty chỉ đạt kế hoạch về doanh thu. Cụ thể các chỉ tiêu SXKD thực hiện như sau:

*DVT: Tỷ đồng*

| STT | Chỉ tiêu             | Kế hoạch năm 2017 | Thực hiện năm 2017 | Đánh giá KQ thực hiện |                      |
|-----|----------------------|-------------------|--------------------|-----------------------|----------------------|
|     |                      |                   |                    | Thực hiện/ Kế hoạch   | Thực hiện - Kế hoạch |
| 1   | Tổng doanh thu       | 651.00            | 715.95             | 110%                  | 64.95                |
| 2   | Tổng chi phí         | 631.00            | 698.95             | 111%                  | 67.95                |
| 3   | Lợi nhuận trước thuế | 20.00             | 17.00              | 85%                   | (3.00)               |
| 4   | Lợi nhuận sau thuế   | 20.00             | 14.98              | 75%                   | (5.02)               |
| 5   | Nộp ngân sách NN     | 7.00              | 8.34               | 119%                  | 1.34                 |

**Ghi chú:** Trong năm 2017 Công ty đã thay đổi chính sách kế toán từ trích trước sang phân bổ, sự lựa chọn chính sách kế toán nhằm sớm xóa bỏ lỗ lũy kế, hoàn nhập vốn chủ sở hữu cho cổ đông và chuẩn bị triển khai phương án tái cấu trúc, tăng vốn và đầu tư trong giai đoạn 2016-2020. Tại ngày 31/12/2017 Vốn chủ sở hữu là 200.5 tỷ đồng (tại ngày 31/12/2011 vốn chủ sở hữu chỉ có 13.3 tỷ đồng).

### **3. Đánh giá kết quả đạt được và chưa được trong năm 2017:**

- Những khó khăn của thị trường vận tải trong năm 2017 đã đặt ra nhiều thách thức cho Ban lãnh đạo công ty trong thời tới. Mặc dù đã cố gắng tìm kiếm nhiều phương án khai thác, nỗ lực làm việc khách hàng...Tuy nhiên do những yếu tố khách quan lẫn chủ quan đã làm ảnh hưởng đến tình hình thực hiện kết quả SXKD của Công ty, cụ thể như :

- Tổng Công Ty Dầu VN (PVOil) đã không tiếp tục thuê định hạn tàu Phương Đông Star (PVOil trả tàu ngày 21/04/2017).
- Nhà máy lọc dầu Dung Quất tạm dừng 52 ngày hoạt động để bảo quản sửa chữa định kỳ.
- Trong năm 2017, lên dock 2 tàu Phương Đông Star và tàu PV Oil Venus cùng với việc tiếp nhận và khai thác tàu PVT Saturn chậm so với kế hoạch đề ra. Phát sinh thêm chi phí sửa chữa còn phân bổ năm 2016 chuyển sang năm 2017 là 5,5 tỷ đồng.

- Công ty nhận thấy phía trước vẫn còn nhiều thách thức, còn nhiều việc cần phải làm, cần phải thay đổi tư duy, nếp nghĩ, cách làm để tiếp tục duy trì sự ổn định và phát triển. Công tác quản lý, quản trị cần phải tiếp tục cải tiến để đáp ứng yêu cầu ngày càng cao trong SXKD, chất lượng đội ngũ lãnh đạo, đội ngũ thuyền viên cần phải tăng cường đào tạo, tăng tính chủ động và trách nhiệm để theo kịp tốc độ phát triển của Công ty.

- Công ty đã tiếp nhận và khai thác an toàn, hiệu quả tàu PVT Saturn của Tổng công ty giao. Việc tiếp nhận thêm tàu PVT Saturn đã góp phần nâng cao sức cạnh tranh của Tổng công ty nói chung và của Phương Đông Việt nói riêng trên thị trường vận tải xăng dầu. Bên cạnh đó việc thuê định hạn tàu PVT Dragon để đưa ra khai thác quốc tế mang lại hiệu quả cao hơn so với khai thác trong nước đồng thời tạo điều kiện dồi dào hàng cho tàu Phương Đông Star khai thác nội địa.

## **II. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2018:**

### **1. Đặc điểm tình hình :**

- Dự báo kinh tế thế giới tăng trưởng chậm lại, giá dầu thô giao dịch quanh mức 60 – 65 usd/thùng, tranh chấp kinh tế thương mại giữa Mỹ - Trung Quốc và các quốc gia khác sẽ bùng nổ, tình hình bất ổn chính trị tại khu vực Trung Đông, Châu Âu... sẽ làm ảnh hưởng đến kinh tế thế giới và làm giảm đà phục hồi của thị trường vận tải, tạo ra áp lực rất lớn cho các doanh nghiệp vận tải trong việc duy trì giá cước vận tải, duy trì khách hàng.

- Công ty tiếp tục nhận được sự ủng hộ và hỗ trợ từ Tổng Công ty PVTrans, Tập Đoàn Dầu Khí Việt Nam... đã tạo điều kiện thuận lợi cho Công ty cung cấp dịch vụ của mình cho các đơn vị thành viên khác cũng như sử dụng dịch vụ của các đơn vị trong ngành.

- Tình hình kinh tế trong nước có những chuyển biến tích cực hơn, kinh tế vĩ mô ổn định, tỷ lệ lạm phát được Chính phủ kiểm soát chặt chẽ, tỷ giá ngoại tệ USD/VND dự kiến sẽ được duy trì ổn định với biến động từ 2-3% trong năm;

## **2. Mục tiêu và nhiệm vụ chủ yếu năm 2018:**

Với những đặc điểm tình hình nêu trên, dự báo ngành vận tải dầu khí tiếp tục đứng trước khó khăn, vì vậy trong năm 2018 Công ty đề ra các mục tiêu quan trọng như sau:

- Tiếp tục xây dựng và phát triển Công ty ổn định, duy trì sự tăng trưởng, bảo toàn và phát triển vốn, tối đa hóa các lợi ích của Tổng công ty và của các cổ đông.

- Thực hiện phương án tái cấu trúc công ty, triển khai xây dựng phương án tăng vốn từ 200 tỷ lên 376 tỷ để đầu tư thêm 02 tàu vận tải sản phẩm dầu/hóa chất có trọng tải 13.000 DWT trong năm 2018. Công ty xác định đây là một trong những mục tiêu quan trọng cần phải thực hiện thành công trong năm 2018.

- Tập trung vận hành, khai thác an toàn, hiệu quả tối đa đội tàu vận tải sản phẩm của Công ty. Đặc biệt tập trung duy trì tình trạng kỹ thuật, an toàn của đội tàu để thực hiện cho thuê định hạn dài ngày tại thị trường quốc tế. Tổ chức thực hiện khai thác tàu Phương Đông Star đảm bảo vận chuyển kịp thời xăng dầu đầu ra cho NMLD Dung Quất/Nghi Sơn. Vận hành khai thác an toàn tàu PVT Saturn, ưu tiên cho thuê định hạn dài ngày để ổn định doanh thu, dòng tiền, đảm bảo khai thác có hiệu quả và nguồn trả nợ cho Tổng công ty PVTrans.

- Nâng cao hiệu quả trong kinh doanh, đặc biệt mảng kinh doanh chính của công ty. Đẩy mạnh các hoạt động kinh doanh thương mại, dịch vụ trên nguyên tắc đảm bảo an toàn nguồn vốn, không để phát sinh nợ phải thu khó đòi...nhằm tạo ra doanh thu và mang lại lợi nhuận cao nhất có thể cho Công ty.

- Tập trung công tác quản lý, quản trị, đặc biệt tăng cường công tác quản lý an toàn, quản lý kỹ thuật. Tiếp tục hoàn thiện hệ thống quản lý an toàn và chất lượng. Triệt để thực hành tiết kiệm, quản lý và kiểm soát chặt chẽ chi phí trong các hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư. Rà soát và điều chỉnh các định mức kinh tế kỹ thuật để góp phần giảm chi phí, hạ giá thành dịch vụ. Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với ngân sách Nhà nước và đảm bảo quyền lợi của cổ đông.

### 3. Các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018:

Căn cứ vào phân tích và đánh giá xu hướng thị trường trong năm 2018 và các nguồn lực thực tế, Công ty đã triển khai xây dựng các chỉ tiêu kế hoạch và xin báo cáo ĐHĐCĐ như sau:

Đơn vị tính: Triệu đồng:

| Stt        | Chỉ tiêu                       | Kế hoạch năm 2018 |                |                |                |                |
|------------|--------------------------------|-------------------|----------------|----------------|----------------|----------------|
|            |                                | Cả năm            | Kế hoạch Quý   |                |                |                |
|            |                                |                   | Quý I          | Quý II         | Quý III        | Quý IV         |
| 1          | 2                              | 3 =(4+..+7)       | 4              | 5              | 6              | 7              |
| 1          | Vốn chủ sở hữu                 | 412,569           | 382,552        | 390,865        | 397,955        | 412,569        |
| 2          | Vốn điều lệ                    | 376,000           | 266,000        | 376,000        | 376,000        | 376,000        |
|            | - Tỷ lệ tham gia của TCT       | 51%               | 51%            | 51%            | 51%            | 51%            |
| <b>I</b>   | <b>Tổng doanh thu</b>          | <b>935,000</b>    | <b>210,207</b> | <b>228,933</b> | <b>243,232</b> | <b>252,627</b> |
| 1          | Từ dịch vụ vận tải             | 401,838           | 76,917         | 95,643         | 109,942        | 119,337        |
| 2          | Từ DV thương mại               | 525,862           | 131,466        | 131,466        | 131,466        | 131,466        |
| 3          | Từ dịch vụ đại lý              | 4,000             | 1,000          | 1,000          | 1,000          | 1,000          |
| 4          | Từ hoạt động tài chính         | 3,300             | 825            | 825            | 825            | 825            |
| <b>II</b>  | <b>Tổng chi phí</b>            | <b>890,000</b>    | <b>203,454</b> | <b>218,542</b> | <b>234,007</b> | <b>233,997</b> |
| <b>III</b> | <b>Lợi nhuận trước thuế</b>    | <b>45,000</b>     | <b>6,753</b>   | <b>10,391</b>  | <b>9,225</b>   | <b>18,630</b>  |
|            | Chi phí thuế TNDN (20%)        | 9,000             | 1,351          | 2,078          | 1,845          | 3,726          |
| <b>IV</b>  | <b>Lợi nhuận sau thuế</b>      | <b>36,000</b>     | <b>5,983</b>   | <b>8,313</b>   | <b>7,090</b>   | <b>14,614</b>  |
| <b>V</b>   | <b>Các khoản phải nộp NSNN</b> | <b>14,000</b>     | <b>2,746</b>   | <b>3,328</b>   | <b>3,022</b>   | <b>4,904</b>   |

### 4. Các giải pháp để thực hiện các mục tiêu nhiệm vụ:

#### 4.1. Giải pháp thị trường và khai thác tàu :

- Định hướng khai thác đội tàu của Công ty trong năm 2018 là tiếp tục triển khai các phương án khai thác tàu linh hoạt kết hợp cho thuê định hạn hoặc khai thác chuyển tại khu vực có nhu cầu và giá cước ổn định như Đông Nam Á, Nam Trung Quốc, Trung Đông... Xác định thị trường vận tải quốc tế là thị trường mục tiêu quan trọng, nhằm đảm bảo nguồn doanh thu và ngoại tệ ổn định, giảm thiểu phát sinh chênh lệch tỷ giá trong thanh toán và đặc biệt là duy trì hiệu quả khai thác của đội tàu.



- Phối hợp chặt chẽ với Công ty Phương Nam và các khách hàng để vận chuyển an toàn, kịp thời sản phẩm đầu ra cho Nhà máy Lọc dầu Dung Quất/Nghi Sơn. Duy trì quan hệ với các khách hàng truyền thống, tìm kiếm, phát triển các khách hàng mới trong nước và các khách hàng nước ngoài để mở rộng chân hàng cho đội tàu.

- Duy trì tốt tình trạng kỹ thuật để không làm ảnh hưởng đến kế hoạch vận chuyển của khách hàng, đảm bảo không bị dừng tàu vì lý do kỹ thuật, không để tàu bị off-hire trong thời gian cho thuê khai thác. Thời gian tàu hoạt động dự kiến đạt từ 95% - 98% tổng thời gian, không kể thời gian nằm đà dock để sửa chữa.

- Tổ chức khai thác tàu an toàn, hiệu quả tàu PVT Saturn. Lập kế hoạch chi tiết để đưa tàu PVT Saturn lên dock sửa chữa SS2 vào tháng 08/2018, đảm bảo tiến độ và thời gian sửa chữa.

- Đối với 02 tàu 13.000DWT đầu tư trong năm: triển khai xây dựng chi tiết kế hoạch kinh doanh và tổ chức khai thác an toàn, hiệu quả theo đúng như kế hoạch đã đề ra. Từng bước nâng cao năng lực cạnh tranh trên thị trường vận tải.

- Hoạt động kinh doanh thương mại: tiếp tục phát triển hoạt động kinh doanh thương mại trên cơ sở tăng cường công tác quan hệ, marketing nhằm duy trì mối quan hệ tốt với khách hàng truyền thống và các khách mới, góp phần nâng cao doanh thu và hiệu quả sử dụng vốn. Tổ chức quản lý và kiểm soát chặt chẽ công nợ với khách hàng.

- Hoạt động kinh doanh dịch vụ đại lý: giữ mối quan hệ tốt và duy trì các dịch vụ đại lý cho các Chủ mỏ dầu khí hiện nay, tăng cường mở rộng quan hệ tìm kiếm các khách hàng mới để tham gia làm dịch vụ đại lý và các dịch vụ phụ trợ khác như cấp nhiên liệu, nước ngọt... đặc biệt khách hàng là các Chủ tàu nước ngoài đến Việt Nam nhận/trả hàng.

#### **4.2 Về công tác đầu tư và tài chính:**

- Khẩn trương hoàn thành phương án tăng vốn từ 200 tỷ lên 376 tỷ để đầu tư thêm 02 tàu vận tải sản phẩm dầu/hóa chất có trọng tải 13.000 DWT trong năm 2018, nhằm mở rộng và trẻ hóa đội tàu, tăng năng lực vận tải và sức cạnh tranh trên thị trường.

- Chủ động làm việc với các Ngân hàng/ tổ chức tín dụng để thu xếp vốn đầu tư mua 02 tàu 13.000DWT như kế hoạch đề ra. Hiện nay đã có NH Tiên Phong – CN.TPHCM quan tâm và sẵn sàng tài trợ cho dự án đầu tư mua tàu của đơn vị.

- Tìm kiếm các đối tác, các cổ đông chiến lược để thực hiện các phương án liên doanh liên kết, hợp tác đầu tư nhằm nâng cao năng lực vận tải và sức cạnh tranh của Công ty trên thị trường.

- Làm việc với Ngân hàng PVCom Bank để tiếp tục duy trì lãi suất vay của hợp đồng vay mua tàu Venus và Jupiter phù hợp. Cân đối dòng tiền trả nợ gốc và lãi vay, kiểm soát chặt chẽ công nợ khách hàng. Tiếp tục xử lý các công nợ tồn đọng, sớm thu hồi và bổ sung vốn cho hoạt động kinh doanh của công ty.

### **4.3. Giải pháp tổ chức, quản lý:**

- Nâng cao công tác quản lý, quản trị công ty, áp dụng có chọn lọc các mô hình quản lý chuyên nghiệp của các công ty vận tải uy tín vào mô hình quản lý của đơn vị. Tiếp tục duy trì và tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, nêu cao tính “Chủ động - Trách nhiệm” trong công tác quản lý điều hành.

- Tập trung các nguồn lực cần thiết để nâng cao công tác quản lý tàu, đặc biệt là công tác quản lý kỹ thuật, quản lý an toàn... Luôn duy trì tốt tình trạng kỹ thuật để tàu không bị dừng vì lý do kỹ thuật trong thời gian tàu cho thuê định hạn.

- Thực hiện kế hoạch bảo dưỡng và sửa chữa đội tàu của công ty một cách hợp lý, vừa đảm bảo tình trạng kỹ thuật tốt nhất vừa nhằm hạn chế tối đa các chi phí phát sinh, nhằm gia tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh. Thực hiện kế hoạch đưa tàu lên dock để sửa chữa tốt chương trình thực hành tiết kiệm chống lãng phí.

- Tổ chức xây dựng môi trường văn hóa làm việc “năng động, chuyên nghiệp” với tác phong làm việc khẩn trương và trách nhiệm. Tạo môi trường làm việc mở để người lao động phát huy hết năng lực đóng góp cho công ty.

- Xây dựng và thực hiện kế hoạch tuyển dụng, đào tạo và bồi dưỡng tay nghề cho các thuyền viên nhằm khai thác an toàn và hiệu quả đội tàu, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực có trình độ chuyên môn, trách nhiệm và nhiệt huyết đáp ứng yêu cầu phát triển của công ty.

Trên đây là báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2017 và kế hoạch kinh doanh năm 2018 của Công ty.

Kính trình Đại hội thông qua./.

**GIÁM ĐỐC**

**Hoàng Đức Chính**

Số: ...../PĐV-TTr-ĐHĐCĐ

Tp.HCM, ngày \_\_\_ tháng \_\_\_ năm 2018

## TỜ TRÌNH

### Phê duyệt kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2017 và Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2017

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông  
Công ty Cổ phần Vận Tải Dầu Phương Đông Việt.

#### 1. Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2017:

Thực hiện Quyết định số 57/QĐ-HĐQT ngày 17/07/2017 về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán cho Công ty. Công ty đã tiến hành ký kết hợp đồng kiểm toán với Công ty TNHH Kiểm toán Deloitte Việt Nam và Báo cáo tài chính năm 2017 của Công ty được Công ty TNHH Kiểm toán Deloitte Việt Nam kiểm toán đã hoàn thành (đính kèm).

#### 2. Kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2017:

*ĐVT: Tỷ đồng*

| STT | Chỉ tiêu             | Kế hoạch năm 2017 | Thực hiện năm 2017 | TH/KH năm 2017 |
|-----|----------------------|-------------------|--------------------|----------------|
| 1   | Vốn điều lệ          | 200               | 200                | 100%           |
| 2   | Doanh thu            | 651               | 715.95             | 110%           |
| 3   | Lợi nhuận trước thuế | 20                | 17.00              | 85%            |
| 4   | Lợi nhuận sau thuế   | 20                | 14.98              | 75%            |
| 5   | Tỉ suất LNST/ VDL    | 10%               | 7.5%               | 46%            |
| 6   | Nộp ngân sách NN     | 7                 | 8.34               | 119%           |

Trên đây là Báo cáo thực hiện kết quả sản xuất kinh doanh năm 2017 Công ty./.

Kính trình Đại hội thông qua./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Quốc Phương**



**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI DẦU  
PHƯƠNG ĐÔNG VIỆT**

*(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)*

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**

**MỤC LỤC**

| <b><u>NỘI DUNG</u></b>               | <b><u>TRANG</u></b> |
|--------------------------------------|---------------------|
| BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC             | 1                   |
| BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP            | 2 - 3               |
| BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN                 | 4 - 5               |
| BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH | 6                   |
| BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ           | 7                   |
| THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH        | 8 - 28              |

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải Dầu Phương Đông Việt (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### Hội đồng Quản trị

|                        |  |
|------------------------|--|
| Ông Nguyễn Quốc Phương | Chủ tịch   |
| Ông Nguyễn Hoài Phương | Thành viên                                       |
| Ông Nguyễn Đức Thắng   | Thành viên (bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2017)   |
| Ông Nguyễn Xuân Quyền  | Thành viên (miễn nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2017) |
| Ông Hoàng Đức Chính    | Thành viên                                       |
| Ông Lê Anh Nam         | Thành viên                                       |

#### Ban Giám đốc

|                     |   |
|---------------------|---|
| Ông Hoàng Đức Chính | Giám đốc  |
| Ông Trần Đức Thịnh  | Phó Giám đốc (miễn nhiệm ngày 24 tháng 01 năm 2018)                                       |
| Ông Phạm Huy Hiệp   | Phó Giám đốc  |
| Ông Trần Thái Thanh | Phó Giám đốc (bổ nhiệm ngày 31 tháng 10 năm 2017 và miễn nhiệm ngày 01 tháng 02 năm 2018) |

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



**Hoàng Đức Chính**  
Giám đốc

Ngày 12 tháng 3 năm 2018



Số: 351 /VN1A-HC-BC

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải Dầu Phương Đông Việt**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Vận tải Dầu Phương Đông Việt (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 12 tháng 3 năm 2018, từ trang 04 đến trang 28, bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và bản thuyết minh báo cáo tài chính.

### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

03/ CC CC VẬN HƯỞNG  
10-1 HÁI T. MHI IT NA HỒ

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 3 trong Bản thuyết minh báo cáo tài chính, trong đó trình bày sự thay đổi chính sách kế toán từ trích trước chi phí sang phân bổ chi phí thực tế phát sinh của Ban Giám đốc Công ty liên quan đến việc ghi nhận chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định. Nếu chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định được tiếp tục ghi nhận như trước đây, số dư Dự phòng phải trả dài hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 sẽ tăng với số tiền là 14.600.000.000 đồng, số dư Chi phí trả trước dài hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 sẽ giảm với số tiền là 22.012.109.787 đồng, Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày sẽ tăng với số tiền là 15.170.000.000 đồng, và theo đó lợi nhuận kế toán trước thuế cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 sẽ giảm với số tiền tương ứng. Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.



**Nguyễn Quang Trung**  
**Phó Tổng Giám đốc**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 0733-2018-001-1

**CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH  
DELOITTE VIỆT NAM**

Ngày 12 tháng 3 năm 2018

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Trần Thị Kim Khánh**  
**Kiểm toán viên**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 0395-2018-001-1



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

| <b>TÀI SẢN</b>                               | <b>Mã số</b> | <b>Thuyết minh</b> | <b>Số cuối năm</b>     | <b>Số đầu năm<br/>(Trình bày lại)</b> |
|--|--------------|--------------------|------------------------|---------------------------------------|
| <b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>                   | <b>100</b>   |                    | <b>129.028.401.915</b> | <b>151.638.641.581</b>                |
| <b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b> | <b>110</b>   | <b>5</b>           | <b>87.934.147.030</b>  | <b>104.769.358.741</b>                |
| 1. Tiền                                      | 111          |                    | 31.284.271.659         | 36.359.358.741                        |
| 2. Các khoản tương đương tiền                | 112          |                    | 56.649.875.371         | 68.410.000.000                        |
| <b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>         | <b>120</b>   |                    | <b>300.000.000</b>     | <b>-</b>                              |
| 1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn           | 123          |                    | 300.000.000            | -                                     |
| <b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>      | <b>130</b>   |                    | <b>21.799.908.446</b>  | <b>38.693.498.506</b>                 |
| 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng          | 131          | 6                  | 15.840.798.499         | 36.595.994.416                        |
| 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn          | 132          |                    | 1.042.556.608          | 689.181.802                           |
| 3. Phải thu ngắn hạn khác                    | 136          | 7                  | 7.502.863.779          | 3.257.072.944                         |
| 4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi        | 137          | 8                  | (2.586.310.440)        | (1.848.750.656)                       |
| <b>IV. Hàng tồn kho</b>                      | <b>140</b>   | <b>9</b>           | <b>9.684.782.236</b>   | <b>5.268.722.787</b>                  |
| 1. Hàng tồn kho                              | 141          |                    | 9.684.782.236          | 5.268.722.787                         |
| <b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>              | <b>150</b>   |                    | <b>9.309.564.203</b>   | <b>2.907.061.547</b>                  |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn                | 151          | 12                 | 845.075.255            | 586.019.855                           |
| 2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ       | 152          |                    | 8.464.488.948          | 2.311.872.417                         |
| 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước  | 153          | 14                 | -                      | 9.169.275                             |
| <b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>                    | <b>200</b>   |                    | <b>303.351.940.105</b> | <b>307.468.773.417</b>                |
| <b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>         | <b>210</b>   |                    | <b>355.572.000</b>     | <b>355.572.000</b>                    |
| 1. Phải thu dài hạn khác                     | 216          | 7                  | 355.572.000            | 355.572.000                           |
| <b>II. Tài sản cố định</b>                   | <b>220</b>   |                    | <b>279.397.646.242</b> | <b>300.898.063.836</b>                |
| 1. Tài sản cố định hữu hình                  | 221          | 10                 | 277.421.157.925        | 298.785.915.397                       |
| - Nguyên giá                                 | 222          |                    | 521.993.684.836        | 521.974.676.744                       |
| - Giá trị hao mòn lũy kế                     | 223          |                    | (244.572.526.911)      | (223.188.761.347)                     |
| 2. Tài sản cố định vô hình                   | 227          | 11                 | 1.976.488.317          | 2.112.148.439                         |
| - Nguyên giá                                 | 228          |                    | 2.431.037.064          | 2.518.000.000                         |
| - Giá trị hao mòn lũy kế                     | 229          |                    | (454.548.747)          | (405.851.561)                         |
| <b>III. Tài sản dài hạn khác</b>             | <b>260</b>   |                    | <b>23.598.721.863</b>  | <b>6.215.137.581</b>                  |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn                 | 261          | 12                 | 23.598.721.863         | 6.215.137.581                         |
| <b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>       | <b>270</b>   |                    | <b>432.380.342.020</b> | <b>459.107.414.998</b>                |

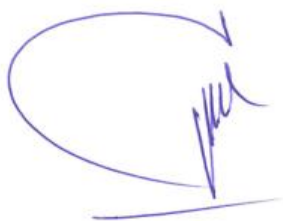
**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

| NGUỒN VỐN  | Mã số      | Thuyết minh | Số đầu năm (Trình bày lại) |                            |
|--|------------|-------------|----------------------------|----------------------------|
|  |            |             | Số cuối năm                | Số đầu năm (Trình bày lại) |
| <b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>                              | <b>300</b> |             | <b>231.799.553.835</b>     | <b>272.620.379.567</b>     |
| <b>I. Nợ ngắn hạn</b>                              | <b>310</b> |             | <b>122.855.491.335</b>     | <b>106.509.767.067</b>     |
| 1. Phải trả người bán ngắn hạn                     | 311        | 13          | 35.565.587.648             | 17.595.098.580             |
| 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn               | 312        |             | 6.832.819.544              | 2.480.996.486              |
| 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước             | 313        | 14          | 2.030.261.131              | 18.907.799                 |
| 4. Phải trả người lao động                         | 314        |             | 3.461.304.073              | 7.173.573.622              |
| 5. Chi phí phải trả ngắn hạn                       | 315        | 15          | 3.248.529.404              | 3.663.647.036              |
| 6. Phải trả ngắn hạn khác                          | 319        | 16          | 14.215.242.822             | 14.860.644.721             |
| 7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn               | 320        | 17          | 56.875.000.000             | 59.254.000.000             |
| 8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi                       | 322        |             | 626.746.713                | 1.462.898.823              |
| <b>II. Nợ dài hạn</b>                              | <b>330</b> |             | <b>108.944.062.500</b>     | <b>166.110.612.500</b>     |
| 1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn                | 338        | 17          | 108.944.062.500            | 166.110.612.500            |
| <b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>                           | <b>400</b> |             | <b>200.580.788.185</b>     | <b>186.487.035.431</b>     |
| <b>I. Vốn chủ sở hữu</b>                           | <b>410</b> | <b>18</b>   | <b>200.580.788.185</b>     | <b>186.487.035.431</b>     |
| 1. Vốn góp của chủ sở hữu                          | 411        |             | 200.000.000.000            | 200.000.000.000            |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết           | 411a       |             | 170.000.000.000            | 170.000.000.000            |
| - Cổ phiếu ưu đãi                                  | 411b       |             | 30.000.000.000             | 30.000.000.000             |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần                            | 412        |             | 500.000.000                | 500.000.000                |
| 3. Lãi/(Lỗ) lũy kế                                 | 421        |             | 80.788.185                 | (14.012.964.569)           |
| - Lỗ lũy kế đến cuối năm trước                     | 421a       |             | (14.901.096.684)           | (45.497.914.157)           |
| - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay        | 421b       |             | 14.981.884.869             | 31.484.949.588             |
| <b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b><br><b>(440=300+400)</b> | <b>440</b> |             | <b>432.380.342.020</b>     | <b>459.107.414.998</b>     |



**Tăng Kim Thụy Vi**  
Người lập biểu



**Phan Phong Phúc**  
Kế toán trưởng



**Hoàng Đức Chính**  
Giám đốc

Ngày 12 tháng 3 năm 2018



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

| CHỈ TIÊU  | Mã số     | Thuyết minh | Năm nay         |                           |
|---|-----------|-------------|-----------------|---------------------------|
|   |           |             | Năm nay         | Năm trước (Trình bày lại) |
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ                     | 01        |             | 709.531.694.435 | 678.010.006.429           |
| 2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01)    | 10        | 21          | 709.531.694.435 | 678.010.006.429           |
| 3. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp                       | 11        | 22          | 670.125.805.586 | 624.457.269.481           |
| 4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)   | 20        |             | 39.405.888.849  | 53.552.736.948            |
| 5. Doanh thu hoạt động tài chính                              | 21        | 24          | 5.364.867.561   | 4.291.558.542             |
| 6. Chi phí tài chính  | 22        | 25          | 10.396.810.581  | 11.380.141.760            |
| <i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>                              | 23        |             | 5.824.705.018   | 7.231.879.602             |
| 7. Chi phí quản lý doanh nghiệp                               | 26        | 26          | 18.294.844.072  | 24.003.710.804            |
| 8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-26) | 30        |             | 16.079.101.757  | 22.460.442.926            |
| 9. Thu nhập khác  | 31        | 27          | 1.055.260.291   | 9.171.269.505             |
| 10. Chi phí khác  | 32        |             | 128.606.164     | 146.762.843               |
| 11. Lợi nhuận khác (40=31-32)                                 | 40        |             | 926.654.127     | 9.024.506.662             |
| 12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)              | 50        |             | 17.005.755.884  | 31.484.949.588            |
| 13. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành              | 51        | 28          | 2.023.871.015   | -                         |
| 14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)       | 60        |             | 14.981.884.869  | 31.484.949.588            |
| <b>15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>                           | <b>70</b> | <b>29</b>   | <b>837</b>      | <b>1.817</b>              |

Tăng Kim Thụy Vi  
Người lập biểu

Phan Phong Phúc  
Kế toán trưởng



Hoàng Đức Chính  
Giám đốc

Ngày 12 tháng 3 năm 2018

M.S.D.N.  
QUẬN 1

12500  
II NH  
ÔNG  
NHIỆM  
LỢI  
T N  
TP. HỒ

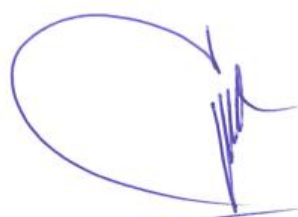
**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

| CHỈ TIÊU   | Mã số     | Năm nay                 | Năm trước<br>(Trình bày lại) |
|--|-----------|-------------------------|------------------------------|
| <b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>                                    |           |                         |                              |
| <b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>   | <b>01</b> | <b>17.005.755.884</b>   | <b>31.484.949.588</b>        |
| <b>2. Điều chỉnh cho các khoản:</b>  |           |                         |                              |
| Khấu hao tài sản cố định   | 02        | 21.459.928.034          | 21.457.033.344               |
| Các khoản dự phòng   | 03        | 737.559.784             | (317.693.057)                |
| Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 04        | (3.856.926.943)         | (2.294.276.465)              |
| Lãi từ hoạt động đầu tư  | 05        | (122.733.381)           | (664.847.189)                |
| Chi phí lãi vay  | 06        | 5.824.705.018           | 7.231.879.602                |
| <b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>              | <b>08</b> | <b>41.048.288.396</b>   | <b>56.897.045.823</b>        |
| Thay đổi các khoản phải thu  | 09        | 10.009.694.134          | 33.825.744.952               |
| Thay đổi hàng tồn kho  | 10        | (4.416.059.449)         | (2.469.220.786)              |
| Thay đổi các khoản phải trả  | 11        | 18.158.918.293          | (49.963.087.250)             |
| Thay đổi chi phí trả trước   | 12        | (17.642.639.682)        | 6.227.037.750                |
| Tiền lãi vay đã trả  | 14        | (6.356.056.643)         | (8.138.927.711)              |
| Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh   | 17        | (1.724.284.225)         | (1.101.489.675)              |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>                                 | <b>20</b> | <b>39.077.860.824</b>   | <b>35.277.103.103</b>        |
| <b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>                                       |           |                         |                              |
| 1. Tiền chi mua sắm và xây dựng tài sản cố định                                      | 21        | (34.736.363)            | -                            |
| 2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán tài sản cố định                                     | 22        | 67.982.368              | -                            |
| 3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác                                  | 23        | (300.000.000)           | -                            |
| 4. Thu lãi tiền gửi  | 27        | 129.976.936             | 906.747.189                  |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>                                     | <b>30</b> | <b>(136.777.059)</b>    | <b>906.747.189</b>           |
| <b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>                                   |           |                         |                              |
| 1. Tiền chi trả nợ gốc vay   | 34        | (54.821.000.000)        | (63.255.000.000)             |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>                                  | <b>40</b> | <b>(54.821.000.000)</b> | <b>(63.255.000.000)</b>      |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)</b>                                 | <b>50</b> | <b>(15.879.916.235)</b> | <b>(27.071.149.708)</b>      |
| <b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>  | <b>60</b> | <b>104.769.358.741</b>  | <b>131.395.677.416</b>       |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ                              | 61        | (955.295.476)           | 444.831.033                  |
| <b>Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)</b>                               | <b>70</b> | <b>87.934.147.030</b>   | <b>104.769.358.741</b>       |



**Tăng Kim Thụy Vi**  
Người lập biểu



**Phan Phong Phúc**  
Kế toán trưởng



**Hoàng Đức Chính**  
Giám đốc

Ngày 12 tháng 3 năm 2018



## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

### **1. THÔNG TIN CHUNG**

#### **Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Vận tải Dầu Phương Đông Việt (gọi tắt là "Công ty") trước đây là Công ty Cổ phần Vận tải Sản phẩm Dầu mỏ Phương Đông, được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103006478 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 20 tháng 4 năm 2007 và các Giấy chứng nhận điều chỉnh. Trụ sở chính của Công ty đặt tại Tầng 8, Tòa nhà Citilight, Số 45 Võ Thị Sáu, Phường Đakao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Cổ phiếu của Công ty được niêm yết chính thức tại sàn giao dịch UpCom vào ngày 20 tháng 4 năm 2017 với mã chứng khoán là PDV.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 156 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 153 người).

#### **Hoạt động chính**

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là bán buôn khí dầu mỏ hóa lỏng LPG (không hoạt động tại Thành phố Hồ Chí Minh); Bán buôn hạt nhựa, sản phẩm nhựa công nghiệp, bao bì bằng nhựa; Kinh doanh vận tải biển, kinh doanh vận tải hàng hóa bằng ô tô, kinh doanh vận tải hàng hóa đường thủy nội địa, dịch vụ môi giới hàng hải, dịch vụ cung ứng tàu biển, đại lý hàng hải, dịch vụ sửa chữa tàu biển (không hoạt động tại trụ sở), cho thuê phương tiện vận tải: tàu biển, xe ô tô, xe cơ giới; Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; Dạy nghề; Chuẩn bị mặt bằng; Dịch vụ hỗ trợ khai thác dầu thô và khí tự nhiên; Dịch vụ cung cấp nước ngọt cho tàu biển; Bán buôn thực phẩm, đồ uống không có cồn, máy móc thiết bị và phụ tùng phục vụ sản xuất: công nghiệp, hàng hải, khai khoáng, xây dựng, chế biến và kinh doanh xăng dầu, nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm có liên quan (trừ gas), xi măng, clanhke, phân bón, hóa chất sử dụng trong nông nghiệp - công nghiệp chế biến xăng dầu (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh); Vận tải hàng hóa bằng xe bồn chở chất lỏng; Dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy; Bốc xếp hàng hóa đường bộ, cảng sông, cảng biển; Tư vấn quản lý, kỹ thuật; Cung ứng và quản lý lao động trong nước.

#### **Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

#### **Cấu trúc doanh nghiệp**

Công ty có 01 chi nhánh tại Thành phố Hải Phòng, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0213005424 ngày 15 tháng 6 năm 2009, địa chỉ của chi nhánh đặt tại khách sạn Dầu khí, Số 427 Đà Nẵng, Phường Đông Hải 1, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng.

#### **Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính**

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 03, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2017, Công ty đã quyết định thay đổi chính sách kế toán liên quan đến việc ghi nhận chi phí sửa chữa lớn định kỳ của tài sản cố định từ trích trước chi phí sang phân bổ chi phí thực tế phát sinh. Công ty đã trình bày lại số liệu của báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

### **2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH**

#### **Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND"), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

#### **Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

### 3. TRÌNH BÀY LẠI BÁO CÁO TÀI CHÍNH CỦA NĂM TRƯỚC

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2017, Ban Giám đốc Công ty đã quyết định thay đổi chính sách kế toán liên quan đến việc ghi nhận chi phí sửa chữa lớn định kỳ của tài sản cố định từ trích trước chi phí sang phân bổ chi phí thực tế phát sinh. Ban Giám đốc tin tưởng rằng việc thay đổi này sẽ phù hợp hơn với tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty. Ban Giám đốc cũng quyết định trình bày lại báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 theo chính sách kế toán mới. Những thay đổi trong một số khoản mục của báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã phát hành ngày 27 tháng 3 năm 2017 được thể hiện trong bảng sau:

#### BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

|   | Mã số      | 31/12/2016<br>Số trình bày lại<br>VND | 31/12/2016<br>Số đã báo cáo<br>VND | Thay đổi thuần<br>Tăng/(giảm)<br>VND |
|---|------------|---------------------------------------|------------------------------------|--------------------------------------|
| <b>NGUỒN VỐN</b>                            |            |                                       |                                    |                                      |
| <b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>                       | <b>300</b> | <b>272.620.379.567</b>                | <b>297.326.020.179</b>             | <b>(24.705.640.612)</b>              |
| <b>Nợ dài hạn</b>                           | <b>330</b> | <b>166.110.612.500</b>                | <b>190.816.253.112</b>             | <b>(24.705.640.612)</b>              |
| Dự phòng phải trả dài hạn                   | 342        | -                                     | 24.705.640.612                     | (24.705.640.612)                     |
| <b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>                    | <b>400</b> | <b>186.487.035.431</b>                | <b>161.781.394.819</b>             | <b>24.705.640.612</b>                |
| <b>Vốn chủ sở hữu</b>                       | <b>410</b> | <b>186.487.035.431</b>                | <b>161.781.394.819</b>             | <b>24.705.640.612</b>                |
| Lỗi lũy kế                                  | 421        | (14.012.964.569)                      | (38.718.605.181)                   | 24.705.640.612                       |
| - Lỗi lũy kế đến cuối năm trước             | 421a       | (45.497.914.157)                      | (50.481.247.490)                   | 4.983.333.333                        |
| - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay | 421b       | 31.484.949.588                        | 11.762.642.309                     | 19.722.307.279                       |

#### BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

| CHỈ TIÊU                                      | Mã số | 2016<br>Số trình bày lại<br>VND | 2016<br>Số đã báo cáo<br>VND | Thay đổi thuần<br>Tăng/(giảm)<br>VND |
|---|-------|---------------------------------|------------------------------|--------------------------------------|
| Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp          | 11    | 624.457.269.481                 | 644.179.576.760              | 19.722.307.279                       |
| Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 20    | 53.552.736.948                  | 33.830.429.669               | (19.722.307.279)                     |
| Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh       | 30    | 22.460.442.926                  | 2.738.135.647                | (19.722.307.279)                     |
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế             | 50    | 31.484.949.588                  | 11.762.642.309               | (19.722.307.279)                     |
| Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp      | 60    | 31.484.949.588                  | 11.762.642.309               | (19.722.307.279)                     |

#### BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

| CHỈ TIÊU  | Mã số     | 2016<br>Số trình bày lại<br>VND | 2016<br>Số đã báo cáo<br>VND | Thay đổi thuần<br>Tăng/(giảm)<br>VND |
|---|-----------|---------------------------------|------------------------------|--------------------------------------|
| <b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>                       |           |                                 |                              |                                      |
| <b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>  | <b>01</b> | <b>31.484.949.588</b>           | <b>11.762.642.309</b>        | <b>(19.722.307.279)</b>              |
| <b>2. Điều chỉnh cho các khoản:</b>                                     |           |                                 |                              |                                      |
| Các khoản dự phòng  | 03        | (317.693.057)                   | 11.937.947.555               | 12.255.640.612                       |
| <b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b> | <b>08</b> | <b>56.897.045.823</b>           | <b>49.430.379.156</b>        | <b>(7.466.666.667)</b>               |
| Thay đổi chi phí trả trước  | 12        | 6.227.037.750                   | 13.693.704.417               | 7.466.666.667                        |



#### **4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

##### **Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

##### **Công cụ tài chính**

###### **Ghi nhận ban đầu**

*Tài sản tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng và phải thu khác.

*Công nợ tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả và các khoản vay.

###### **Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

##### **Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

##### **Nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

##### **Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm giá mua và các chi phí liên quan để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

### **Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

|                        | <u>Số năm</u> |
|------------------------|---------------|
| Nhà cửa, vật kiến trúc | 10            |
| Phương tiện vận tải    | 08 - 25       |
| Thiết bị văn phòng     | 03 - 05       |

### **Thuê hoạt động**

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

### **Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và phần mềm máy tính.

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng. Quyền sử dụng đất có thời hạn được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất. Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn sẽ không trích khấu hao.

Phần mềm máy tính được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng năm năm.

### **Chi phí trả trước dài hạn**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Các khoản chi phí trả trước dài hạn bao gồm chi phí vật tư xuất dùng cho tàu, chi phí sửa chữa tàu định kỳ và các chi phí trả trước khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng từ một năm rưỡi đến ba năm.

### **Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.





### Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

### Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

### Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập tính thuế trong năm. Thu nhập tính thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập tính thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

## 5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

|                                 | Số cuối năm<br>VND    | Số đầu năm<br>VND      |
|---------------------------------|-----------------------|------------------------|
| Tiền mặt                        | 417.155.337           | 357.294.050            |
| Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn | 30.867.116.322        | 36.002.064.691         |
| Các khoản tương đương tiền      | 56.649.875.371        | 68.410.000.000         |
|                                 | <b>87.934.147.030</b> | <b>104.769.358.741</b> |

Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn ba tháng tại các ngân hàng thương mại bằng Đô la Mỹ với lãi suất được hưởng là 0%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: tiền gửi có kỳ hạn ba tháng bằng Đồng Việt Nam và Đô la Mỹ với lãi suất được hưởng lần lượt là 6,5%/năm và 0%/năm).

**6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

|   | Số cuối năm<br>VND    | Số đầu năm<br>VND     |
|---|-----------------------|-----------------------|
| <b>a. Bên thứ ba</b>  |                       |                       |
| Công ty TNHH Sellan Gas   | -                     | 23.826.257.592        |
| JVL Overseas Pte Ltd  | 2.024.476.784         | -                     |
| Các đối tượng khác  | 1.891.049.799         | 2.972.338.182         |
| <b>b. Bên liên quan</b>   |                       |                       |
| Tổng Công ty Dầu Việt Nam   | 436.914.110           | 9.797.398.642         |
| Chi nhánh Tổng Công ty khí Việt Nam - Công ty Cổ phần - Công ty Kinh doanh Sản phẩm khí | 1.247.862.720         | -                     |
| Công ty Cổ phần Vận tải Xăng Dầu Phương Nam   | 8.106.900.916         | -                     |
| Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Dầu khí Việt Nam                                       | 2.133.594.170         | -                     |
|   | <b>15.840.798.499</b> | <b>36.595.994.416</b> |

**7. PHẢI THU KHÁC**

|                         | Số cuối năm<br>VND   | Số đầu năm<br>VND    |
|-------------------------|----------------------|----------------------|
| <b>a. Ngắn hạn</b>      |                      |                      |
| - Tạm ứng cho nhân viên | 917.962.805          | 1.329.323.950        |
| - Ký cược, ký quỹ       | 108.318.000          | 21.000.000           |
| - Phải thu khác         | 6.476.582.974        | 1.906.748.994        |
|                         | <b>7.502.863.779</b> | <b>3.257.072.944</b> |
| <b>b. Dài hạn</b>       |                      |                      |
| - Ký cược, ký quỹ       | 355.572.000          | 355.572.000          |
|                         | <b>355.572.000</b>   | <b>355.572.000</b>   |

**8. DỰ PHÒNG PHẢI THU NGẮN HẠN KHÓ ĐÒI**

| Đối tượng Nợ   | Số cuối năm          |                                  | Số đầu năm           |                                  |
|--|----------------------|----------------------------------|----------------------|----------------------------------|
|  | Giá gốc<br>VND       | Giá trị có<br>thể thu hồi<br>VND | Giá gốc<br>VND       | Giá trị có<br>thể thu hồi<br>VND |
| Công ty Cổ phần Vận tải biển<br>Gia Hải                  | 240.110.231          | -                                | 240.110.231          | -                                |
| Tổng Công ty Dầu Việt Nam                                | 436.914.110          | -                                | 436.914.110          | -                                |
| Công ty Cổ phần Dịch vụ<br>Thương mại Vận tải Phương Mai | 470.085.809          | -                                | 470.085.809          | -                                |
| Công ty TNHH MTV Vận tải Viễn<br>Dương Vinashin          | 256.220.424          | -                                | 256.220.424          | -                                |
| Công ty TNHH MTV Xăng dầu<br>Khu vực II                  | 182.306.943          | -                                | 182.306.943          | -                                |
| Thuyền trưởng tàu Phương<br>Đông Star                    | 263.113.139          | -                                | 263.113.139          | -                                |
| Victory Tankers Limited                                  | 589.132.705          | -                                | -                    | -                                |
| Safesea Steamship Private<br>Limited                     | 148.427.079          | -                                | -                    | -                                |
|  | <b>2.586.310.440</b> | <b>-</b>                         | <b>1.848.750.656</b> | <b>-</b>                         |



**9. HÀNG TỒN KHO**

Hàng tồn kho thể hiện giá trị nhiên liệu tồn trên tàu tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

**10. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

|                               | Nhà cửa,<br>vật kiến trúc<br>VND | Phương tiện<br>vận tải<br>VND | Thiết bị<br>văn phòng<br>VND | Tổng cộng<br>VND       |
|-------------------------------|----------------------------------|-------------------------------|------------------------------|------------------------|
| <b>NGUYÊN GIÁ</b>             |                                  |                               |                              |                        |
| Số dư đầu năm                 | 545.454.545                      | 521.082.765.985               | 346.456.214                  | 521.974.676.744        |
| Tăng trong năm                | -                                | -                             | 34.736.363                   | 34.736.363             |
| Thanh lý, nhượng bán          | (15.728.271)                     | -                             | -                            | (15.728.271)           |
| Số cuối năm                   | 529.726.274                      | 521.082.765.985               | 381.192.577                  | 521.993.684.836        |
| <b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b> |                                  |                               |                              |                        |
| Số dư đầu năm                 | 327.272.710                      | 222.594.104.021               | 267.384.616                  | 223.188.761.347        |
| Khấu hao trong năm            | 54.545.448                       | 21.281.263.613                | 58.966.293                   | 21.394.775.354         |
| Thanh lý, nhượng bán          | (11.009.790)                     | -                             | -                            | (11.009.790)           |
| Số dư cuối năm                | 370.808.368                      | 243.875.367.634               | 326.350.909                  | 244.572.526.911        |
| <b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>        |                                  |                               |                              |                        |
| <b>Số dư đầu năm</b>          | <b>218.181.835</b>               | <b>298.488.661.964</b>        | <b>79.071.598</b>            | <b>298.785.915.397</b> |
| <b>Số dư cuối năm</b>         | <b>158.917.906</b>               | <b>277.207.398.351</b>        | <b>54.841.668</b>            | <b>277.421.157.925</b> |

Như trình bày tại Thuyết minh số 17, Công ty đã thế chấp các tàu Phương Đông Star, Venus, Jupiter với tổng nguyên giá và giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 lần lượt là 520.216.509.149 đồng và 277.207.398.338 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 520.216.509.149 đồng và 298.380.075.855 đồng) dùng để đảm bảo cho các khoản vay dài hạn từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn theo Phụ lục hợp đồng thế chấp tài sản số 03/2013/HĐTC-PDV-PVB ngày 14 tháng 11 năm 2013.

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 bao gồm thiết bị văn phòng đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với nguyên giá là 208.456.214 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 158.098.214 đồng).

**11. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

|                               | Quyền<br>sử dụng đất<br>VND | Phần mềm<br>máy tính<br>VND | Tổng cộng<br>VND     |
|-------------------------------|-----------------------------|-----------------------------|----------------------|
| <b>NGUYÊN GIÁ</b>             |                             |                             |                      |
| Số dư đầu năm                 | 2.300.000.000               | 218.000.000                 | 2.518.000.000        |
| Giảm trong năm                | (86.962.936)                | -                           | (86.962.936)         |
| Số dư cuối năm                | 2.213.037.064               | 218.000.000                 | 2.431.037.064        |
| <b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b> |                             |                             |                      |
| Số dư đầu năm                 | 226.351.546                 | 179.500.015                 | 405.851.561          |
| Khấu hao trong năm            | 34.352.676                  | 30.800.004                  | 65.152.680           |
| Giảm trong năm                | (16.455.494)                | -                           | (16.455.494)         |
| Số dư cuối năm                | 244.248.728                 | 210.300.019                 | 454.548.747          |
| <b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>        |                             |                             |                      |
| <b>Số dư đầu năm</b>          | <b>2.073.648.454</b>        | <b>38.499.985</b>           | <b>2.112.148.439</b> |
| <b>Số dư cuối năm</b>         | <b>1.968.788.336</b>        | <b>7.699.981</b>            | <b>1.976.488.317</b> |

**12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

|   | Số cuối năm<br>VND    | Số đầu năm<br>VND    |
|---|-----------------------|----------------------|
| <b>a. Ngắn hạn</b>                        |                       |                      |
| Chi phí bảo hiểm                          | 845.075.255           | 586.019.855          |
|   | <b>845.075.255</b>    | <b>586.019.855</b>   |
| <b>b. Dài hạn</b>                         |                       |                      |
| Chi phí sửa chữa lớn tàu Venus            | 12.134.413.122        | 2.759.848.768        |
| Chi phí sửa chữa lớn tàu Phương Đông Star | 9.877.696.665         | 1.832.568.034        |
| Các khoản khác                            | 1.586.612.076         | 1.622.720.779        |
|   | <b>23.598.721.863</b> | <b>6.215.137.581</b> |

**13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

|   | Số cuối năm           |                                 | Số đầu năm            |                                 |
|---|-----------------------|---------------------------------|-----------------------|---------------------------------|
|   | Giá trị<br>VND        | Số có khả<br>năng trả nợ<br>VND | Giá trị<br>VND        | Số có khả<br>năng trả nợ<br>VND |
| <b>a. Bên thứ ba</b>                                    |                       |                                 |                       |                                 |
| Công ty TNHH MTV<br>Gas Venus                           | -                     | -                               | 8.609.965.699         | 8.609.965.699                   |
| Phải trả cho các đối<br>tượng khác                      | 15.820.478.249        | 15.820.478.249                  | 8.962.844.873         | 8.962.844.873                   |
| <b>b. Bên liên quan</b>                                 |                       |                                 |                       |                                 |
| Công ty Cổ phần Vận<br>tài Dầu khí Vũng Tàu             | 9.514.113.180         | 9.514.113.180                   | -                     | -                               |
| Tổng Công ty Cổ phần Vận<br>tài Dầu khí                 | 9.965.171.219         | 9.965.171.219                   | -                     | -                               |
| Công ty Chứng khoán<br>Dầu khí                          | 60.500.000            | 60.500.000                      | 19.250.000            | 19.250.000                      |
| Công ty Cổ phần Dịch vụ<br>Dầu khí Quảng Ngãi PTSC      | 2.800.000             | 2.800.000                       | 3.038.008             | 3.038.008                       |
| Chi nhánh Công ty Cổ phần<br>Vận tài Dầu khí Đông Dương | 31.900.000            | 31.900.000                      | -                     | -                               |
| Tổng công ty Bảo Hiểm PVI                               | 170.625.000           | 170.625.000                     | -                     | -                               |
|   | <b>35.565.587.648</b> | <b>35.565.587.648</b>           | <b>17.595.098.580</b> | <b>17.595.098.580</b>           |

**14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

|   | Số đầu năm        | Số phải thu/nộp<br>trong năm | Số đã thu/nộp<br>(cần trừ) trong năm | Số cuối năm          |
|---|-------------------|------------------------------|--------------------------------------|----------------------|
|   | VND               | VND                          | VND                                  | VND                  |
| <b>a. Các khoản phải thu</b>            |                   |                              |                                      |                      |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp              | 9.169.275         | -                            | 9.169.275                            | -                    |
|   | <b>9.169.275</b>  | <b>-</b>                     | <b>9.169.275</b>                     | <b>-</b>             |
| <b>b. Các khoản phải trả</b>            |                   |                              |                                      |                      |
| Thuế giá trị gia tăng                   | -                 | 25.044.614                   | 25.044.614                           | -                    |
| Thuế giá trị gia tăng hàng<br>nhập khẩu | -                 | 342.894.056                  | 342.894.056                          | -                    |
| Thuế thu nhập cá nhân                   | 18.907.799        | 399.457.915                  | 402.806.323                          | 15.559.391           |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp              | -                 | 2.023.871.015                | 9.169.275                            | 2.014.701.740        |
| Thuế nhà thầu                           | -                 | 5.417.245.615                | 5.417.245.615                        | -                    |
| Thuế khác                               | -                 | 138.861.267                  | 138.861.267                          | -                    |
|   | <b>18.907.799</b> | <b>8.347.374.482</b>         | <b>6.336.021.150</b>                 | <b>2.030.261.131</b> |



**15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

|                           | Số cuối năm<br>VND   | Số đầu năm<br>VND    |
|---------------------------|----------------------|----------------------|
| Lãi vay phải trả          | 2.297.003.800        | 2.875.871.923        |
| Chi phí phải trả khác (*) | 951.525.604          | 787.775.113          |
|                           | <b>3.248.529.404</b> | <b>3.663.647.036</b> |

(\*) Chi phí phải trả khác bao gồm sửa chữa, hoa tiêu và cảng phí.

**16. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

|                             | Số cuối năm<br>VND    | Số đầu năm<br>VND     |
|-----------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Nhận ký quỹ của thuyền viên | 3.494.042.260         | 3.468.695.060         |
| Bảo hiểm xã hội             | 497.306.344           | 436.811.418           |
| Kinh phí công đoàn          | 40.745.269            | 236.114.631           |
| Bảo hiểm thất nghiệp        | 16.179.006            | 11.174.744            |
| Phải trả khác (*)           | 10.166.969.943        | 10.707.848.868        |
|                             | <b>14.215.242.822</b> | <b>14.860.644.721</b> |

(\*) Phải trả khác bao gồm các khoản phải trả liên quan đến dịch vụ tàu biển mà Công ty thu hộ khách hàng như chi phí cảng vụ, cảng phí, phí lai dắt tàu, phí nước ngọt v.v...

**17. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH**

Khoản vay dài hạn thể hiện số tiền vay từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Chúng Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn được giải ngân theo hai hợp đồng sau:

i) Hợp đồng tín dụng dài hạn số 04/2007/HĐTD-TCĐK-22.16 ký ngày 14 tháng 12 năm 2007 với hạn mức tín dụng là 13.770.000 Đô la Mỹ để đầu tư mua tàu Phương Đông Star. Thời hạn vay là 144 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản thế chấp là tàu Phương Đông Star theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 02/2008/HĐTC-TCĐK-22.16 ngày 26 tháng 02 năm 2008. Lãi suất vay được áp dụng cho từng thời điểm và được xác định trên cơ sở SIBOR 6 tháng cộng 1,6%/năm.

ii) Hợp đồng tín dụng dài hạn số 08/2009/HĐTD-CNSG.KD ngày 10 tháng 7 năm 2009 với hạn mức tín dụng là 13.600.000 Đô la Mỹ để đầu tư mua tàu Jupiter và Venus. Thời hạn vay là 120 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản thế chấp là tàu Jupiter và Venus theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 09/2009/HĐBĐ-CNSG.KD ngày 10 tháng 7 năm 2009. Lãi suất vay được áp dụng bằng bình quân lãi suất tiết kiệm USD của cá nhân kỳ hạn 12 tháng của bốn ngân hàng là: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam và Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam cộng biên độ 2,52%/năm.

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

|   | Số cuối năm<br>VND     | Số đầu năm<br>VND      |
|---|------------------------|------------------------|
| Trong vòng một năm  | 56.875.000.000         | 59.254.000.000         |
| Trong năm thứ hai   | 57.699.687.500         | 56.975.000.000         |
| Trong năm thứ ba  | 51.244.375.000         | 109.135.612.500        |
|   | <b>165.819.062.500</b> | <b>225.364.612.500</b> |
| Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng<br>(được trình bày tại khoản mục vay và nợ thuê tài<br>chính ngắn hạn) | (56.875.000.000)       | (59.254.000.000)       |
|   | <b>108.944.062.500</b> | <b>166.110.612.500</b> |

**18. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

|  | Số cuối năm |                 | Số đầu năm         |                   |
|--|-------------|-----------------|--------------------|-------------------|
|  | Số cổ phần  | VND             | Số cổ phần         | VND               |
| Được phép phát hành                            | 20.000.000  | 200.000.000.000 | 20.000.000         | 200.000.000.000   |
| Đã phát hành và góp vốn đủ                     | 20.000.000  | 200.000.000.000 | 20.000.000         | 200.000.000.000   |
| <b>Cổ phần</b>                                 |             |                 | <b>Số cuối năm</b> | <b>Số đầu năm</b> |
| <b>- Số lượng cổ phần đã bán ra công chúng</b> |             |                 | <b>20.000.000</b>  | <b>20.000.000</b> |
| + Cổ phần phổ thông                            |             |                 | 17.000.000         | 17.000.000        |
| + Cổ phần ưu đãi                               |             |                 | 3.000.000          | 3.000.000         |
| <b>- Số lượng cổ phần đang lưu hành</b>        |             |                 | <b>20.000.000</b>  | <b>20.000.000</b> |
| + Cổ phần phổ thông                            |             |                 | 17.000.000         | 17.000.000        |
| + Cổ phần ưu đãi                               |             |                 | 3.000.000          | 3.000.000         |

Công ty đã phát hành 17.000.000 cổ phần phổ thông không được hưởng cổ tức cố định có mệnh giá 10.000 đồng một cổ phần và 3.000.000 cổ phần ưu đãi cố tức (cổ tức được nhận gấp 1,5 lần so với cổ phần phổ thông trong 3 kỳ chia cổ tức liên tiếp kể từ khi bắt đầu chia cổ tức, hết thời hạn này, cổ phần ưu đãi cố tức sẽ tự động chuyển thành cổ phần phổ thông, đến thời điểm báo cáo, Công ty vẫn chưa chia cổ tức và chưa có kế hoạch chia cổ tức trong năm tới). Cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỷ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi cố tức không có quyền biểu quyết, dự họp Đại hội đồng cổ đông, đề cử người vào Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát. Các cổ phần đều có quyền thừa hưởng như nhau đối với số tài sản thuần của Công ty.

**Thay đổi trong vốn chủ sở hữu**

|   | Vốn góp của chủ sở hữu<br>VND | Thặng dư vốn cổ phần<br>VND | Lỗi lũy kế<br>VND       | Tổng<br>VND            |
|---|-------------------------------|-----------------------------|-------------------------|------------------------|
| <b>Số dư đầu năm trước được trình bày năm trước</b>         | <b>200.000.000.000</b>        | <b>500.000.000</b>          | <b>(48.844.751.226)</b> | <b>151.655.248.774</b> |
| Thay đổi chính sách kế toán                                 | -                             | -                           | 4.983.333.333           | 4.983.333.333          |
| <b>Số dư đầu năm trước được trình bày lại</b>               | <b>200.000.000.000</b>        | <b>500.000.000</b>          | <b>(43.861.417.893)</b> | <b>156.638.582.107</b> |
| Lợi nhuận trong năm   | -                             | -                           | 31.484.949.588          | 31.484.949.588         |
| Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi                             | -                             | -                           | (1.222.496.264)         | (1.222.496.264)        |
| Trích quỹ khen thưởng Ban điều hành                         | -                             | -                           | (300.000.000)           | (300.000.000)          |
| Thù lao Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát không chuyên trách | -                             | -                           | (114.000.000)           | (114.000.000)          |
| <b>Số dư đầu năm nay được trình bày lại</b>                 | <b>200.000.000.000</b>        | <b>500.000.000</b>          | <b>(14.012.964.569)</b> | <b>186.487.035.431</b> |
| Lợi nhuận trong năm   | -                             | -                           | 14.981.884.869          | 14.981.884.869         |
| Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)                         | -                             | -                           | (588.132.115)           | (588.132.115)          |
| Trích quỹ khen thưởng Ban điều hành (*)                     | -                             | -                           | (300.000.000)           | (300.000.000)          |
| <b>Số dư cuối năm</b>                                       | <b>200.000.000.000</b>        | <b>500.000.000</b>          | <b>80.788.185</b>       | <b>200.580.788.185</b> |

(\*) Thể hiện số trích bổ sung quỹ khen thưởng, phúc lợi, quỹ khen thưởng Ban điều hành và thù lao Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát không chuyên trách từ lợi nhuận sau thuế của năm tài chính 2016 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 16/NQ-PĐV-ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 4 năm 2017.

Chi tiết các cổ đông sở hữu từ 5% cổ phần trở lên tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

|                                      | Số cuối năm            |             | Số đầu năm             |             |
|--------------------------------------|------------------------|-------------|------------------------|-------------|
|                                      | VND                    | %           | VND                    | %           |
| Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí | 135.974.870.000        | 68,0%       | 135.974.870.000        | 68,0%       |
| Công ty TNHH Tân Long                | 10.000.000.000         | 5,0%        | 10.000.000.000         | 5,0%        |
| Các cổ đông khác                     | 54.025.130.000         | 27,0%       | 54.025.130.000         | 27,0%       |
|                                      | <b>200.000.000.000</b> | <b>100%</b> | <b>200.000.000.000</b> | <b>100%</b> |

**19. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

**Ngoại tệ các loại:**

|                         | Số cuối năm | Số đầu năm |
|-------------------------|-------------|------------|
| Đô la Mỹ ("USD")        | 3.759.955   | 4.455.652  |
| Đô la Singapore ("SGD") | 673         | 695        |

**Cam kết thuê hoạt động:**

|   | Năm nay<br>VND | Năm trước<br>VND |
|---|----------------|------------------|
| Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm | 21.580.340.698 | 2.611.908.000    |

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

|                                | Số cuối năm<br>VND     | Số đầu năm<br>VND    |
|--------------------------------|------------------------|----------------------|
| Trong vòng một năm             | 37.321.140.000         | 2.611.908.000        |
| Từ năm thứ hai đến năm thứ năm | 124.771.200.000        | 1.231.704.000        |
|                                | <b>162.092.340.000</b> | <b>3.843.612.000</b> |

Chi phí thuê hoạt động thể hiện tổng số tiền thuê phải trả cho việc thuê văn phòng tại Tầng 8, Tòa nhà Citilight, Số 45 Võ Thị Sáu, Phường Đakao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh có thời hạn thuê là 03 năm từ ngày 01 tháng 7 năm 2015, số tiền thuê phải trả cho việc giữ xe có thời hạn thuê là 02 năm từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 và số tiền thuê tàu Saturn từ Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí cho giai đoạn từ ngày 22 tháng 6 năm 2017 đến ngày 22 tháng 6 năm 2022.

**20. BÁO CÁO BỘ PHẬN**

**Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được chia thành bốn bộ phận hoạt động - Bộ phận kinh doanh dịch vụ vận chuyển; Bộ phận kinh doanh thương mại; Bộ phận kinh doanh dịch vụ đại lý và Bộ phận kinh doanh các hoạt động khác. Công ty lập báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh bộ phận theo bốn bộ phận kinh doanh này. Hoạt động chủ yếu của bốn bộ phận kinh doanh như sau:

- Bộ phận kinh doanh dịch vụ vận chuyển - kinh doanh vận tải bằng tàu.
- Bộ phận kinh doanh thương mại - kinh doanh mua bán mặt hàng xăng dầu và hàng hóa khác.
- Bộ phận kinh doanh dịch vụ đại lý - kinh doanh dịch vụ đại lý tàu biển.
- Bộ phận kinh doanh các hoạt động khác - kinh doanh từ cấp dầu, chuyển tải, cảng phí, v.v.



**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU PHƯƠNG ĐÔNG VIỆT  
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thông tin bộ phận về hoạt động kinh doanh của Công ty như sau:

**Bảng cân đối kế toán**

| <b>SỐ CUỐI NĂM</b>                                 | Dịch vụ vận chuyển<br>VND | Thương mại<br>VND | Dịch vụ đại lý<br>VND | Hoạt động khác<br>VND | Tổng<br>VND            |
|--|---------------------------|-------------------|-----------------------|-----------------------|------------------------|
| <b>Tài sản</b>                                     |                           |                   |                       |                       |                        |
| Tài sản bộ phận                                    | 325.651.809.387           | 3.129.357.917     | 4.847.669.094         | -                     | 333.628.836.398        |
| Tài sản không phân bổ                              |                           |                   |                       |                       | 98.751.505.622         |
| <b>Tổng tài sản hợp nhất</b>                       |                           |                   |                       |                       | <b>432.380.342.020</b> |
| <b>Nợ phải trả</b>                                 |                           |                   |                       |                       |                        |
| Nợ phải trả bộ phận                                | 202.967.923.257           | 1.270.385.770     | 10.104.247.003        | 8.241.149.973         | 222.583.706.003        |
| Nợ phải trả không phân bổ                          |                           |                   |                       |                       | 9.215.847.832          |
| <b>Tổng nợ phải trả hợp nhất</b>                   |                           |                   |                       |                       | <b>231.799.553.835</b> |
| <b><u>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh</u></b> |                           |                   |                       |                       |                        |
| <b>NĂM NAY</b>                                     | Dịch vụ vận chuyển<br>VND | Thương mại<br>VND | Dịch vụ đại lý<br>VND | Hoạt động khác<br>VND | Tổng<br>VND            |
| <b>Doanh thu</b>                                   |                           |                   |                       |                       |                        |
| Doanh thu thuần ra bên ngoài                       | 232.774.361.232           | 467.781.124.139   | 4.297.936.976         | 4.678.272.088         | 709.531.694.435        |
| Doanh thu thuần cho các bộ phận khác               | -                         | -                 | -                     | -                     | -                      |
| Tổng doanh thu                                     | 232.774.361.232           | 467.781.124.139   | 4.297.936.976         | 4.678.272.088         | 709.531.694.435        |
| <b>Kết quả hoạt động kinh doanh</b>                |                           |                   |                       |                       |                        |
| Lợi nhuận gộp                                      | 38.235.021.619            | 362.107.578       | 796.206.900           | 12.552.752            | 39.405.888.849         |
| Chi phí không phân bổ                              |                           |                   |                       |                       | (18.294.844.072)       |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh                  |                           |                   |                       |                       | 21.111.044.777         |
| Doanh thu hoạt động tài chính                      |                           |                   |                       |                       | 5.364.867.561          |
| Lợi nhuận khác                                     |                           |                   |                       |                       | 926.654.127            |
| Chi phí tài chính                                  |                           |                   |                       |                       | (10.396.810.581)       |
| Lợi nhuận trước thuế                               |                           |                   |                       |                       | 17.005.755.884         |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp                 |                           |                   |                       |                       | (2.023.871.015)        |
| Lợi nhuận trong năm                                |                           |                   |                       |                       | 14.981.884.869         |
| <b>Thông tin khác</b>                              |                           |                   |                       |                       |                        |
| Khấu hao   |                           |                   |                       |                       | 21.459.928.034         |



**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU PHƯƠNG ĐÔNG VIỆT  
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

**Bảng cân đối kế toán**

**SỐ ĐẦU NĂM  
(TRÌNH BÀY LẠI)**

| Tài sản                      | Dịch vụ vận chuyển<br>VND | Thương mại<br>VND | Dịch vụ đại lý<br>VND | Hoạt động khác<br>VND | Tổng<br>VND            |
|------------------------------|---------------------------|-------------------|-----------------------|-----------------------|------------------------|
| Tài sản bộ phận              | 323.120.967.263           | 25.982.783.507    | 1.048.841.757         | -                     | 350.152.592.527        |
| Tài sản không phân bổ        |                           |                   |                       |                       | 108.954.822.471        |
| <b>Tổng tài sản hợp nhất</b> |                           |                   |                       |                       | <b>459.107.414.998</b> |

**Nợ phải trả**

|                                  |                 |               |                |             |                        |
|----------------------------------|-----------------|---------------|----------------|-------------|------------------------|
| Nợ phải trả bộ phận              | 245.983.985.138 | 8.782.215.699 | 11.360.776.177 | 221.516.299 | 266.348.493.313        |
| Nợ phải trả không phân bổ        |                 |               |                |             | 6.271.886.254          |
| <b>Tổng nợ phải trả hợp nhất</b> |                 |               |                |             | <b>272.620.379.567</b> |

**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

**NĂM TRƯỚC  
(TRÌNH BÀY LẠI)**

| Doanh thu                            | Dịch vụ vận chuyển<br>VND | Thương mại<br>VND      | Dịch vụ đại lý<br>VND | Hoạt động khác<br>VND | Tổng<br>VND            |
|--------------------------------------|---------------------------|------------------------|-----------------------|-----------------------|------------------------|
| Doanh thu thuần ra bên ngoài         | 171.118.829.540           | 494.611.409.281        | 4.558.452.062         | 7.721.315.546         | 678.010.006.429        |
| Doanh thu thuần cho các bộ phận khác | -                         | -                      | -                     | -                     | -                      |
| <b>Tổng doanh thu</b>                | <b>171.118.829.540</b>    | <b>494.611.409.281</b> | <b>4.558.452.062</b>  | <b>7.721.315.546</b>  | <b>678.010.006.429</b> |
| <b>Kết quả hoạt động kinh doanh</b>  |                           |                        |                       |                       |                        |
| Lợi nhuận gộp                        | 52.356.103.392            | 402.381.345            | 959.713.528           | (165.461.317)         | 53.552.736.948         |
|                                      |                           |                        |                       |                       | (24.003.710.804)       |

Chi phí không phân bổ

Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh

Doanh thu hoạt động tài chính

Lợi nhuận khác

Chi phí tài chính

Lợi nhuận trước thuế

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Lợi nhuận trong năm

**Thông tin khác**

Khấu hao

21.457.033.344



**Bộ phận theo khu vực địa lý**

Công ty có trụ sở chính tại thành phố Hồ Chí Minh và chi nhánh tại thành phố Hải Phòng. Tuy nhiên, doanh thu, kết quả kinh doanh, tài sản chủ yếu phát sinh tại trụ sở chính. Doanh thu của trụ sở chính chiếm 98% tổng doanh thu trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017. Theo đó, Ban Giám đốc đã đánh giá và tin tưởng rằng việc không lập và trình bày báo cáo tài chính bộ phận theo khu vực địa lý trong báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 là phù hợp với quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 - "Báo cáo bộ phận" và phù hợp với tình hình kinh doanh hiện nay của Công ty.

**21. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

|   | Năm nay<br>VND         | Năm trước<br>VND       |
|---|------------------------|------------------------|
| Doanh thu thương mại                        | 467.781.124.139        | 494.611.409.281        |
| Doanh thu vận chuyển xăng dầu - tàu công ty | 232.774.361.232        | 171.118.829.540        |
| Doanh thu đại lý tàu biển                   | 4.297.936.976          | 4.558.452.062          |
| Doanh thu hoạt động khác                    | 4.678.272.088          | 7.721.315.546          |
|   | <b>709.531.694.435</b> | <b>678.010.006.429</b> |

**22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

|   | Năm nay<br>VND         | Năm trước<br>(Trình bày lại)<br>VND |
|---|------------------------|-------------------------------------|
| Giá vốn thương mại                        | 467.419.016.561        | 494.209.027.936                     |
| Giá vốn vận chuyển xăng dầu - tàu công ty | 194.539.339.613        | 118.762.726.148                     |
| Giá vốn đại lý tàu biển                   | 3.501.730.076          | 3.598.738.534                       |
| Giá vốn hoạt động khác                    | 4.665.719.336          | 7.886.776.863                       |
|   | <b>670.125.805.586</b> | <b>624.457.269.481</b>              |

**23. CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

|                                  | Năm nay<br>VND         | Năm trước<br>(Trình bày lại)<br>VND |
|----------------------------------|------------------------|-------------------------------------|
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu    | 47.482.853.651         | 12.629.271.124                      |
| Chi phí nhân công                | 24.475.692.549         | 30.988.798.940                      |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 21.459.928.034         | 21.457.033.344                      |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài        | 88.948.001.825         | 56.255.935.112                      |
| Chi phí khác bằng tiền           | 38.635.157.038         | 32.920.913.829                      |
|                                  | <b>221.001.633.097</b> | <b>154.251.952.349</b>              |

**24. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

|                       | Năm nay<br>VND       | Năm trước<br>VND     |
|-----------------------|----------------------|----------------------|
| Lãi tiền gửi          | 129.976.936          | 664.847.189          |
| Lãi chênh lệch tỷ giá | 5.234.890.625        | 3.626.711.353        |
|                       | <b>5.364.867.561</b> | <b>4.291.558.542</b> |

**25. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

|                      | Năm nay<br>VND        | Năm trước<br>VND      |
|----------------------|-----------------------|-----------------------|
| Chi phí lãi vay      | 5.824.705.018         | 7.231.879.602         |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá | 4.572.105.563         | 4.148.262.158         |
|                      | <b>10.396.810.581</b> | <b>11.380.141.760</b> |

**26. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

|                         | Năm nay<br>VND        | Năm trước<br>VND      |
|-------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Chi phí lương nhân viên | 7.298.033.639         | 12.541.552.307        |
| Chi phí mua ngoài       | 9.829.713.658         | 10.330.515.571        |
| Các khoản khác          | 1.167.096.775         | 1.131.642.926         |
|                         | <b>18.294.844.072</b> | <b>24.003.710.804</b> |

**27. THU NHẬP KHÁC**

|                                | Năm nay<br>VND       | Năm trước<br>VND     |
|--------------------------------|----------------------|----------------------|
| Thu từ bồi thường tổn thất tàu | -                    | 6.630.207.874        |
| Thu nhập khác (*)              | 1.055.260.291        | 2.541.061.631        |
|                                | <b>1.055.260.291</b> | <b>9.171.269.505</b> |

(\*) Thu nhập khác bao gồm thu nhập từ xử lý chênh lệch công nợ, điều chỉnh chênh lệch do kiểm kê, thu tiền phạt đào tạo thuyền viên khi chấm dứt hợp đồng v.v...

**28. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

|   | Năm nay<br>VND        | Năm trước<br>(Trình bày lại)<br>VND |
|---|-----------------------|-------------------------------------|
| <b>Lợi nhuận trước thuế</b>                         | <b>17.005.755.884</b> | <b>31.484.949.588</b>               |
| Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ         | 1.139.262.443         | 87.677.833                          |
| Trừ: Thu nhập không chịu thuế                       | (19.811.115)          | (474.451.885)                       |
| <b>Thu nhập chịu thuế</b>                           | <b>18.125.207.212</b> | <b>31.098.175.536</b>               |
| Lỗ lũy kế mang sang                                 | (8.005.852.136)       | (31.098.175.536)                    |
| <b>Thu nhập tính thuế</b>                           | <b>10.119.355.076</b> | -                                   |
| Thuế suất   | 20%                   | 20%                                 |
| <b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b> | <b>2.023.871.015</b>  | -                                   |

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 20% (2016: thuế suất 20%) trên thu nhập tính thuế.

Công ty không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả khác vì không có khoản chênh lệch tạm thời đáng kể giữa giá trị sổ sách của tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập tương ứng.

030  
 CÔNG  
 AN  
 SÔNG  
 TP.  
 112  
 CHI  
 CỘT  
 HNH  
 LƯ  
 ỆT  
 TP.



**29. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

|   | Năm nay        | Năm trước<br>(Trình bày lại) |
|---|----------------|------------------------------|
| Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (VND)   | 14.981.884.869 | 31.484.949.588               |
| Loại trừ quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)  | 749.094.243    | 588.132.115                  |
| Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND) (**)                           | 14.232.790.626 | 30.896.817.473               |
| Số bình quân gia quyền của cổ phần phổ thông đang lưu hành trong năm (cổ phiếu) | 17.000.000     | 17.000.000                   |
| <b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)</b>                                  | <b>837</b>     | <b>1.817</b>                 |

(\*) Quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 được ước tính căn cứ vào phương án phân phối lợi nhuận năm 2016 được phê duyệt theo Nghị quyết số 16/NQ-PĐV-ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 4 năm 2017. Theo đó, quỹ khen thưởng phúc lợi được trích 5% trên lợi nhuận sau thuế.

(\*\*) Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu chưa xem xét đến ảnh hưởng của 3.000.000 cổ phần ưu đãi cổ tức bởi vì trong năm Công ty vẫn chưa có kế hoạch chia cổ tức cho cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi cổ tức.

**30. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 17 trừ tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của các cổ đông (bao gồm vốn góp của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần và lãi/lỗ lũy kế).

*Hệ số đòn bẩy tài chính*

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

|   | Số cuối năm     | Số đầu năm<br>(Trình bày lại) |
|---|-----------------|-------------------------------|
| Các khoản vay                             | 165.819.062.500 | 225.364.612.500               |
| Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền   | 87.934.147.030  | 104.769.358.741               |
| Nợ thuần                                  | 77.884.915.470  | 120.595.253.759               |
| Vốn chủ sở hữu                            | 200.580.788.185 | 186.487.035.431               |
| <b>Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu</b> | <b>0,39</b>     | <b>0,65</b>                   |

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

93  
 IG  
 PH  
 AI  
 JNL  
 10  
 0-00  
 ANH  
 TY  
 HUU  
 TTE  
 AM  
 CH

**Các loại công cụ tài chính**

|                                      | Giá trị ghi sổ         |                        |
|--------------------------------------|------------------------|------------------------|
|                                      | Số cuối năm            | Số đầu năm             |
|                                      | VND                    | VND                    |
| <b>Tài sản tài chính</b>             |                        |                        |
| Tiền và các khoản tương đương tiền   | 87.934.147.030         | 104.769.358.741        |
| Phải thu khách hàng và phải thu khác | 19.839.389.033         | 36.674.992.754         |
|                                      | <b>107.773.536.063</b> | <b>141.444.351.495</b> |
| <b>Công nợ tài chính</b>             |                        |                        |
| Các khoản vay                        | 165.819.062.500        | 225.364.612.500        |
| Phải trả người bán và phải trả khác  | 49.780.830.470         | 32.455.743.301         |
| Chi phí phải trả                     | 3.248.529.404          | 3.663.647.036          |
|                                      | <b>218.848.422.374</b> | <b>261.484.002.837</b> |

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá và rủi ro lãi suất), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường hoạt động giao dịch các công cụ tài chính này.

**Quản lý rủi ro tỷ giá**

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

|                       | Tài sản        |                 | Công nợ         |                 |
|-----------------------|----------------|-----------------|-----------------|-----------------|
|                       | Số cuối năm    | Số đầu năm      | Số cuối năm     | Số đầu năm      |
|                       | VND            | VND             | VND             | VND             |
| Đô la Mỹ (USD)        | 91.469.336.667 | 101.243.241.374 | 173.803.675.793 | 233.018.511.130 |
| Yên Nhật (JPY)        | -              | -               | 25.097.500      | 80.347.568      |
| Đô la Singapore (SGD) | 11.286.988     | 10.833.789      | 123.991.459     | 83.855.299      |

**Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ**

Công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của Đô la Mỹ.

Tỷ lệ thay đổi 3% được Ban Giám đốc sử dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Ban Giám đốc về mức thay đổi có thể có của tỷ giá. Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số dư của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 3% thay đổi của tỷ giá. Nếu tỷ giá Đồng Đô la Mỹ so với Đồng Việt Nam tăng/giảm 3% thì lợi nhuận trước thuế trong năm của Công ty sẽ giảm/tăng một khoản tương ứng với số tiền là 2.470.030.174 đồng (năm 2016: 3.953.258.093 đồng).

Dựa trên sự phân tích tương tự cho Yên Nhật và Đô la Singapore thì không có ảnh hưởng trọng yếu đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

383  
Y  
N  
ÁU  
I  
T  
M

TINH  
DU  
M.S.C.A



*Quản lý rủi ro lãi suất*

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất thả nổi.

*Độ nhạy của lãi suất*

Độ nhạy của các khoản vay đối với sự thay đổi lãi suất có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất. Với giả định là các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất của các khoản vay với lãi suất thả nổi tăng/giảm 200 điểm cơ bản thì lợi nhuận trước thuế của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 sẽ giảm/tăng với số tiền là 3.316.381.250 đồng (năm 2016: 4.507.292.250 đồng).

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không.

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có một số rủi ro tín dụng từ việc không thu hồi được nợ phải thu khách hàng. Công ty đã thực hiện trích lập dự phòng cho các khoản phải thu này.

**Quản lý rủi ro thanh khoản**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

|                                      | Dưới 1 năm<br>VND      | Từ 1 - 5 năm<br>VND      | Tổng<br>VND              |
|--------------------------------------|------------------------|--------------------------|--------------------------|
| <b>Số cuối năm</b>                   |                        |                          |                          |
| Tiền và các khoản tương đương tiền   | 87.934.147.030         | -                        | 87.934.147.030           |
| Phải thu khách hàng và phải thu khác | 19.483.817.033         | 355.572.000              | 19.839.389.033           |
|                                      | <b>107.417.964.063</b> | <b>355.572.000</b>       | <b>107.773.536.063</b>   |
| Các khoản vay                        | 56.875.000.000         | 108.944.062.500          | 165.819.062.500          |
| Phải trả người bán và phải trả khác  | 49.780.830.470         | -                        | 49.780.830.470           |
| Chi phí phải trả                     | 3.248.529.404          | -                        | 3.248.529.404            |
|                                      | <b>109.904.359.874</b> | <b>108.944.062.500</b>   | <b>218.848.422.374</b>   |
| <b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>  | <b>(2.486.395.811)</b> | <b>(108.588.490.500)</b> | <b>(111.074.886.311)</b> |
|                                      |                        |                          |                          |
|                                      | Dưới 1 năm<br>VND      | Từ 1 - 5 năm<br>VND      | Tổng<br>VND              |
| <b>Số đầu năm</b>                    |                        |                          |                          |
| Tiền và các khoản tương đương tiền   | 104.769.358.741        | -                        | 104.769.358.741          |
| Phải thu khách hàng và phải thu khác | 36.319.420.754         | 355.572.000              | 36.674.992.754           |
|                                      | <b>141.088.779.495</b> | <b>355.572.000</b>       | <b>141.444.351.495</b>   |
| Các khoản vay                        | 59.254.000.000         | 166.110.612.500          | 225.364.612.500          |
| Phải trả người bán và phải trả khác  | 32.455.743.301         | -                        | 32.455.743.301           |
| Chi phí phải trả                     | 3.663.647.036          | -                        | 3.663.647.036            |
|                                      | <b>95.373.390.337</b>  | <b>166.110.612.500</b>   | <b>261.484.002.837</b>   |
| <b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>  | <b>45.715.389.158</b>  | <b>(165.755.040.500)</b> | <b>(120.039.651.342)</b> |

Ban Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn dựa trên dòng tiền từ hoạt động kinh doanh.

**31. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

**Danh sách các bên liên quan có giao dịch và số dư chủ yếu trong năm:**

| <b><u>Bên liên quan</u></b>   | <b><u>Mối quan hệ</u></b>                 |
|---|---|
| Tập đoàn Dầu khí Việt Nam   | Tập đoàn                                  |
| Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí  | Công ty mẹ                                |
| Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Thái Bình Dương   | Cùng Công ty mẹ                           |
| Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Phương Nam   | Cùng Công ty mẹ                           |
| Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Hà Nội  | Cùng Công ty mẹ                           |
| Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Vũng Tàu  | Cùng Công ty mẹ                           |
| Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải Dầu khí Cửu Long  | Cùng Công ty mẹ                           |
| Tổng Công ty Dầu Việt Nam   | Công ty con của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam |
| Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn   | Công ty con của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam |
| Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi PTSC   | Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam      |
| Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí   | Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam      |
| Tổng Công ty Bảo dưỡng Sửa chữa Công trình Dầu khí                                      | Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam      |
| Chi nhánh Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần - Công ty Kinh doanh Sản phẩm khí | Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam      |
| Công ty Điều hành Dầu khí Biển Đông   | Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam      |
| Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Chúng Việt Nam   | Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam      |
| Công ty Bảo hiểm PVI Phía Nam   | Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam      |
| Tổng Công ty Bảo hiểm PVI   | Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam      |
| Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương  | Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam      |
| Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Dầu khí Việt Nam                                       | Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam      |
| Công ty Cổ phần Sơn Dầu Khí Việt Nam  | Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam      |
| Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hải Phòng  | Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam      |
| Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp PTSC Thanh Hóa                            | Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam      |
| Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí - Công ty TNHH Nhà nước MTV                      | Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam      |

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

|   | Năm nay<br>VND | Năm trước<br>VND |
|---|----------------|------------------|
| <b>Doanh thu cước vận chuyển</b>  |                |                  |
| Tổng Công ty Dầu Việt Nam   | 17.332.088.856 | 60.477.268.158   |
| Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Vũng Tàu  | 77.156.400     | -                |
| Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Dầu khí Việt Nam                                       | 6.020.015.072  | -                |
| Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Phương Nam   | 20.276.235.422 | -                |
| <b>Doanh thu thương mại</b>   |                |                  |
| Chi nhánh Tổng Công ty khí Việt Nam - Công ty Cổ phần - Công ty Kinh doanh Sản phẩm khí | 7.104.191.999  | 7.356.103.227    |
| <b>Doanh thu đại lý</b>   |                |                  |
| Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Thái Bình Dương   | 81.818.182     | -                |
| <b>Doanh thu khác</b>   |                |                  |
| Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Vũng Tàu  | 269.817.738    | -                |
| Tổng Công ty Dầu Việt Nam   | 1.764.624.682  | 7.765.384.642    |

03  
 CC  
 CC  
 VẬN  
 HƯƠN  
 7-7  
 2500-  
 NHẢ  
 NG T  
 HIỆM H  
 OIT  
 (NAI  
 .HỒ



|  | Năm nay<br>VND | Năm trước<br>VND |
|--|----------------|------------------|
| <b>Mua hàng hóa/dịch vụ trong năm</b>                        |                |                  |
| Công ty Bảo hiểm PVI Phía Nam                                | 3.730.693.470  | 4.759.389.615    |
| Tổng Công ty Bảo hiểm PVI                                    | 3.358.039.660  | 3.221.724.107    |
| Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí                          | -              | 41.590.909       |
| Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu Khí Quảng Ngãi PTSC              | -              | 34.334.921       |
| Tổng Công ty Bảo dưỡng Sửa chữa Công trình Dầu khí           | -              | 139.221.000      |
| Công ty Cổ phần Vận tải Dầu Khí Hà nội                       | 612.303.100    | 1.063.866.790    |
| Công ty TNHH MTV Lọc hóa Dầu Bình Sơn                        | 1.674.248.764  | 3.010.440.419    |
| Công ty Cổ phần Vận tải Dầu Khí Đông Dương                   | 563.419.355    | 445.500.000      |
| Tập đoàn Dầu khí Việt Nam                                    | -              | 244.499.253      |
| Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải Dầu khí Cửu Long             | -              | 189.000.000      |
| Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Vũng Tàu                     | 22.316.947.998 | -                |
| Công ty Cổ Phần Sơn Dầu Khí Việt Nam                         | 652.840.000    | -                |
| Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hải Phòng                   | 5.915.357.401  | -                |
| Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp PTSC Thanh Hóa | 1.116.902.613  | -                |
| Tổng Công ty Dầu Việt Nam                                    | 1.956.603.314  | -                |
| Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí                         | 22.400.810.163 | -                |

**Các khoản vay**

|  |                |                |
|--|----------------|----------------|
| Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Chúng Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn (trước đây là Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam) |                |                |
| - Gốc vay đã thanh toán  | 54.821.000.000 | 63.255.000.000 |
| - Lãi vay đã trả   | 6.356.056.643  | 8.138.927.711  |

Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc trong năm như sau:

|               | Năm nay<br>VND | Năm trước<br>VND |
|---------------|----------------|------------------|
| Lương, thưởng | 2.172.075.409  | 2.178.243.740    |

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

|   | Số cuối năm<br>VND | Số đầu năm<br>VND |
|---|--------------------|-------------------|
| <b>Phải thu khách hàng</b>  |                    |                   |
| Tổng Công ty Dầu Việt Nam   | 436.914.110        | 9.797.398.642     |
| Chi nhánh Tổng Công ty khí Việt Nam - Công ty Cổ phần - Công ty Kinh doanh Sản phẩm khí | 1.247.862.720      | -                 |
| Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Dầu khí Việt Nam                                       | 2.133.594.170      | -                 |
| Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Phương Nam   | 8.106.900.916      | -                 |
| <b>Phải thu ngắn hạn khác</b>   |                    |                   |
| Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Phương Nam   | 812.996.922        | -                 |
| Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí  | 500.303.106        | -                 |
| <b>Phải trả người bán</b>   |                    |                   |
| Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Vũng Tàu  | 9.514.113.180      | -                 |
| Tổng công ty Bảo Hiểm PVI   | 170.625.000        | -                 |
| Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí  | 9.965.171.219      | -                 |



|   | Số cuối năm<br>VND   | Số đầu năm<br>VND    |
|---|----------------------|----------------------|
| <b>Phải trả ngắn hạn khác</b>                                       |                      |                      |
| Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Hà Nội                              | 151.797.232          | 66.088.560           |
| Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn                               | 815.869.961          | 868.181.342          |
| Công ty Điều hành Dầu khí Biển Đông                                 | 1.020.375.000        | -                    |
| Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí - Công ty TNHH Nhà nước MTV  | 1.590.050.000        | -                    |
| Tập đoàn Dầu khí Việt Nam   | <u>425.538.062</u>   | <u>404.876.570</u>   |
| <b>Các khoản vay</b>  |                      |                      |
| Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Chúng Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn |                      |                      |
| - <i>Gốc vay phải trả</i>   | 165.819.062.500      | 225.364.612.500      |
| - <i>Lãi vay phải trả</i>   | <u>2.297.003.800</u> | <u>2.875.871.923</u> |

**32. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

**Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ**

Tiền lãi vay đã trả trong năm không bao gồm số tiền 2.297.003.800 đồng (năm 2016: 2.875.871.923 đồng), là số tiền lãi vay phải trả phát sinh trong năm nhưng chưa thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải trả.



**Tăng Kim Thụy Vi**  
Người lập biểu

**Phan Phong Phúc**  
Kế toán trưởng



**Hoàng Đức Chính**  
Giám đốc

Ngày 12 tháng 3 năm 2018

Tp.HCM, ngày \_\_\_ tháng \_\_\_ năm 2018

**TỜ TRÌNH**  
**V/v Phê duyệt kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018**

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông  
Công ty Cổ phần Vận Tải Dầu Phương Đông Việt

Căn cứ vào phân tích, đánh giá xu hướng thị trường vận tải trong năm 2018, dựa vào các nguồn lực thực tế của đơn vị. Công ty Cổ phần Vận Tải Dầu Phương Đông Việt triển khai xây dựng và đề ra các chỉ tiêu kế hoạch chủ yếu của năm 2018 như sau:

| Stt | Chỉ tiêu                       | Đơn vị tính | Kế hoạch năm 2018 |
|-----|--------------------------------|-------------|-------------------|
| 1   | Tổng doanh thu                 | Tỷ đồng     | 935               |
| 2   | Lợi nhuận trước thuế           | Tỷ đồng     | 45                |
| 3   | Lợi nhuận sau thuế             | Tỷ đồng     | 36                |
| 4   | Tỷ suất lợi nhuận /vốn điều lệ | %           | 10%               |
| 5   | Nộp NSNN                       | Tỷ đồng     | 14                |

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng Cổ đông xem xét, thông qua và ủy quyền cho Hội đồng quản trị phê duyệt việc điều chỉnh kế hoạch phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh thực tế của Công ty./.

Kính trình Đại hội thông qua./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  
**CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Quốc Phương**

Số: ...../PĐV-TTr-ĐHĐCĐ

Tp.HCM, ngày \_\_\_ tháng \_\_\_ năm 2018

## TỜ TRÌNH

**V/v: chuyển tiếp và gia hạn dự án đầu tư tàu 13.000 DWT  
đã được ĐHĐCĐ bất thường thông qua trong năm 2017**

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông  
Công ty Cổ phần Vận Tải Dầu Phương Đông Việt

Căn cứ vào Nghị quyết Đại hội Đồng Cổ đông bất thường ( lấy ý kiến bằng văn bản) số 85/PĐV- NQ -ĐHĐCĐ ngày 22/12/2017 của Công ty Cổ phần Vận Tải Dầu Phương Đông Việt về việc thông qua kế hoạch SXKD 5 năm giai đoạn 2016 – 2020, phương án phát hành cổ phiếu để tăng vốn điều lệ và việc đầu tư tàu chở dầu sản phẩm/hóa chất khoảng 13.000 DWT phục vụ sản xuất kinh doanh.

Hiện nay, Công ty đang hoàn thiện thủ tục hồ sơ phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ Công ty từ 200 tỷ lên 266 tỷ, dự kiến sẽ hoàn thành trong quý 2/2018. Vì vậy dự án đầu tư tàu 13.000 DWT sẽ được Công ty tiếp tục triển khai trong năm 2018 sau khi hoàn thành kế hoạch tăng vốn.

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Vận Tải Dầu Phương Đông Việt kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua các nội dung như sau :

- Thông qua việc chuyển tiếp dự án đầu tư tàu 13.000 đã được ĐHĐCĐ bất thường (lấy ý kiến bằng văn bản) thông qua tại Nghị quyết số 85/PĐV- NQ -ĐHĐCĐ ngày 22/12/2017.

- Đại hội đồng cổ đông Ủy quyền cho Hội đồng quản trị thực hiện các thủ tục đầu tư, điều chỉnh Phương án đầu tư cho phù hợp với tình hình thực tế (nếu có) và các vấn đề khác liên quan đến việc đầu tư tàu thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ nhưng phải đảm bảo các yêu cầu sau:

- ✓ *Đối với tổng mức đầu tư: không vượt quá 11,740,000 usd; tương đương 270 tỷ đồng.*
- ✓ *Đối với các chỉ tiêu hiệu quả của dự án: không thấp hơn các chỉ tiêu như trong tờ trình số 03/PĐV-TTr-ĐHĐCĐ ngày 04/12/2017 đã thông qua tại Nghị quyết số 85/PĐV- NQ -ĐHĐCĐ ngày 22/12/2017.*
- ✓ *Tuân thủ đúng các quy định của pháp luật trong việc thực hiện các thủ tục liên quan đến việc đầu tư.*

Kính trình Đại hội xem xét thông qua./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Quốc Phương**

*Tp. HCM, ngày ... tháng ... năm 2018*

**BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT  
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU PHƯƠNG ĐÔNG VIỆT  
TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2018**

**Kính thưa toàn thể Quý cổ đông,**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;
- Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Kiểm Soát được qui định tại Điều lệ hoạt động của Công ty CP Vận tải Dầu Phương Đông Việt;
- Căn cứ báo cáo tài chính năm 2017 của Công ty CP Vận tải Dầu Phương Đông Việt đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Deloitte Việt Nam.

Thực hiện nhiệm vụ do Đại hội cổ đông giao, Ban kiểm soát (BKS) Công ty CP Vận tải Dầu Phương Đông Việt báo cáo tới Đại hội cổ đông kết quả hoạt động và thẩm định năm 2017 như sau:

**I. Tổ chức, hoạt động của Ban Kiểm Soát trong năm 2017**

**1. Về tổ chức:**

Ban kiểm soát của Công ty hiện tại gồm 03 thành viên

- Ông Phạm Văn Hưng – Trưởng ban
- Ông Hồ Sỹ Hùng – Thành viên
- Ông Phan Xuân Sơn – Thành viên

**2. Tổ chức thực hiện kiểm soát:**

1. Giám sát, kiểm tra việc quản lý và thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2017 của Hội Đồng Quản Trị (HĐQT) và Ban Điều hành, kiểm tra tính hợp pháp, hợp lý của các hoạt động kinh doanh trong năm 2017 theo các nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông năm 2017.
2. Đánh giá, giám sát các thông tin trên Báo cáo tài chính Công ty theo các chế độ tài chính kế toán hiện hành.
3. Tham gia ý kiến với HĐQT Công ty đối với những vấn đề hoạt động của Công ty như việc quản lý công nợ phải thu, xây dựng quy trình quy chế tại đơn vị.
4. Tham gia các cuộc họp của HĐQT, tham gia có ý kiến sửa đổi, cải tiến cơ cấu quản lý, điều hành SXKD.
5. Thực hiện thẩm định: báo cáo công tác của HĐQT, báo cáo tình hình thực hiện hoạt động SXKD của Ban giám đốc, báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán...đảm bảo các báo cáo trung thực, phản ánh đúng tình hình thực tế Công ty và thực trạng tài chính tại thời điểm lập báo cáo.

## II. Phối hợp giữa Ban kiểm soát với HĐQT, Ban giám đốc và Cổ đông

1. Trong năm 2017, BKS đã phối hợp chặt chẽ với HĐQT, Ban giám đốc trong việc kiểm tra, giám sát tình hình hoạt động SXKD, tình hình tài chính và công tác đầu tư, sửa chữa tàu và quyết toán.
2. Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc đã cung cấp đầy đủ và kịp thời các số liệu, thông tin về công tác quản lý, điều hành và hoạt động SXKD tại Đơn vị theo yêu cầu của BKS, tạo điều kiện để BKS thực hiện quyền và nhiệm vụ theo quy định.
3. Quan hệ với cổ đông: trong năm 2017 BKS không nhận được yêu cầu của cổ đông hay nhóm cổ đông yêu cầu kiểm tra các hoạt động quản lý, điều hành của HĐQT, Ban Giám đốc và các mặt hoạt động của Công ty.
4. Trong quá trình hoạt động, HĐQT đã chỉ đạo, giám sát Ban giám đốc Công ty thực hiện các nhiệm vụ mà ĐHĐCĐ thông qua, bám sát chiến lược mà Tổng Công ty phê duyệt. HĐQT luôn tuân thủ Điều lệ Công ty, các quy định của pháp luật nhằm đưa Công ty vượt qua khó khăn.

## III. Báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát năm 2017

### 1. Đánh giá tình hình thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2017

Ban kiểm soát nhất trí với các nội dung trong báo cáo SXKD năm 2017 với các số liệu chính như sau:

*Đvt: tỷ đồng*

| Stt | Chỉ tiêu             | Kế hoạch năm 2017 | Thực hiện năm 2017 | Tỉ lệ TH /KH |
|-----|----------------------|-------------------|--------------------|--------------|
| 1   | Tổng doanh thu       | 651,0             | 716,0              | 110%         |
| 2   | Tổng chi phí         | 631,0             | 699,0              | 111%         |
| 3   | Lợi nhuận trước thuế | 20,0              | 17,0               | 85%          |
| 4   | Lợi nhuận sau thuế   | 20,0              | 15,0               | 75%          |
| 5   | Nộp ngân sách NN     | 7,0               | 8,3                | 119%         |

### 2. Kết quả giám sát hoạt động của HĐQT, công tác điều hành của Ban Giám đốc năm 2017

#### 2.1. Hoạt động của HĐQT

1. Các thành viên HĐQT đã thực hiện nhiệm vụ chỉ đạo, giám sát, đôn đốc kịp thời các hoạt động của Ban điều hành thông qua.
2. Tham dự và có ý kiến chỉ đạo trong các cuộc họp của Ban điều hành về việc triển khai các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT.
3. Tham dự và có ý kiến chỉ đạo trong cuộc giao ban công tác định kỳ của ban điều hành đối với các vấn đề còn tồn tại của Công ty;



4. Theo dõi và nắm bắt quá trình điều hành SXKD thông qua các báo cáo kế hoạch kinh doanh hàng tháng về các chỉ tiêu kế hoạch và có ý kiến cũng như giải pháp hỗ trợ;
5. HĐQT luôn bám sát Nghị quyết của ĐHĐCĐ cũng như các quy chế quản trị nội bộ và tình hình thực tế của Công ty để đề ra chủ trương phù hợp cho từng thời điểm.
6. Trong năm 2017, HĐQT đã tiến hành 04 (bốn) cuộc họp định kỳ như: Họp HĐQT Quý I, II, III, IV; tổ chức họp đầy đủ các cuộc họp các tiểu ban thuộc HĐQT đối với các vấn đề liên quan theo quy định và có các biên bản cũng như Quyết định để làm cơ sở giám sát và kiểm tra;
7. Hội đồng quản trị đã chỉ đạo và kiểm tra, giám sát hoạt động trong việc xây dựng và thực hiện sửa đổi lại Điều lệ Công ty, các Quy chế, Quy định nội bộ đảm bảo phù hợp với Pháp luật và sự phát triển của Công ty: Trong năm Công ty đã thành lập Trung tâm Dịch vụ Hàng hải và một số các Quy chế về quản lý dòng tiền, Quy chế đào tạo...
8. Trong năm 2017, Hội đồng quản trị đã ban hành 33 Nghị quyết/ Quyết định phù hợp liên quan đến lĩnh vực SXKD/Công tác cán bộ và các vấn đề do HĐQT quản lý.
9. Hội đồng quản trị đã phân cấp ủy quyền cho Giám đốc chủ động quyết định một số vấn đề liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh đồng thời thiết lập cơ chế kiểm tra, giám sát thông qua hệ thống các báo cáo tổng hợp/chi tiết và các kỳ họp Hội đồng quản trị, được thể hiện qua các Nghị quyết, Quyết định, giải quyết các vấn đề công nợ, khai thác hiệu quả đội tàu và kinh doanh tốt mảng thương mại.
10. Hội đồng quản trị đánh giá Ban Giám đốc đã thực hiện đầy đủ và đúng theo các chỉ đạo của Hội đồng quản trị, triển khai kế hoạch SXKD của đơn vị phù hợp với Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và tuân thủ đúng Pháp luật và Điều lệ Công ty.
11. Hội đồng quản trị công ty chủ động xin ý kiến các thành viên bằng văn bản và ban hành Nghị quyết, Quyết định kịp thời, để tạo điều kiện thuận lợi cho Ban Giám đốc điều hành thực hiện.
12. Các Nghị quyết Hội đồng quản trị đã xin ý kiến và có sự nhất trí của các thành viên HĐQT, có tính thực thi cao, tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và được Giám đốc triển khai một cách nghiêm túc.

## **2.2. Hoạt động của Ban Điều hành**

Ban Điều hành đã nghiêm chỉnh thực hiện các Nghị quyết của HĐQT, đồng thời đưa ra các giải pháp tích cực, cụ thể:

1. Cùng với HĐQT, Ban Điều hành Công ty có những chỉ đạo rất sát sao và quyết liệt trong việc thực hiện nhiệm vụ của mình.
2. Ban Điều hành đã có nhiều nỗ lực đảm bảo duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh, điều hành quản lý và phát huy các nguồn lực về vốn, tài sản và lao động của Tổng

công ty, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với Nhà nước và các chế độ chính sách cho người lao động.

3. Ban Điều hành Công ty đã có những giải pháp quyết liệt để chấn chỉnh và nâng cao công tác quản lý, nâng cao hiệu quả SXKD và chủ động có nhiều giải pháp cả về thị trường, xử lý tài chính.
4. Thực hiện quyết liệt công tác tiết kiệm, chống lãng phí, kiểm soát chặt chẽ ngân sách cho từng tàu.
5. Phối hợp với các tổ chức Đảng, đoàn thể trong Công ty để nâng cao hiệu quả điều hành và đảm bảo quyền lợi cho người lao động.

### **2.3. Công tác xây dựng và thực hiện các quy chế, quy định:**

Công ty rất chú trọng trong việc xây dựng, ban hành các Quy chế, Quy định quản lý nội bộ; thường xuyên sửa đổi hiệu chỉnh Thỏa ước lao động tập thể và Nội quy lao động theo quy định của pháp luật, phù hợp với điều kiện thực tế của doanh nghiệp, đảm bảo quyền lợi, nghĩa vụ của cổ đông và người lao động.

### **2.4. Kết quả thẩm định báo cáo tài chính của công ty năm 2017**

Ban kiểm soát thực hiện thẩm định Báo cáo tài chính 2017 đã được kiểm toán, kiểm tra các bằng chứng xác minh, chứng từ liên quan kết quả như sau:

1. Công ty cơ bản thực hiện đúng các quy định của Luật kế toán, Chuẩn mực kế toán Việt Nam; đồng thời phù hợp với đặc điểm hoạt động SXKD và yêu cầu quản lý của công ty;
2. Các Báo cáo tài chính năm, Báo cáo tài chính hàng quý Công ty đã phản ánh đúng theo chế độ kế toán Việt Nam; đồng thời phù hợp với đặc điểm hoạt động SXKD và yêu cầu chính của Công ty tại từng thời điểm, đồng thời phù hợp với các chuẩn mực chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý liên quan;
3. Việc lập, luân chuyển, sử dụng chứng từ kế toán, nhìn chung đảm bảo tính hợp pháp, hợp lý, hợp lệ. Báo cáo tài chính lập đúng mẫu biểu và đúng thời hạn quy định.

## **IV. Các kiến nghị đối với HĐQT, Ban Giám đốc**

1. Tập trung quản lý, khai thác an toàn đội tàu của Công ty nhằm đảm bảo hiệu quả cao nhất đồng thời thực hiện quản lý kỹ thuật tốt đối với đội tàu.
2. Thực hiện tiết kiệm chi phí quản lý doanh nghiệp, tiến hành rà soát các định mức kinh tế kỹ thuật sát với tình hình SXKD thực tế tại Công ty.
3. Tiếp tục quản lý công nợ chặt chẽ, sử dụng an toàn nguồn vốn của Công ty cũng như tìm hướng phát triển các mảng kinh doanh mới.
4. Nghiên cứu triển khai công tác đầu tư tàu 13.000 DWT theo kế hoạch được giao tuân thủ các quy định của Nhà nước, Công ty và đảm bảo hiệu quả đầu tư.

## **V. Kế hoạch hoạt động của Ban kiểm soát năm 2018**

Để thực hiện hoàn thành nhiệm vụ kiểm soát theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, Ban kiểm soát Công ty dự kiến kế hoạch hoạt động năm 2018 như sau:

1. Tiếp tục duy trì công tác kiểm soát thường xuyên theo đúng Điều lệ của Công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát, lấy ngăn chặn, phòng ngừa làm mục tiêu chính, đảm bảo mọi hoạt động của Công ty luôn tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ của Công ty và mục tiêu chiến lược đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
2. Thẩm định các Báo cáo tài chính hàng quý, năm của Công ty;
3. Kiểm tra, giám sát việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018 của Công ty;
4. Kiểm tra, giám sát việc chấp hành pháp luật về quản lý và sử dụng vốn: việc ban hành và thực hiện Quy chế tài chính, Quy định nội bộ của Công ty, việc phân phối lợi nhuận, trích lập và sử dụng các Quỹ;
5. Kiểm tra, giám sát tình hình quản lý dòng tiền, công tác kiểm kê và thực hiện các quy định về định mức.
6. Xem xét thư quản lý của kiểm toán viên độc lập và ý kiến phản hồi của Ban Giám đốc Công ty;
7. Tăng cường công tác kiểm tra giám sát thường xuyên các hoạt động của Công ty thông qua các quyết định của HĐQT và Ban Giám đốc Công ty.

Trên đây là toàn bộ báo cáo về tình hình hoạt động năm 2017 và kế hoạch năm 2018 của Ban Kiểm soát, kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Kính chúc Đại hội thành công tốt đẹp!

**TM.BAN KIỂM SOÁT  
TRƯỞNG BAN**

**PHẠM VĂN HƯNG**

Số: ...../PĐV-TTr-ĐHĐCĐ

Tp.HCM, ngày\_\_\_ tháng\_\_\_ năm 2018

**TỜ TRÌNH**  
**Lựa chọn Công ty kiểm toán năm 2018**

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông  
Công ty Cổ phần Vận Tải Dầu Phương Đông Việt

Liên quan đến việc lựa chọn đơn vị kiểm toán cho Báo cáo tài chính của Công ty năm 2018, HĐQT và Ban kiểm soát công ty đã thảo luận, xem xét, đánh giá các công ty kiểm toán lớn, uy tín và nằm trong danh sách các công ty kiểm toán được Bộ tài chính/UBCK Nhà nước chấp thuận.

**1. Tiêu chí lựa chọn các đơn vị kiểm toán:**

- Là đơn vị kiểm toán độc lập có đầy đủ các chức năng theo qui định. Có đội ngũ kiểm toán viên được đánh giá trung thực, có đạo đức nghề nghiệp, có nhiều kinh nghiệm... nhằm đảm bảo chất lượng của báo cáo kiểm toán.
- Chi phí kiểm toán hợp lý, phù hợp với nội dung, phạm vi và tiến độ kiểm toán do Công ty yêu cầu.

**2. Đề xuất :**

Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát Công ty đã thông qua danh sách 03 Công ty kiểm toán lớn, uy tín hàng đầu ... có tên trong danh sách các công ty kiểm toán đủ điều kiện cung cấp dịch vụ kiểm toán đã được Bộ Tài chính/UBCK NN công bố. Danh sách các Công ty kiểm toán như sau:

- a. Công ty TNHH Deloitte Việt Nam ( Deloitte);
- b. Công Ty TNHH Ernst & Young Việt Nam ( E&Y);
- c. Công Ty TNHH DV TV Tài chính Kế toán và Kiểm toán ( AASC);

Trên cơ sở danh sách các Công ty kiểm toán nêu trên, HĐQT và Ban kiểm soát công ty kính trình Đại hội đồng Cổ đông thông qua danh sách và ủy quyền cho HĐQT, Ban kiểm soát lựa chọn Công ty kiểm toán để kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty trong năm 2018 theo qui định hiện hành.

Ban kiểm soát công ty kính trình Đại hội xem xét thông qua./.

**TM. BAN KIỂM SOÁT**  
**TRƯỞNG BAN**

**Phạm Văn Hưng**





- Lương, thưởng của thành viên HĐQT kiêm nhiệm chức danh trong bộ máy điều hành của công ty được áp dụng theo chế độ trả lương/thưởng của Công ty và Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí.

- Thù lao của các thành viên HĐQT làm việc theo chế độ không chuyên trách: 2.000.000đ/người/tháng.

- Thù lao của Trưởng ban Kiểm soát làm việc theo chế độ không chuyên trách: 1.500.000 đồng/người/tháng.

- Thù lao của các thành viên còn lại của Ban Kiểm soát làm việc theo chế độ không chuyên trách: 1.000.000đ/người/tháng.

| Stt                    | Chi tiết                              | Số người | Kế hoạch tháng   | Kế hoạch năm       |
|------------------------|---------------------------------------|----------|------------------|--------------------|
| 1                      | <b>Thành viên HĐQT</b>                | <b>4</b> | <b>9.000.000</b> | <b>108.000.000</b> |
|                        | Không chuyên trách được hưởng phụ cấp | 4        | 9.000.000        | 108.000.000        |
| 2                      | <b>Thành viên Ban Kiểm soát</b>       | <b>3</b> | <b>3.500.000</b> | <b>42.000.000</b>  |
|                        | Trưởng ban Kiểm soát                  | 1        | 1.500.000        | 18.000.000         |
|                        | Thành viên Ban Kiểm soát              | 2        | 2.000.000        | 24.000.000         |
| <b>Tổng cộng (VNĐ)</b> |                                       |          | <b>9.500.000</b> | <b>150.000.000</b> |

### 3. HĐQT trân trọng kính trình ĐHĐCĐ xem xét thông qua các vấn đề sau:

- Thông qua báo cáo thù lao của HĐQT và của Ban Kiểm soát năm 2017.

- Thông qua kế hoạch thù lao của HĐQT và của Ban Kiểm soát năm 2018. Giao cho HĐQT và Ban kiểm soát quyết định việc phân phối thù lao cho các thành viên trong HĐQT và Ban Kiểm soát theo đúng quy định của Công ty.

Kính trình ĐHĐCĐ xem xét thông qua./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Quốc Phương**

Số: ..... /PĐV-TTr-ĐHĐCĐ

Tp.HCM, ngày tháng năm 2018

## TỜ TRÌNH

### **V/v: Phê chuẩn việc HĐQT bầu thay thế thành viên HĐQT**

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông  
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu Phương Đông Việt

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 do Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Vận tải Dầu Phương Đông Việt;

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Vận tải Dầu Phương Đông Việt kính trình Đại hội đồng cổ đông về việc phê chuẩn việc HĐQT bầu thay thế thành viên Hội đồng Quản trị của Công ty như sau:

Năm 2017, Hội đồng Quản trị của Công ty (với nhiệm kỳ 2017 – 2020) gồm 05 thành viên (Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2017 phê chuẩn) bao gồm:

1. Ông Nguyễn Quốc Phương – Chủ tịch HĐQT, đại diện phần vốn của Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu Khí.
2. Ông Hoàng Đức Chính – Thành viên HĐQT, đại diện phần vốn của Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu Khí.
3. Ông Lê Anh Nam – Thành viên HĐQT, đại diện phần vốn của Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu Khí.
4. Ông Nguyễn Hoài Phương – Thành viên HĐQT, đại diện phần vốn của Công ty TNHH Tân Long
5. Ông Nguyễn Đức Thắng – Thành viên HĐQT, đại diện nhóm cổ đông Tổng Công ty Dầu Việt Nam (PVOIL)

Tháng 4/2018 ông Lê Anh Nam đã có đơn xin từ nhiệm và HĐQT đã bầu ông Nguyễn Văn Bằng thay thế ông Lê Anh Nam từ tháng 01/2018 (Nghị quyết HĐQT số 04/NQ-HĐQT ngày 23/01/2018).

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Vận tải Dầu Phương Đông Việt kính trình và đề nghị Đại hội thông qua.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**

Dính kèm:

- Lý lịch trích ngang

của ông Nguyễn Văn Bằng;

**Nguyễn Quốc Phương**

## LÝ LỊCH CÁN BỘ TRÍCH NGANG

- Họ và tên: Nguyễn Văn Bằng, Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 30/04/1969
- Quốc tịch: Việt Nam, Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Xã Liên Châu, Huyện Thanh Oai, TP.Hà Nội
- Địa chỉ thường trú: 127 đường số 7, phường An Phú, Quận 2, Tp.Hồ Chí Minh
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh
- Chức vụ hiện nay: Trưởng Ban An Toàn – Pháp chế Tổng Công ty CP Vận tải Dầu khí.
- Quá trình công tác:

| Thời gian            | Đơn vị công tác  | Chức vụ   |
|----------------------|--|---|
| 04/1992 - 09/1996    | Khoa Máy – Điện thuộc Phân hiệu Đại học Hàng Hải tại TP.HCM  | Giảng viên  |
| 09/1996 – 10/2007    | XN khai thác – Liên doanh dầu khí Vietsovpetro   | Sĩ quan Máy   |
| 10/2007 – 07/2008    | Tổng Công ty CP Vận tải Dầu khí Việt Nam – FALCON  | Phó phòng Khoa học Kỹ thuật                                   |
| 07/2008 – 04/2009    | Tổng Công ty CP Vận tải Dầu  | Phó Ban Kỹ thuật – Vật tư                                     |
| 04/2009 – 10/2011    | Tổng Công ty CP Vận tải Dầu khí  | Trưởng Ban Kỹ thuật – Vật tư                                  |
| 10/2011 – 12/2013    | Công ty CP Xăng dầu Sông Châu, Công ty CP Vận tải Hàng Hải Quốc Việt, Công ty CP Hàng Hải Toàn Cầu | Trưởng phòng Kỹ thuật, Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc điều hành: |
| 01/2014 – 03/2014    | Công ty CP Đóng mới và Sửa chữa Tàu Dầu khí Nhơn Trạch   | Phụ trách phòng Thương mại,                                   |
| 03/2014 – 06/2014    | Công ty CP Đóng mới và Sửa chữa Tàu Dầu khí Nhơn Trạch   | Phó Giám đốc phụ trách Thương mại                             |
| 06/2014 – 10/2014    | Công ty CP Đóng mới và Sửa chữa Tàu Dầu khí Nhơn Trạch   | Thành viên HĐQT, Phó Giám đốc                                 |
| 11/2014 – 31-10-2016 | Công ty CP Đóng mới và Sửa chữa Tàu Dầu khí Nhơn Trạch   | Thành viên HĐQT, Giám đốc                                     |
| 01/2017-12/4/2017    | Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí   | Phó Ban Kế hoạch Đầu tư,                                      |
| 20/4/2017-Nay        | Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí   | Trưởng Ban An Toàn- Pháp Chế,                                 |



**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Tp.HCM, ngày 10 tháng 4 năm 2018*

**ĐƠN XIN TỪ NHIỆM THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Kính gửi: - Đại hội đồng Cổ đông Công ty CP Vận tải Dầu Phương Đông Việt.  
- Hội đồng Quản trị Công ty CP Vận tải Dầu Phương Đông Việt.

Tên tôi là: Lê Anh Nam.

Sinh ngày: 28/11/1976.

Trong kỳ họp Đại hội đồng Cổ đông Thường niên năm 2016, tôi đã được Đại hội bầu giữ chức vụ: Thành viên Hội đồng Quản Trị Công ty Cổ phần Vận tải Dầu Phương Đông Việt nhiệm kỳ 2017 – 2022.

Hiện nay vì lý do công công tác tôi không thể tiếp tục đảm nhiệm chức danh Thành viên Hội Đồng Quản Trị tại Công ty Cổ phần Vận tải Dầu Phương Đông Việt .

Nay tôi làm đơn này, kính trình Đại hội đồng Cổ đông/Hội đồng Quản trị Công ty xem xét, chấp thuận cho tôi được từ nhiệm chức danh Thành viên Hội đồng Quản Trị tại Công ty Cổ phần Vận tải Dầu Phương Đông Việt kể từ ngày tổ chức Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2018 trong tháng 4/2018.

Tôi xin trân trọng cảm ơn.

**Người làm đơn**



**Lê Anh Nam**

Số: ...../TTTr-PDV-ĐHĐCĐ

Tp.HCM, ngày \_\_\_ tháng \_\_\_ năm 2018

## TỜ TRÌNH

### Về việc : phương án phân phối lợi nhuận năm 2017

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông  
Công ty Cổ phần Vận Tải Dầu Phương Đông Việt

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014.
- Căn cứ Điều lệ Tổ chức & hoạt động Công ty Cổ phần Vận Tải Dầu Phương Đông Việt.
- Căn cứ vào Báo cáo tài chính năm 2017 đã được kiểm toán.

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Vận Tải Dầu Phương Đông Việt kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2017 như sau :

*Đơn vị tính : VNĐ*

| Stt        | Nội dung  | Số tiền                 |
|------------|---|-------------------------|
| <b>I</b>   | <b>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2017 theo BCTC đã được kiểm toán :</b> | <b>80,788,185</b>       |
| 1          | <i>Lãi lũy kế năm trước chuyển sang</i>   | <i>(14,901,096,684)</i> |
| 2          | <i>Lợi nhuận thực hiện năm 2017</i>   | <i>14,981,884,869</i>   |
| <b>II</b>  | <b>Lợi nhuận sau thuế năm 2017 được phân phối :</b>                             | <b>0</b>                |
| 1          | <i>Quỹ khen thưởng, phúc lợi (5% x I.2)</i>                                     | <i>0</i>                |
| 2          | <i>Quỹ khen thưởng Ban điều hành</i>  | <i>0</i>                |
| <b>III</b> | <b>Lãi lũy kế chuyển sang năm sau:</b>  | <b>80,788,185</b>       |

Kính trình Đại hội xem xét thông qua./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Quốc Phương**

Số: ...../PĐV-TTr-DHĐCĐ

Tp.HCM, ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm 2018

## TỜ TRÌNH

V/v: Phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ Công ty từ 266 tỷ lên 376 tỷ

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông  
Công ty Cổ phần Vận Tải Dầu Phương Đông Việt

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp năm 2014;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29/6/2006 và Luật sửa đổi;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Vận tải Dầu Phương Đông Việt

### 1. Sự cần thiết phải tăng vốn điều lệ:

Theo kế hoạch 5 năm giai đoạn 2016-2020 của Công ty Cổ phần Vận tải Dầu Phương Đông Việt đã được Đại hội Đồng Cổ Đông thông qua theo NQ số 85/PĐV-NQ-DHĐCĐ ngày 22/12/2017 với mục tiêu:

- Xây dựng và phát triển Công ty năng động, hiệu quả, có sức cạnh tranh cao trên thị trường. Khẳng định là đối tác vận tải chuyên nghiệp, tin cậy đối với khách hàng trong và ngoài nước.
- Tập trung phát triển hoạt động dịch vụ cốt lõi là vận tải dầu sản phẩm trên cơ sở đầu tư phát triển thêm đội tàu, nâng cao năng lực vận tải, mở rộng qui mô hoạt động kinh doanh, xây dựng thương hiệu có uy tín trên thị trường vận tải;
- Huy động, sử dụng tối ưu mọi nguồn lực để phát triển bền vững, bảo toàn và phát triển nguồn vốn, tập trung vào lĩnh vực kinh doanh chính;
- Tìm kiếm các cổ đông chiến lược, đa dạng hóa các hình thức huy động vốn nhằm đảm bảo vốn cho đầu tư phát triển đội tàu Công ty. Bảo đảm hài hòa giữa lợi ích kinh tế của các cổ đông; Chủ động hội nhập và mở rộng thị trường vận tải biển trong khu vực và thế giới.

Trên cơ sở đó để triển khai thực hiện thành công các mục tiêu nêu trên, Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Vận tải Dầu Phương Đông Việt kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua Phương án phát hành thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ và thực hiện đầu tư mua thêm 01 tàu vận tải sản phẩm dầu/hóa chất có trọng tải 13.000 DWT như trong kế hoạch 05 năm 2016-2020 mà Đại hội Đồng Cổ Đông thông qua. Cụ thể phương án phát hành như sau:

### 2. Phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ:

- Vốn điều lệ dự kiến trước khi phát hành: 266.000.000.000 đồng
- Số cổ phiếu lưu hành trước khi phát hành: 26.600.000 cổ phiếu
- Loại chứng khoán chào bán: Cổ phiếu phổ thông
- Số lượng cổ phiếu phát hành thêm: 11.000.000 cổ phiếu
- Thời gian phát hành dự kiến: Năm 2018, sau khi có văn bản chấp thuận của Ủy ban chứng khoán;

- Vốn điều lệ sau khi phát hành: 376.000.000.000 đồng
- Số lượng cổ phiếu lưu hành sau phát hành: 37.600.000 cổ phiếu

### **3. Phát hành cổ phiếu phổ thông cho cổ đông hiện hữu**

- Số lượng cổ phiếu phát hành: 11.00.000 (Mười một triệu ) cổ phiếu;
- Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông.
- Giá phát hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.
- Giá trị phát hành theo mệnh giá: 110.000.000.000 (Một trăm mười tỷ) đồng;
- Số tiền thu được: 110.000.000.000 (Một trăm mười tỷ) đồng
- Tỷ lệ thực hiện quyền: Tỷ lệ thực hiện quyền mua 100:41 (Tại ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền, cổ đông sở hữu 01 cổ phần sẽ được hưởng 01 quyền mua, cổ đông sở hữu 100 quyền mua sẽ được mua 41 cổ phiếu mới phát hành thêm theo nguyên tắc làm tròn xuống đến hàng đơn vị).

### **4. Thông qua việc ủy quyền:**

Đại hội đồng cổ đông thông qua phương án phát hành cổ phiếu để tăng vốn và ủy quyền cho Hội đồng quản trị và người đại diện pháp luật quyết định tất cả vấn đề liên quan đến đợt phát hành, cụ thể:

- Chủ động xây dựng và giải trình hồ sơ xin phép phát hành chứng khoán gửi cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và các cơ quan chức năng khác. Đồng thời, chủ động điều chỉnh phương án phát hành và các hồ sơ khác có liên quan theo yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và các cơ quan chức năng khác.
- Lựa chọn thời điểm thích hợp để chốt ngày thực hiện quyền và thời điểm triển khai việc thực hiện phát hành.
- Thực hiện các thủ tục cần thiết để triển khai Phương án chào bán đã được duyệt, bao gồm cả việc bổ sung, chỉnh sửa, hoàn chỉnh, lựa chọn thời điểm phân phối cổ phiếu nhằm đảm bảo việc chào bán được thực hiện một cách hợp pháp và đúng quy định.
- Thực hiện việc xử lý cổ phiếu mà cổ đông hiện hữu từ bỏ quyền mua; xử lý cổ phiếu lẻ do làm tròn; thực hiện các biện pháp xử lý trong trường hợp không chào bán hết số cổ phiếu đăng ký phát hành; quyết định và phê duyệt danh sách các nhà đầu tư được quyền mua số cổ phiếu mà cổ đông hiện hữu từ chối mua và cổ phiếu lẻ do làm tròn.
- Chủ động xây dựng và điều chỉnh phương án sử dụng vốn chi tiết cho từng dự án; chủ động điều chỉnh việc phân bổ, sử dụng nguồn vốn huy động được cho phù hợp với tình hình thực tế, lợi ích của Công ty và báo cáo ĐHCĐ gần nhất về các nội dung điều chỉnh này (nếu có).
- Thực hiện các thủ tục thay đổi đăng ký kinh doanh với Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp. Hồ Chí Minh sau khi hoàn tất đợt phát hành.
- Sửa đổi các điều liên quan đến vốn điều lệ, cổ phiếu trong Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty sau khi hoàn tất đợt phát hành cổ phiếu.
- Căn cứ tình hình thực tế của Công ty, Hội Đồng quản trị trình Đại hội cổ đông ủy quyền cho HĐQT chỉnh sửa, thay đổi, chỉnh sửa các nội dung trong Tờ trình phù hợp với hoạt động, lợi ích của Công ty và báo cáo ĐHCĐ gần nhất về các nội dung điều chỉnh này (nếu có).
- Thực hiện các công việc khác có liên quan.
- Sau khi hoàn tất đợt phát hành, Đại hội đồng cổ đông thông qua và ủy quyền cho Hội đồng quản trị hoàn tất thủ tục đăng ký, lưu ký bổ sung toàn bộ số cổ phần phát hành thêm tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD) và đăng ký thay



đổi niêm yết toàn bộ số cổ phiếu này tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX).

- Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua, ủy quyền cho Hội đồng quản trị chủ động triển khai thực hiện các công việc liên quan đến việc phát hành cổ phần phù hợp với các quy định của pháp luật, điều lệ Công ty nhằm đảm bảo quyền lợi của Cổ đông, lợi ích Công ty.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội cổ đông thông qua phương án tăng vốn điều lệ từ 266 – 376 tỷ và ủy quyền cho Hội đồng quản trị các nội dung như trên.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua!

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Quốc Phương**

# PHƯƠNG ÁN PHÁT HÀNH THÊM CỔ PHIẾU TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ

(Đính kèm tờ trình số ...../PĐV-TTr-DHĐCD ngày ...../...../2018)

## 1. Căn cứ pháp lý cho việc phát hành cổ phiếu.

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29/06/2006 và các văn bản hướng dẫn;
- Căn cứ Luật Chứng khoán sửa đổi, bổ sung số 62/2010/QH ngày 24/11/2010 và các văn bản hướng dẫn;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Vận tải Dầu Phương Đông Việt;
- Căn cứ vào kế hoạch 5 năm giai đoạn 2016-2020 của Công ty Cổ phần Vận tải Dầu Phương Đông Việt đã được Đại hội Đồng Cổ Đông thông qua theo NQ số 85/PĐV-NQ-DHĐCD ngày 22/12/2017.

## 2. Phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ:

### 2.1 Phương án phát hành:

- Vốn điều lệ dự kiến trước khi phát hành: 266.000.000.000đồng
- Số cổ phiếu dự kiến lưu hành trước khi phát hành: 26.600.000 cổ phiếu
- Loại chứng khoán chào bán: Cổ phiếu phổ thông
- Số lượng cổ phiếu phát hành thêm: 11.000.000 cổ phiếu
- Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng/cổ phiếu
- Giá trị cổ phiếu phát hành thêm theo mệnh giá: 110.000.000.000 đồng
- Số tiền thu được dự kiến từ đợt phát hành: 110.000.000.000 đồng
- Thời gian phát hành dự kiến: Năm 2018, sau khi có văn bản chấp thuận của Ủy ban chứng khoán ;
- Vốn điều lệ sau khi phát hành: 376.000.000.000 đồng
- Số lượng cổ phiếu lưu hành sau phát hành: 37.600.000 cổ phiếu

### 2.2 Phát hành cổ phiếu phổ thông cho cổ đông hiện hữu:

- Số lượng cổ phiếu phát hành: 11.000.000 (Mười một triệu ) cổ phiếu;
- Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông
- Giá phát hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.
- Giá trị phát hành theo mệnh giá: 110.000.000.000 (Một trăm mười tỷ) đồng;
- Số tiền thu được: 110.000.000.000 (Một trăm mười tỷ) đồng;
- Tỷ lệ thực hiện quyền: Tỷ lệ thực hiện quyền mua 100:41 (Tại ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền, cổ đông sở hữu 01 cổ phần sẽ được hưởng 01 quyền mua, cổ đông sở hữu 100 quyền mua sẽ được mua 41 cổ phiếu mới phát hành thêm theo nguyên tắc làm tròn xuống đến hàng đơn vị).

*Ví dụ: Vào ngày chốt danh sách, Cổ đông Nguyễn Văn A sở hữu 654 cổ phiếu, sẽ được hưởng 654 quyền mua. Khi đó, số cổ phiếu phát hành thêm cổ đông A được mua như sau:  $(654 \times 41)/100 = 268,14$  CP. Sau khi làm tròn xuống đến hàng đơn vị, số cổ phiếu mà Cổ đông A được quyền mua là 268 cổ phiếu.*

- Đối tượng phát hành: Tất cả các cổ đông sở hữu cổ phiếu của PV Trans Oil có tên trong Danh sách tổng hợp phân bổ quyền do Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam lập tại ngày đăng ký cuối cùng.
- Nguyên tắc phân phối:
  - Số lượng cổ phiếu phát hành được làm tròn xuống đến hàng đơn vị;
  - Quyền mua được phép chuyển nhượng: Quyền mua cổ phiếu được chuyển nhượng theo nguyên tắc là người sở hữu quyền mua có thể chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu của mình cho người khác, người nhận chuyển nhượng quyền mua sẽ không được chuyển nhượng cho người thứ ba (Ví dụ: cổ đông A có quyền mua 1.000 cổ phiếu, cổ đông A có thể chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu cho nhà đầu tư B quyền mua 400 cổ phiếu và nhà đầu tư C quyền mua 200 cổ phiếu. Nhà đầu tư B và nhà đầu tư C không được phép chuyển nhượng tiếp quyền mua cổ phiếu từ cổ đông A cho bất kỳ người nào).
  - ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT quyết định phân phối, chào bán cho các cổ đông khác phần cổ phiếu dôi dư phát sinh với nguyên tắc giá chào bán không thấp hơn giá chào bán cho cổ đông hiện hữu. Cổ phiếu dôi dư phát sinh bao gồm:
    - ✓ Số cổ phiếu dôi dư phát sinh do tính toán để đạt tỷ lệ phân phối cho cổ đông hiện hữu là 100 : 41 (số cổ phiếu lẻ phát sinh do được làm tròn xuống hàng đơn vị khi tính toán cho từng cổ đông).
    - ✓ Số cổ phiếu được ưu tiên chào bán cho cổ đông hiện hữu nhưng cổ đông từ chối mua. Số cổ phiếu chào bán nêu trên bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 01 năm kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán
- Dự kiến thời gian đăng ký mua và nộp tiền: Các cổ đông hiện hữu thực hiện góp vốn theo thông báo góp vốn của Hội đồng quản trị sau khi được UBCKNN chấp thuận việc chào bán. *(Tối đa trong vòng 90 ngày kể từ ngày được UBCKNN chấp thuận việc chào bán cổ phiếu).*
- Thủ tục đăng ký, chuyển nhượng và thực hiện quyền mua cổ phiếu:
  - Trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày quyền mua có hiệu lực, cổ đông có tên trong Danh sách tổng hợp phân bổ quyền do Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam lập tại ngày đăng ký cuối cùng sẽ được đăng ký thực hiện quyền mua cổ phiếu mới chào bán theo tỷ lệ được mua theo quy định.
  - Các cổ đông mở tài khoản và lưu ký cổ phiếu ở thành viên lưu ký nào sẽ đăng ký thực hiện quyền tại thành viên lưu ký đó. Cổ đông chưa thực hiện lưu ký sẽ đăng ký thực hiện quyền tại PVTrans Oil (hoặc đơn vị được Công ty ủy quyền thực hiện phân phối chứng khoán).

### 2.3 Căn cứ xác định giá chào bán

- Giá chào bán được tính toán dựa trên giá trị sổ sách, giá thị trường (có đánh giá mức độ pha loãng cổ phần dự kiến sau khi phát hành):
- Giá trị sổ sách tại thời điểm 31/03/2018:

| Stt | Khoản mục   | Giá trị ước tính |
|-----|---|------------------|
| 1   | Vốn chủ sở hữu                                    | 204.180 tỷ đồng  |
| 3   | Số cổ phần đang lưu hành tại thời điểm 31/03/2018 | 20.000.000 cp    |
| 4   | Giá trị sổ sách 1 cổ phần (đồng/cổ phần)          | 10.209           |

- Giá thị trường: bình quân giá đóng cửa cổ phiếu PDV trong 60 phiên gần nhất (tính đến ngày 31/03/2018) là 4.928 đồng/cổ phiếu
- Căn cứ vào chiến lược phát triển và nhu cầu vốn của Công ty, đồng thời để đảm bảo quyền lợi cho các cổ đông, HĐQT đề xuất mức giá phát hành cho cổ đông hiện hữu là 10.000 đồng/cổ phần để xin ý kiến ĐHCĐ thông qua.

### 2.4 Mức độ pha loãng thu nhập cơ bản trên cổ phiếu và pha loãng giá do ảnh hưởng của việc phát hành thêm cổ phiếu

- Công ty thực hiện phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ từ 266.000.000.000 đồng lên 376.000.000.000 đồng. Trong trường hợp chào bán thành công thì số cổ phiếu đang lưu hành của Công ty sẽ là 37.600.000 cổ phiếu. Sau khi lượng cổ phiếu mới phát hành được chính thức lưu hành, các cổ đông nên lưu ý vấn đề sau:

#### - Thay đổi về Thu nhập cơ bản trên mỗi cổ phiếu (EPS)

Do có sự thay đổi về Vốn chủ sở hữu và tốc độ tăng trưởng Lợi nhuận nên sẽ có ảnh hưởng đến chỉ số EPS của Công ty

$$\frac{\text{Lợi nhuận sau thuế - Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi}}{\text{Số lượng cổ phiếu đang lưu hành bình quân trong kỳ}} = \text{EPS}$$

EPS dự kiến của năm 2018 trong trường hợp không phát hành thêm cổ phần:

$$\frac{45.000.000.000^1 - 0}{26.600.000^2} = 1.691 \text{ đ}$$

EPS dự kiến của năm 2018 khi 11.000.000 cổ phiếu chính thức được phân phối:

$$\frac{45.000.000.000^1 - 0}{26.600.000 + 11.000.000^3} = 1.196 \text{ đ}$$



<sup>1</sup> Lợi nhuận sau thuế dự kiến năm 2018 của Công ty đã được ĐHCĐ thông qua.

<sup>2</sup> Số lượng cổ phiếu lưu hành bình quân trong khoảng thời gian từ 01/01/2018 đến 31/12/2018 trước khi tăng vốn

<sup>3</sup> Số lượng cổ phiếu lưu hành bình quân trong khoảng thời gian từ 01/01/2018 đến 31/12/2018 sau khi tăng vốn

Như vậy, thu nhập trên mỗi cổ phiếu PVTrans Oil sau khi Công ty phát hành cổ phần tăng vốn điều lệ giảm 495 đồng so với khi Công ty không phát hành thêm cổ phần.

#### - Thay đổi về giá cổ phiếu của Công ty sau khi chào bán

Khối lượng cổ phiếu tăng lên và giá cổ phiếu sẽ bị điều chỉnh kỹ thuật trên thị trường tại ngày không hưởng quyền mua cổ phiếu. Giá cổ phiếu PVTrans Oil sau khi pha loãng:

$$\frac{PR_{t-1} + (I_1 \times Pr_1) + (I_2 \times Pr_2) - TTH_{cp}}{1 + I_1 + I_2}$$

Trong đó:

- PR<sub>t-1</sub> : Giá chứng khoán trước khi thực hiện quyền mua cổ phần.
- I<sub>1</sub>: Tỷ lệ vốn tăng do phát hành quyền mua cổ phần
- I<sub>2</sub>: Tỷ lệ vốn tăng do phát hành thưởng bằng cổ phiếu
- Pr<sub>1</sub>: Giá cổ phiếu bán cho người có quyền mua cổ phiếu
- Pr<sub>2</sub>: Giá cổ phiếu tính cho người được thưởng bằng cổ phiếu
- TTH<sub>cp</sub>: Giá trị tiền thưởng bằng cổ phiếu

Ví dụ: Giá thị trường của cổ phiếu PVTrans Oil trước ngày giao dịch không hưởng quyền là 5.600 đồng/cổ phiếu. Giá phát hành cho cổ đông hiện hữu là 10.000 đồng/cổ phiếu thì Giá cổ phiếu PV Trans Oil sau khi pha loãng là:

$$\frac{5.600 + (41/100 \times 10.000)}{1 + 41/100} = 6.879$$

Như vậy: Giá tham chiếu của cổ phần PVTrans Oil trong ngày giao dịch không hưởng quyền mua tăng 1.279 đồng so với giá đóng cửa phiên giao dịch trước đó.

#### 2.5 Mục đích sử dụng vốn của đợt phát hành:

- Số tiền của đợt phát hành sẽ được dùng để: Mua thêm tài phục vụ hoạt động kinh doanh của Công ty và bổ sung thêm nguồn vốn lưu động.

- Số tiền thu được dự kiến từ đợt chào bán cổ phiếu:

| Cổ đông          | Số lượng cổ phiếu chào bán (cp) | Giá chào bán dự kiến (VND) | Số tiền thu được (VND) |              |                                   |
|------------------|---------------------------------|----------------------------|------------------------|--------------|-----------------------------------|
|                  |                                 |                            | Tăng vốn điều lệ       | Thặng dư vốn | Số tiền thu được từ đợt phát hành |
| Cổ đông hiện hữu | 11.000.000                      | 10.000                     | 110.000.000.000        | 0            | 110.000.000.000                   |
| <b>Tổng cộng</b> | <b>11.000.000</b>               |                            | <b>110.000.000.000</b> | <b>0</b>     | <b>110.000.000.000</b>            |

- Kế hoạch sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành:

| Nhu cầu sử dụng vốn              | Số tiền (VND)                                 | Thời điểm giải ngân    | Nguồn vốn tài trợ                                | Số tiền (VND)      |
|----------------------------------|---|------------------------|--|--------------------|
| I. Đầu tư vào mua tàu 13.000 DWT | 11.74 triệu USD ~ 270y. tỷ đồng (bao gồm VAT) | Dự kiến trong năm 2018 | 1. Nguồn vốn tự có (từ nguồn vốn chủ sở hữu)     | 33 tỷ đồng         |
|                                  |   |                        | 2. Nguồn vốn thu được từ phát hành thêm cổ phiếu | 76 tỷ đồng         |
|                                  |   |                        | 3. Nguồn vốn vay                                 | 161 tỷ đồng        |
|                                  |   |                        | <b>Cộng</b>                                      | <b>270 tỷ đồng</b> |
| II. Bổ sung vốn lưu động         | 34 tỷ đồng                                    | Năm 2018               | Nguồn vốn thu được từ phát hành thêm cổ phiếu    | 34 tỷ đồng         |
| <b>Tổng cộng</b>                 |   |                        |  | <b>304 tỷ đồng</b> |

## 2.6 Tỷ lệ chào bán thành công dự kiến và phương án xử lý trong trường hợp chào bán không thu đủ số tiền tối thiểu như dự kiến

- Tỷ lệ chào bán thành công dự kiến: 100%

- PVTrans Oil sẽ thực hiện tăng vốn điều lệ theo đúng số tiền thực tế huy động được. Trong trường hợp kết thúc thời gian chào bán theo quy định, Công ty không chào bán hết số cổ phiếu như đăng ký, số tiền thu được từ đợt phát hành không đủ theo đúng dự kiến, để thực hiện những dự án đã được đại hội đồng cổ đông thông qua, tùy tình hình thực tế, ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT thực hiện các giải pháp như sau:

- Xin gia hạn đợt chào bán để tiếp tục chào bán nốt số cổ phiếu còn lại;
- Tiến hành bổ sung nguồn vốn còn thiếu thông qua vay ngân hàng theo các Hợp đồng tín dụng.

### 3. THÔNG QUA VIỆC ỦY QUYỀN:

Đại hội đồng cổ đông thông qua phương án phát hành cổ phiếu để tăng vốn và ủy quyền cho Hội đồng quản trị và người đại diện pháp luật quyết định tất cả vấn đề liên quan đến đợt phát hành, cụ thể:

- Chủ động xây dựng và giải trình hồ sơ xin phép phát hành chứng khoán gửi cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và các cơ quan chức năng khác. Đồng thời, chủ động điều chỉnh phương án phát hành và các hồ sơ khác có liên quan theo yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và các cơ quan chức năng khác.
- Lựa chọn thời điểm thích hợp để chốt ngày thực hiện quyền và thời điểm triển khai việc thực hiện phát hành.
- Thực hiện các thủ tục cần thiết để triển khai Phương án chào bán đã được duyệt, bao gồm cả việc bổ sung, chỉnh sửa, hoàn chỉnh, lựa chọn thời điểm phân phối cổ phiếu nhằm đảm bảo việc chào bán được thực hiện một cách hợp pháp và đúng quy định.
- Thực hiện việc xử lý cổ phiếu mà cổ đông hiện hữu từ bỏ quyền mua; xử lý cổ phiếu lẻ do làm tròn; thực hiện các biện pháp xử lý trong trường hợp không chào bán hết số cổ phiếu đăng ký phát hành; quyết định và phê duyệt danh sách các nhà đầu tư được quyền mua số cổ phiếu mà cổ đông hiện hữu từ chối mua và cổ phiếu lẻ do làm tròn.
- Chủ động xây dựng và điều chỉnh phương án sử dụng vốn chi tiết cho từng dự án; chủ động điều chỉnh việc phân bổ, sử dụng nguồn vốn huy động được cho phù hợp với tình hình thực tế, lợi ích của Công ty và báo cáo ĐHCĐ gần nhất về các nội dung điều chỉnh này (nếu có).
- Thực hiện các thủ tục thay đổi đăng ký kinh doanh với Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp. Hồ Chí Minh sau khi hoàn tất đợt phát hành.
- Sửa đổi các điều liên quan đến vốn điều lệ, cổ phiếu trong Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty sau khi hoàn tất đợt phát hành cổ phiếu.
- Căn cứ tình hình thực tế của Công ty, Hội Đồng quản trị trình Đại hội cổ đông ủy quyền cho HĐQT chỉnh sửa, thay đổi, chỉnh sửa các nội dung trong Tờ trình phù hợp với hoạt động, lợi ích của Công ty và báo cáo ĐHCĐ gần nhất về các nội dung điều chỉnh này (nếu có).
- Thực hiện các công việc khác có liên quan.
- Sau khi hoàn tất đợt phát hành, Đại hội đồng cổ đông thông qua và ủy quyền cho Hội đồng quản trị hoàn tất thủ tục đăng ký, lưu ký bổ sung toàn bộ số cổ phần phát hành thêm tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD) và đăng ký thay đổi niêm yết toàn bộ số cổ phiếu này tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX).
- Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua, ủy quyền cho Hội đồng quản trị chủ động triển khai thực hiện các công việc liên quan đến việc phát hành cổ phần phù hợp với các quy định của pháp luật, điều lệ Công ty nhằm đảm bảo quyền lợi của Cổ đông, lợi ích Công ty.

TỔNG CÔNG TY CP VẬN TẢI DẦU KHÍ  
CÔNG TY CP VẬN TẢI DẦU  
PHƯƠNG ĐÔNG VIỆT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /TTr-PĐV-ĐHĐCĐ

TP. Hồ Chí Minh, ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm 2018

## TỜ TRÌNH

V/v: Sửa đổi Điều lệ công ty CP Vận tải Dầu Phương Đông Việt

Kính trình: **ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29/06/2006 và Sửa đổi bổ sung một số điều Luật Chứng khoán số 62/2010/QH12 ngày 24/11/2010.
- Căn cứ Nghị định số 71/2016/NĐ-CP ngày 06/06/2016 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị Công ty đại chúng.
- Căn cứ Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22/09/2017 về việc hướng dẫn một số điều Nghị định 71/2016/NĐ-CP của Chính phủ về quản trị Công ty đại chúng.
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Vận tải Dầu Phương Đông Việt;

Thực hiện việc sửa đổi Điều lệ Công ty Cổ phần Vận tải Dầu Phương Đông Việt theo các quy định của Nghị định số 71/2016/NĐ-CP ngày 06/06/2016 và Thông tư 95/2017/TT-BTC ngày 22/9/2017, Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Vận tải Dầu Phương Đông Việt kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 xem xét và thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty Cổ phần Vận tải Dầu Phương Đông Việt theo nội dung như dự thảo đính kèm.

Kính trình Đại hội./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Quốc Phương**

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU  
PHƯƠNG ĐÔNG VIỆT  
(PVTRANS OIL)**

**ĐIỀU LỆ**

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU  
PHƯƠNG ĐÔNG VIỆT**

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày .... tháng ..... năm 2018*



**MỤC LỤC**

|   |    |
|---|----|
| PHẦN MỞ ĐẦU.....  | 4  |
| I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ.....  | 4  |
| Điều 1. Giải thích thuật ngữ.....   | 4  |
| II. TÊN, NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY.....     | 4  |
| Điều 2. Tên, người đại diện theo pháp luật, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty..... | 4  |
| III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY.....   | 5  |
| Điều 3. Mục tiêu hoạt động của công ty.....   | 5  |
| Điều 4. Phạm vi kinh doanh và hoạt động.....  | 6  |
| IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN.....   | 7  |
| Điều 5. Vốn điều lệ, cổ phần.....   | 7  |
| Điều 6. Chứng nhận cổ phiếu.....  | 7  |
| Điều 7. Chứng chỉ chứng khoán khác.....   | 7  |
| Điều 8. Chuyển nhượng cổ phần.....  | 7  |
| V. CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN LÝ CỦA CÔNG TY.....  | 8  |
| Điều 9. Cơ cấu tổ chức quản lý của công ty.....   | 8  |
| VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG.....  | 8  |
| Điều 10. Quyền của cổ đông.....   | 8  |
| Điều 11. Nghĩa vụ của cổ đông.....  | 9  |
| Điều 12. Đại hội đồng cổ đông.....  | 9  |
| Điều 13. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông.....  | 10 |
| Điều 14. Đại diện theo ủy quyền.....  | 11 |
| Điều 15. Thay đổi các quyền.....  | 12 |
| Điều 16. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông.....   | 12 |
| Điều 17. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông.....  | 13 |
| Điều 18. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.....  | 14 |
| Điều 19. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông.....   | 15 |
| Điều 20. Thâm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông.....               | 16 |
| Điều 21. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.....   | 17 |
| Điều 22. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông.....  | 18 |
| VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....   | 18 |
| Điều 23. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng Quản trị.....  | 18 |
| Điều 24. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị.....   | 19 |
| Điều 25. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị.....   | 20 |
| Điều 26. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị.....  | 21 |
| Điều 27. Chủ tịch Hội đồng Quản trị.....  | 22 |
| Điều 28. Cuộc họp của Hội đồng Quản trị.....  | 22 |
| Điều 29. Các tiểu ban thuộc Hội đồng Quản trị.....  | 24 |
| Điều 30. Người phụ trách quản trị công ty.....  | 24 |
| VIII. GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH CÔNG TY.....  | 25 |
| Điều 31. Tổ chức bộ máy quản lý.....  | 25 |
| Điều 32. Người điều hành công ty.....   | 25 |
| Điều 33. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc.....  | 25 |
| IX. BAN KIỂM SOÁT.....  | 26 |
| Điều 34. Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên.....  | 26 |
| Điều 35. Kiểm soát viên.....  | 26 |
| Điều 36. Ban Kiểm soát.....   | 27 |
| X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN,  |    |

## ***Điều lệ Công ty cổ phần Vận tải Dầu Phương Đông Việt***

---

|  |    |
|--|----|
| TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH CÔNG TY .....                                       | 28 |
| Điều 37. Trách nhiệm cẩn trọng .....   | 28 |
| Điều 38. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi.....              | 28 |
| Điều 39. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường .....                                | 29 |
| XI. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY .....                                    | 30 |
| Điều 40. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ .....                                       | 30 |
| XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN .....   | 30 |
| Điều 41. Công nhân viên và công đoàn .....   | 30 |
| XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN .....  | 30 |
| Điều 42. Phân phối lợi nhuận.....  | 30 |
| XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ<br>TOÁN .....     | 31 |
| Điều 43. Tài khoản ngân hàng .....   | 31 |
| Điều 44. Năm tài chính .....   | 31 |
| Điều 45. Chế độ kế toán.....   | 31 |
| XV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ<br>THÔNG TIN ..... | 31 |
| Điều 46. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý .....                               | 31 |
| Điều 47. Báo cáo thường niên .....   | 32 |
| XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY .....   | 32 |
| Điều 48. Kiểm toán .....   | 32 |
| XVII. CON DẤU .....  | 32 |
| Điều 49. Con dấu .....   | 32 |
| XVIII. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ .....  | 32 |
| Điều 50. Chấm dứt hoạt động .....  | 32 |
| Điều 51. Thanh lý .....  | 33 |
| XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ .....  | 33 |
| Điều 52. Giải quyết tranh chấp nội bộ .....  | 33 |
| XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ .....   | 33 |
| Điều 53. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ .....  | 33 |
| XXI. NGÀY HIỆU LỰC .....   | 34 |
| Điều 54. Ngày hiệu lực .....   | 34 |

## **PHẦN MỞ ĐẦU**

Điều lệ này được thông qua theo quyết định hợp lệ của Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Vận tải Dầu Phương Đông Việt tổ chức chính thức vào ngày .... tháng .... năm 2018.

### **I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ**

#### **Điều 1. Giải thích thuật ngữ**

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:
  - a. "Vốn điều lệ" là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán và quy định tại Điều 5 Điều lệ này;
  - b. "Luật Doanh nghiệp" là Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014 và các văn bản sửa đổi bổ sung (nếu có);
  - c. "Luật chứng khoán" là luật chứng khoán ngày 29 tháng 6 năm 2006 và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có)
  - d. "Ngày thành lập" là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) lần đầu;
  - e. "Người điều hành Công ty" là Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và người quản lý khác theo quy định của Điều lệ Công ty;
  - f. "Người quản lý khác" là người được Hội đồng Quản trị Công ty bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo các quy định tại các quy chế quản lý nội bộ của công ty;
  - g. "Người có liên quan" là cá nhân, tổ chức được quy định tại Khoản 17 Điều 4 Luật Doanh nghiệp và Khoản 34 Điều 6 Luật Chứng khoán;
  - h. "Cổ đông lớn" là cổ đông sở hữu trực tiếp hoặc gián tiếp từ năm phần trăm (5%) trở lên số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty
  - i. Cổ đông của Công ty là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của công ty;
  - j. "Thời hạn hoạt động" là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này;
  - k. "Việt Nam" là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
2. Điều lệ này có tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế.
3. Các tiêu đề (chương, điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

### **II. TÊN, NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

**Điều 2. Tên, người đại diện theo pháp luật, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty**

1. Tên Công ty
  - Tên tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU PHƯƠNG ĐÔNG VIỆT
  - Tên tiếng Anh: PHUONG DONG VIET TRANSPORTATION OIL JOINT STOCK COMPANY
  - Tên giao dịch: PHUONG DONG VIET TRANSPORTATION OIL JOINT STOCK COMPANY
  - Tên viết tắt: PV TRANS OIL

2. Công ty là Công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

3. Trụ sở đăng ký của Công ty là:

- Địa chỉ: Lầu 8, Số 45 Võ Thị Sáu, Phường Đakao, Quận 1, TP.Hồ Chí Minh
- Điện thoại: (84-8) 6291 1281 ; Fax: (84-8) 6291 1280
- Email: info@pvoilshipping.vn ; Website: [www.pvoilshipping.vn](http://www.pvoilshipping.vn)

4. Công ty có một người đại diện theo pháp luật là Giám đốc.

5. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng Quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.

6. Trừ trường hợp giải thể công ty theo Khoản 2 Điều 50 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty bắt đầu từ ngày thành lập và là vô thời hạn.

### III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

#### Điều 3. Mục tiêu hoạt động của công ty

1. Ngành, nghề kinh doanh của công ty là:

| Stt | Tên ngành  | Mã ngành |
|-----|--|----------|
| 01  | Sản xuất khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Sản xuất vật liệu bảo ôn cách nhiệt , chế tạo các thiết bị nhiệt   | 3290     |
| 02  | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Bán buôn vật liệu bảo ôn cách nhiệt   | 4669     |
| 03  | Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét  | 0810     |
| 04  | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác dầu thô và khí tự nhiên   | 0910     |
| 05  | Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương<br>Chi tiết: Kinh doanh vận tải biển   | 5012     |
| 06  | Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa<br>Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hoá đường thủy nội địa  | 5022     |
| 07  | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy<br>Chi tiết: Dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy nội địa   | 5222     |
| 08  | Bốc xếp hàng hóa<br>Chi tiết: bốc xếp hàng hóa đường bộ, cảng sông, cảng biển  | 5224     |
| 09  | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải<br>Chi tiết: Dịch vụ cung ứng tàu biển. Đại lý hàng hải  | 5229     |
| 10  | Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan<br>Chi tiết: Kinh doanh xăng dầu; nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm có liên quan (trừ gas). Bán buôn dầu khí hóa lỏng LPG (không hoạt động tại Thành Phố hồ Chí Minh) | 4661     |
| 11  | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng<br>Chi tiết: Bán buôn xi măng, clanhke   | 4663     |
| 12  | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu<br>chi tiết: Bán buôn hạt nhựa, sản phẩm nhựa công nghiệp, bao bì bằng nhựa.<br>Bán buôn phân bón, hóa chất sử dụng trong nông nghiệp, công nghiệp                                       | 4669     |
| 13  | Sản xuất khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Chế biến xăng dầu (trừ hóa chất có tính độc mạnh)  | 3290     |
| 14  | Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)<br>Chi tiết: Dịch vụ sửa chữa tàu biển (không hoạt động tại trụ sở)  | 3315     |
| 15  | Thoát nước và xử lý nước thải<br>(không hoạt động tại trụ sở)  | 3700     |
| 16  | Thu gom rác thải độc hại<br>(không hoạt động tại trụ sở)   | 3812     |

## ***Điều lệ Công ty cổ phần Vận tải Dầu Phương Đông Việt***

|    |   |      |
|----|---|------|
| 17 | Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại<br>(không hoạt động tại trụ sở)  | 3821 |
| 18 | Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại<br>(không hoạt động tại trụ sở)  | 3822 |
| 19 | Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác<br>(không hoạt động tại trụ sở)   | 3900 |
| 20 | Chuẩn bị mặt bằng   | 4312 |
| 21 | Đại lý, môi giới, đầu giá<br>Chi tiết: Dịch vụ môi giới hải quan  | 4610 |
| 22 | Bán buôn thực phẩm<br>(không hoạt động tại trụ sở)  | 4632 |
| 23 | Bán buôn đồ uống<br>Chi tiết: bán buôn đồ uống không cồn  | 4633 |
| 24 | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết: Bán buôn máy móc thiết bị và phụ tùng phục vụ sản xuất; công nghiệp, hàng hải, khai khoáng, xây dựng, chế biến | 4659 |
| 25 | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ<br>Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng ô tô, vận tải hàng hóa bằng xe bồn chở chất lỏng   | 4933 |
| 26 | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Dịch vụ cung cấp nước ngọt cho tàu biển  | 8299 |
| 27 | Giáo dục nghề nghiệp<br>Chi tiết: Dạy nghề  | 8532 |
| 28 | Hoạt động tư vấn quản lý<br>Chi tiết: Tư vấn quản lý, kỹ thuật  | 7020 |
| 29 | Cho thuê xe có động cơ<br>Chi tiết: Cho thuê phương tiện vận tải; tàu biển, xe ô tô, xe cơ giới   | 7710 |
| 30 | Cung ứng và quản lý nguồn lao động<br>Chi tiết: Cung ứng và quản lý nguồn lao động trong nước (trừ kinh doanh hoạt động cho thuê lại lao động)                              | 7830 |

1. Mục tiêu hoạt động của công ty: Phát triển kinh doanh theo hướng đa ngành nghề trong đó lấy hoạt động dịch vụ vận tải dầu khí và dịch vụ hàng hải là ngành nghề kinh doanh chính, đồng thời phát triển mạnh lĩnh vực vận tải đường thủy, đường bộ, các dịch vụ khác, kinh doanh thương mại nhằm đưa Công ty trở thành một hãng tàu vận tải hoạt động hiệu quả và mạnh trong nước và trong khu vực, đáp ứng được kỳ vọng của các cổ đông, nâng cao điều kiện làm việc, thu nhập cho người lao động, tích cực đóng góp an sinh xã hội.

### **Điều 4. Phạm vi kinh doanh và hoạt động**

1. Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo ngành nghề của Công ty đã được công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia và Điều lệ này phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.

2. Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các ngành, nghề mà luật không cấm và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.



#### **IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN**

##### **Điều 5. Vốn điều lệ, cổ phần**

1. Vốn điều lệ của công ty là 200.000.000.000 VNĐ (Hai trăm tỷ đồng).

Tổng số vốn điều lệ của công ty được chia thành 20.000.000 ( Hai mươi triệu) cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng.

Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.

2. Các cổ phần của công ty vào ngày thông qua Điều lệ này bao gồm 20.000.000 ( Hai mươi triệu) **cổ phần phổ thông**, các quyền và nghĩa vụ kèm theo được quy định tại Điều 10, Điều 11 Điều lệ này.

3. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.

4. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng Quản trị của công ty quyết định theo ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng Quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng Quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp cổ phần được bán qua Sở Giao dịch Chứng khoán theo phương thức đấu giá.

5. Công ty có thể mua cổ phần do chính công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. Cổ phần do công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng Quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với quy định của Điều lệ này, Luật Chứng khoán và văn bản hướng dẫn liên quan.

6. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với quy định của pháp luật.

##### **Điều 6. Chứng nhận cổ phiếu**

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.

2. Cổ phiếu là chứng chỉ do công ty phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của công ty. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 120 Luật doanh nghiệp.

3. Trong thời hạn hai (02) tháng (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của công ty, người sở hữu số cổ phần được ghi tăng số cổ phần tương ứng đã mua trên tài khoản lưu ký chứng khoán hoặc được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.

4. Trường hợp chứng nhận cổ phiếu bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng, người sở hữu cổ phiếu đó có thể đề nghị được cấp chứng nhận cổ phiếu mới, cổ đông được công ty cấp lại chứng nhận cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó tuân thủ đúng trình tự pháp luật quy định tại khoản 3 Điều 120 Luật doanh nghiệp và thanh toán mọi chi phí liên quan cho công ty (nếu có).

##### **Điều 7. Chứng chỉ chứng khoán khác**

Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của công ty được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của công ty.

##### **Điều 8. Chuyển nhượng cổ phần**

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng

theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ hoặc bị hạn chế chuyển nhượng theo phương án phát hành sẽ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

## **V. CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN LÝ CỦA CÔNG TY**

### **Điều 9. Cơ cấu tổ chức quản lý của công ty**

Cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông;
2. Hội đồng Quản trị;
3. Ban Kiểm soát;
4. Giám đốc.

## **VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

### **Điều 10. Quyền của cổ đông**

1. Cổ đông là người chủ sở hữu công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào công ty.

2. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:

a. Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền hoặc thực hiện thông qua các hình thức bỏ phiếu biểu quyết khác theo quy định của pháp luật;

b. Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c. Tự do chuyển nhượng cổ phần theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành;

d. Ưu tiên mua cổ phiếu mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu;

e. Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin liên quan đến cổ đông đó và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác của cổ đông đó;

f. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;

g. Trường hợp công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại công ty sau khi công ty đã thanh toán các khoản nợ (bao gồm cả nghĩa vụ nợ đối với nhà nước, thuế, phí) và thanh toán cho các cổ đông nắm giữ loại cổ phần khác của công ty theo quy định của pháp luật;

h. Yêu cầu công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại Điều 129 của Luật Doanh nghiệp;

i. Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ **10%** tổng số cổ phần phổ thông trở lên trong thời hạn liên tục ít nhất từ sáu (06) tháng có các quyền sau:

a. Đề cử các ứng viên Hội đồng Quản trị hoặc Ban Kiểm soát theo quy định tương ứng tại các Khoản 2 Điều 23 và Khoản 1 Điều 34 Điều lệ này;

b. Yêu cầu Hội đồng Quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại Điều 114 và Điều 136 Luật Doanh nghiệp;

c. Yêu cầu Ban Kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân/số thẻ căn

cước công dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký sở hữu cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

d. Các quyền khác được quy định của Pháp luật và tại Điều lệ này

### **Điều 11. Nghĩa vụ của cổ đông**

Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:

1. Tuân thủ Điều lệ công ty và quy chế nội bộ về quản trị của công ty; chấp hành quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị.

2. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:

a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

b. Ủy quyền cho người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp. Cổ đông có thể ủy quyền cho thành viên Hội đồng Quản trị công ty làm đại diện cho mình tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

c. Tham dự và biểu quyết thông qua họp trực tuyến, gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức khác theo quy định của pháp luật và quy định cụ thể của công ty khi tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

3. Thanh toán tiền mua cổ phần đã đăng ký mua theo quy định.

4. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần.

5. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

### **Điều 12. Đại hội đồng cổ đông**

1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của công ty. Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Theo đề nghị của Hội đồng quản trị, Cơ quan đăng ký kinh doanh có thể gia hạn, nhưng không quá 06 tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

2. Hội đồng Quản trị tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông phải ở trên lãnh thổ Việt Nam. Trường hợp cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tổ chức đồng thời ở nhiều địa điểm khác nhau thì địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán và dự toán cho năm tài chính tiếp theo. công ty có thể mời đại diện Công ty kiểm toán độc lập dự họp Đại hội đồng cổ đông để giải thích các nội dung liên quan đến Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của công ty.

3. Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

a. Hội đồng Quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty;

b. Báo cáo tài chính đã kiểm toán sáu (06) tháng hoặc báo cáo kiểm toán của năm tài chính phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa (1/2) so với số đầu kỳ;

c. Số thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật hoặc số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông công ty.

d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 3 Điều 10 Điều lệ này yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ

chữ ký của các cổ đông có liên quan.

e. Ban Kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban Kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng Quản trị hoặc Người điều hành công ty vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 160 Luật Doanh nghiệp hoặc Hội đồng Quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình.

f. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

a. Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng Quản trị hoặc Kiểm soát viên còn lại như quy định tại Điểm c Khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại Điểm d và Điểm e Khoản 3 Điều này ;

b. Trường hợp Hội đồng Quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm a Khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban Kiểm soát phải thay thế Hội đồng Quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 5 Điều 136 Luật Doanh nghiệp;

c. Trường hợp Ban Kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm b Khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại Điểm d Khoản 3 Điều này có quyền thay thế Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 6 Điều 136 Luật Doanh nghiệp.

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

### **Điều 13. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông**

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua các vấn đề sau:

- a. Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán;
- b. Báo cáo của Hội đồng Quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;
- c. Báo cáo của Ban Kiểm soát về kết quả kinh doanh của công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Giám đốc;
- d. Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của công ty;

2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định về các vấn đề sau:

- a. Thông qua các báo cáo tài chính năm;
- b. Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng Quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
- c. Số lượng thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát;
- d. Lựa chọn công ty kiểm toán độc lập;
- e. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát;
- f. Tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Báo cáo tiền thù lao của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát;
- g. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty;
- h. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần;
- i. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi loại hình của công ty;

- j. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) công ty và chỉ định người thanh lý;
- k. Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát gây thiệt hại cho công ty và cổ đông của công ty;
  - 1. Quyết định đầu tư, hoặc bán số tài sản công ty có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán;
  - m. Quyết định mua lại từ 10% trở lên tổng số cổ phần phát hành của mỗi loại;
  - n. Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại Khoản 1 Điều 162 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán;
  - o. Các vấn đề khác theo quy định của Pháp luật và Điều lệ này.
- 3. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:
  - a. Thông qua các hợp đồng quy định tại Khoản 2 Điều 13 này khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;
  - b. Việc mua lại cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện tương ứng với tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua giao dịch khớp lệnh trên Sở giao dịch chứng khoán hoặc chào mua công khai theo quy định của Pháp luật.
- 4. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

#### **Điều 14. Đại diện theo ủy quyền**

- 1. Các cổ đông có quyền tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật có thể ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện tham dự. Tổ chức, cá nhân là cổ đông của công ty có sở hữu ít nhất từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có thể ủy quyền tối đa cho 03 người đại diện. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu được ủy quyền cho mỗi người đại diện. Trường hợp cổ đông công ty không xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu ủy quyền cho từng người đại diện thì số cổ phần và số phiếu bầu ủy quyền sẽ được chia đều cho số lượng người đại diện theo ủy quyền.
- 2. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của công ty cung cấp hoặc được công chứng theo quy định của pháp luật và phải có chữ ký theo quy định sau đây:
  - a. Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của cổ đông đó và cá nhân người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;
  - b. Trường hợp cổ đông tổ chức là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông tổ chức, cá nhân người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp và tỷ lệ cổ phần tương ứng mỗi người đại diện theo ủy quyền;
  - c. Trong trường hợp khác thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp.
- Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.
- 3. Trường hợp luật sư thay mặt cho người ủy quyền ký giấy chỉ định người đại diện, việc chỉ định người đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định người đại diện đó được xuất trình cùng với giấy ủy quyền cho luật sư hoặc bản sao hợp lệ của giấy ủy quyền đó (nếu trước đó chưa đăng ký với công ty).
- 4. Trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều 14 này, phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:



- a. Người uỷ quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
- b. Người uỷ quyền đã huỷ bỏ việc chỉ định uỷ quyền;
- c. Người uỷ quyền đã huỷ bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc uỷ quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

### **Điều 15. Thay đổi các quyền**

1. Việc thay đổi hoặc huỷ bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% cổ phần phổ thông tham dự họp thông qua đồng thời được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% quyền biểu quyết của loại cổ phần ưu đãi nói trên biểu quyết thông qua. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có đại diện của cổ đông nắm giữ tối thiểu một phần ba (1/3) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại diện như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong vòng ba mươi (30) ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền đều được coi là đủ đại diện yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

2. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 17 và Điều 18 Điều lệ này.

3. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của công ty không bị thay đổi khi công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

### **Điều 16. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Hội đồng Quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại Điều b hoặc Điều c Khoản 3 Điều 12 Điều lệ này.

2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

- a. Công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn năm (05) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông;
- b. Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;
- c. Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;
- d. Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;
- e. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;
- f. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;
- g. Các công việc khác phục vụ đại hội.

3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông đồng thời công bố bằng phương tiện thông tin của Sở giao dịch chứng khoán, trên trang thông tin điện tử (website) của công ty. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi ít nhất mười (10) ngày trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư).

Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn địa chỉ trang thông tin điện tử có toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;  
b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên trong trường hợp đã xác định được trước ứng viên và thông tin liên quan đến các ứng viên đó;

c. Phiếu biểu quyết;

d. Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp;

e. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại Khoản 3 Điều 10 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông bao gồm việc đề cử ứng viên thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên trong trường hợp chưa xác định trước ứng viên. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bao gồm họ và tên cổ đông, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số thẻ căn cước công dân, chứng minh thư nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần cổ đông đó nắm giữ và nội dung kiến nghị đưa vào chương trình họp/thông tin ứng viên (nếu có) theo quy định tại Khoản 1 Điều 23 và Khoản 1 Điều 34 Điều lệ này.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại Khoản 4 Điều này trong các trường hợp sau:

a. Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;

b. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 10% cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục ít nhất sáu (06) tháng theo quy định tại Khoản 3 Điều 10 Điều lệ này;

c. Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

d. Các trường hợp khác theo quy định của Pháp luật và Điều lệ này.

#### **Điều 17. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, người triệu tập họp huỷ cuộc họp. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai chỉ được tiến hành khi có số cổ đông và những đại diện được uỷ quyền dự họp đại diện cho ít nhất 33% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

3. Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba thì được triệu tập trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày tiến hành đại hội lần hai. Trong trường hợp này đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các cổ đông và đại diện uỷ quyền dự họp, được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.

**Điều 18. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Trước khi khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, công ty phải thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.

2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông của công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một (01) phiếu biểu quyết. Nội dung của phiếu biểu quyết bao gồm: họ và tên của cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền, tổng số cổ phần có quyền biểu quyết và tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với số cổ phần sở hữu/đại diện của cổ đông đó, các vấn đề cần được biểu quyết. Phiếu biểu quyết phải bao gồm các nội dung cần được thông qua tại Đại hội theo chương trình nghị sự đã được thông qua. Khi được phát phiếu biểu quyết, cổ đông/đại diện được ủy quyền phải kiểm tra thông tin, tổng số cổ phần có quyền biểu quyết và tổng số phiếu biểu quyết nhận được, nếu có sai sót phải thông báo ngay tại thời điểm nhận phiếu. Phiếu biểu quyết được coi là hợp lệ khi có đầy đủ, chính xác các thông tin theo yêu cầu trên phiếu biểu quyết. Khi tiến hành biểu quyết, cổ đông/đại diện được ủy quyền có quyền quyết định đồng ý hoặc không đồng ý hoặc không có ý kiến bằng cách đánh dấu theo hướng dẫn của Ban Kiểm phiếu vào ô tương ứng với lựa chọn của mình cho từng vấn đề cần biểu quyết trên phiếu biểu quyết.

3. Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung trước đó đã biểu quyết trước đó không thay đổi.

4. Chủ tịch Hội đồng Quản trị làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng Quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng Quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trưởng Ban kiểm soát điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất được cử làm chủ tọa cuộc họp.

5. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

6. Chủ tọa đại hội có thể tiến hành các hoạt động cần thiết để điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ, có trật tự, theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số đại biểu tham dự.

7. Chủ tọa đại hội có thể hoãn đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết theo quy định tại Khoản 8 Điều 142 Luật Doanh nghiệp.

8. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác. Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nêu trên, Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông sau khi xem xét một cách cẩn trọng có quyền từ chối hoặc trục xuất cổ đông hoặc đại diện nêu trên ra khỏi đại hội.

9. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp thích hợp để:

- a. Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;

c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội.

Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

10. Trong trường hợp cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có áp dụng các biện pháp nêu trên, Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông khi xác định địa điểm đại hội có thể:

a. Thông báo đại hội được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và chủ tọa đại hội có mặt tại đó (“Địa điểm chính của đại hội”);

b. Bố trí, tổ chức để những cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không dự họp được theo Điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với địa điểm chính của đại hội có thể đồng thời tham dự đại hội;

Thông báo về việc tổ chức đại hội không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo Điều khoản này.

11. Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), mọi cổ đông được coi là tham gia đại hội ở địa điểm chính của đại hội.

12. Hàng năm, công ty tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.

### **Điều 19. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông**

1. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây sẽ được thông qua khi có từ 65% tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông tán thành:

a. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;

b. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;

c. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty so với cơ cấu tổ chức quy định tại Điều 9 Điều lệ này và ngoại trừ thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị theo quy định tại Điều 25 Điều lệ này và theo quy định tại các quy chế nội bộ của công ty;

d. Dự án đầu tư, bán tài sản của công ty hoặc ký kết hợp đồng với những người được quy định tại Khoản 1 Điều 162 Luật Doanh nghiệp có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán.

e. Tổ chức lại, giải thể công ty.

2. Các nghị quyết khác được thông qua khi được số cổ đông đại diện cho ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát có thể thực hiện theo phương thức biểu quyết theo tỷ lệ sở hữu hoặc theo phương thức bầu dồn phiếu. Trước khi họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, Hội đồng quản trị sẽ quyết định phương thức biểu quyết phù hợp với các quy định tại Điều lệ này. Trường hợp biểu quyết theo phương thức bầu dồn phiếu, mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử của Đại hội đồng cổ đông.

4. Các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.

**Điều 20. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông**

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng Quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty.

2. Hội đồng Quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết. Hội đồng Quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười (10) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại Khoản 3 Điều 16 Điều lệ này.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b. Mục đích lấy ý kiến;
- c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông.
- d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
- e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;
- f. Thời hạn phải gửi về công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
- g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng Quản trị và người đại diện theo pháp luật của công ty.

4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức hoặc cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền.

5. Phiếu lấy ý kiến có thể được gửi về công ty theo một trong các hình thức sau đây:

- a. Gửi thư. Phiếu lấy ý kiến gửi về công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;
- b. Gửi fax hoặc thư điện tử. Phiếu lấy ý kiến gửi về công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.

Các phiếu lấy ý kiến công ty nhận được sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư hoặc được công bố trước thời điểm kiểm phiếu trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là không tham gia biểu quyết.

6. Hội đồng Quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban Kiểm soát hoặc của cổ đông không phải là người điều hành công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
- c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;



d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

e. Các vấn đề đã được thông qua;

f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng Quản trị, người đại diện theo pháp luật của công ty, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng Quản trị, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

7. Biên bản kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày hoặc thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty, trong vòng 24 giờ kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

8. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty.

9. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

### **Điều 21. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh và có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

c. Chương trình họp và nội dung cuộc họp;

d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;

e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;

f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;

g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;

h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;

i. Chữ ký của chủ tọa và thư ký.

Biên bản được lập bằng tiếng Việt và/hoặc tiếng Anh. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty trong vòng 24 giờ hoặc gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp.

4. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp và tài liệu có liên quan phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

5. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực kể từ ngày được thông qua hoặc từ thời điểm hiệu lực ghi tại quyết định đó.

**Điều 22. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông**

Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 10 Điều lệ này có quyền yêu cầu Toà án xem xét, hủy bỏ quyết định hoặc một phần nội dung quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 19 Điều lệ này.

2. Nội dung quyết định vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty.

Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Toà án, người triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong vòng 30 ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

**VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

**Điều 23. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng Quản trị**

1. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng Quản trị được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Hội đồng Quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng Quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng Quản trị được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:

- a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b. Trình độ học vấn;
- c. Trình độ chuyên môn;
- d. Quá trình công tác;
- e. Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng Quản trị và các chức danh quản lý khác;
- f. Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên Hội đồng Quản trị của công ty;
- g. Các lợi ích có liên quan tới công ty (nếu có);
- h. Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);
- i. Các thông tin khác (nếu có).

2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng Quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.

3. Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng Quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng Quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Thủ tục Hội đồng Quản trị đương nhiệm giới thiệu ứng viên Hội đồng Quản trị

phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử theo quy định của pháp luật.

**Điều 24. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị**

1. Số lượng thành viên Hội đồng Quản trị ít nhất là năm (05) người và nhiều nhất là mười một (11) người. Số lượng thành viên Hội đồng Quản trị cụ thể sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng Quản trị không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:

Tổng số thành viên Hội đồng Quản trị không điều hành hoặc thành viên Hội đồng Quản trị độc lập phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng Quản trị. Số lượng tối thiểu thành viên Hội đồng Quản trị không điều hành/độc lập được xác định theo phương thức làm tròn xuống.

3. Thành viên Hội đồng Quản trị bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

a. Thành viên đó không đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 151 Luật Doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng Quản trị;

b. Thành viên đó không tham dự các cuộc họp của Hội đồng Quản trị liên tục trong vòng sáu (06) tháng, trừ trường hợp bất khả kháng;

c. Thành viên đó gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của công ty;

d. Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng Quản trị có những bằng chứng chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng Quản trị công ty có thể tạm miễn nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị trong các trường hợp nêu trên. Việc tạm miễn nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị này phải được chấp thuận tại Đại hội đồng cổ đông gần nhất. Sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, việc miễn nhiệm thành viên đó được coi là có hiệu lực vào ngày được Hội đồng quản trị tạm miễn nhiệm.

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng Quản trị công ty có thể bầu người khác có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Luật doanh nghiệp tạm thời làm thành viên Hội đồng quản trị để thay thế thành viên bị miễn nhiệm. Việc bầu bổ sung tạm thời thành viên mới này phải được chấp thuận tại Đại hội đồng cổ đông gần nhất. Sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, việc tạm bổ nhiệm thành viên mới đó được coi là có hiệu lực vào ngày được Hội đồng Quản trị tạm bổ nhiệm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng Quản trị mới được tính từ ngày việc tạm bổ nhiệm có hiệu lực đến ngày kết thúc nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng Quản trị đó. Trong trường hợp thành viên mới không được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, mọi quyết định của Hội đồng Quản trị cho đến trước thời điểm diễn ra Đại hội đồng cổ đông có sự tham gia biểu quyết của thành viên Hội đồng Quản trị tạm bổ nhiệm vẫn được coi là có hiệu lực.

4. Thành viên Hội đồng quản trị bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

b. Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;

c. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.

5. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi miễn các thành viên Hội đồng Quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

6. Thành viên Hội đồng Quản trị có thể không phải là cổ đông của công ty và không được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị tại quá 05 công ty khác.

**Điều 25. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị**

1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của công ty phải chịu sự giám sát và chỉ đạo của Hội đồng Quản trị. Hội đồng Quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng Quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển dài hạn, trung hạn, kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch đầu tư hàng năm của công ty và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua;

b. Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

c. Bổ nhiệm, miễn nhiệm Người điều hành công ty, quyết định mức lương và các quyền lợi khác của họ theo quy định quản lý nội bộ của công ty. Cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành, Ban kiểm soát tại các doanh nghiệp có vốn đầu tư của công ty, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó theo quy chế quản lý nội bộ của công ty;

d. Giám sát, chỉ đạo giám đốc và Người điều hành công ty;

e. Giải quyết các khiếu nại của công ty đối với Người điều hành công ty cũng như quyết định lựa chọn đại diện của công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với Người điều hành đó;

f. Quyết định tổ chức bộ máy quản lý của công ty, quy chế quản lý nội bộ của công ty, việc thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

g. Đề xuất việc tổ chức lại hoặc giải thể công ty;

h. Xây dựng Quy chế nội bộ về quản trị công ty và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua;

i. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;

j. Kiến nghị mức cổ tức hàng năm và mức cổ tức tạm ứng, quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

k. Đề xuất các loại cổ phần phát hành và tổng số cổ phần phát hành theo từng loại;

l. Đề xuất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu kèm chứng quyền;

m. Quyết định giá chào bán cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu kèm chứng quyền của Tổng công ty khi được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền;

n. Trình Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán của công ty lên Đại hội đồng cổ đông;

o. Báo cáo Đại hội đồng cổ đông việc Hội đồng Quản trị bổ nhiệm giám đốc;

p. Các quyền và nghĩa vụ khác (nếu có);

3. Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng Quản trị tạm phê duyệt bổ sung ngành nghề kinh doanh phù hợp với chiến lược phát triển dài hạn của công ty và theo quy định của pháp luật. Việc tạm phê duyệt bổ sung ngành nghề kinh doanh phải được chấp thuận tại Đại hội đồng cổ đông gần nhất.

4. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng Quản trị phê chuẩn:

a. Thành lập chi nhánh hoặc văn phòng đại diện của công ty;

b. Phê duyệt kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch đầu tư phát triển hàng năm của công ty.

c. Thành lập công ty con của công ty; mục tiêu chiến lược, kế hoạch phát triển dài hạn của công ty con của công ty.

d. Trong phạm vi quy định tại Khoản 2 Điều 149 Luật Doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều 135 và Khoản 1, Khoản 3 Điều 162 Luật Doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng Quản trị quyết định việc ký kết, thực hiện, sửa đổi và huỷ bỏ các hợp đồng của công ty;

e. Việc vay nợ, thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Tổng công ty theo phân cấp tại các quy chế quản lý nội bộ của công ty;

f. Các khoản đầu tư, thanh lý tài sản dưới 35% (ba mươi lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản được ghi trong Báo cáo tài chính được kiểm toán gần nhất của công ty và theo phân cấp tại các quy chế quản lý nội bộ của công ty;

g. Việc mua hoặc bán cổ phần, phần vốn góp tại các doanh nghiệp khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;

h. Việc định giá các tài sản góp vào công ty không phải bằng tiền trong đợt phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ, bí quyết công nghệ và các loại tài sản phi tiền tệ khác;

i. Việc mua lại hoặc thu hồi không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong mười hai (12) tháng;

j. Quyết định mức giá mua lại hoặc thu hồi cổ phần của công ty;

k. Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng Quản trị quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình.

5. Hội đồng Quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là việc giám sát của Hội đồng Quản trị đối với giám đốc và Người điều hành công ty trong năm tài chính. Trường hợp Hội đồng Quản trị không trình báo cáo lên Đại hội đồng cổ đông, báo cáo tài chính năm của công ty bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng Quản trị thông qua.

#### **Điều 26. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị**

1. Thành viên Hội đồng Quản trị (không tính các đại diện được uỷ quyền) được nhận thù lao cho công việc của mình với tư cách là thành viên Hội đồng Quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng Quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao này được chia cho các thành viên Hội đồng Quản trị theo thoả thuận trong Hội đồng Quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thoả thuận được.

2. Tổng số tiền trả cho từng thành viên Hội đồng Quản trị bao gồm thù lao, chi phí, hoa hồng, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác được hưởng từ công ty, công ty con, công ty liên kết của công ty và các công ty khác mà thành viên Hội đồng Quản trị là đại diện phần vốn góp phải được công bố chi tiết trong báo cáo thường niên của công ty. Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị phải được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính hàng năm của công ty.

3. Thành viên Hội đồng Quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng Quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng Quản trị hoặc thực hiện những công việc khác mà theo Hội đồng Quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng Quản trị, có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng Quản trị.

4. Thành viên Hội đồng Quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng Quản trị.



**Điều 27. Chủ tịch Hội đồng Quản trị**

1. Hội đồng Quản trị bầu một thành viên của Hội đồng Quản trị làm Chủ tịch.
2. Chủ tịch Hội đồng Quản trị có nghĩa vụ chuẩn bị chương trình, tài liệu, triệu tập và chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và các cuộc họp của Hội đồng Quản trị, đồng thời có các quyền và nghĩa vụ khác quy định tại Điều lệ này và Luật Doanh nghiệp.
3. Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng Quản trị gửi báo cáo tài chính năm, báo cáo hoạt động của công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng Quản trị cho các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
4. Chủ tịch Hội đồng Quản trị có thể bị bãi miễn theo quyết định của Hội đồng Quản trị. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng Quản trị từ chức, bị bãi miễn hoặc hết nhiệm kỳ thành viên Hội đồng Quản trị, Hội đồng Quản trị phải họp trong thời hạn mười (10) ngày làm việc để bầu Chủ tịch Hội đồng Quản trị thay thế. Trường hợp sau mười (10) ngày làm việc, Hội đồng Quản trị vẫn chưa tổ chức cuộc họp để bầu Chủ tịch, Ban Kiểm soát sẽ chủ trì triệu tập tổ chức cuộc họp của Hội đồng Quản trị để bầu Chủ tịch.
5. Chủ tịch Hội đồng Quản trị công ty không được kiêm nhiệm chức danh Giám đốc công ty.

**Điều 28. Cuộc họp của Hội đồng Quản trị**

1. Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng Quản trị thường kỳ và bất thường, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất năm (05) ngày trước ngày họp. Chủ tịch có thể triệu tập họp khi xét thấy cần thiết, nhưng ít nhất mỗi quý phải họp một (01) lần.
2. Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Hội đồng Quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản nêu rõ mục đích cuộc họp, vấn đề cần thảo luận:
  - a. Ban Kiểm soát;
  - b. Giám đốc hoặc ít nhất năm (05) Người điều hành khác;
  - c. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
  - d. Ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng Quản trị.
3. Các cuộc họp Hội đồng Quản trị nêu tại Khoản 2 Điều này phải được tiến hành trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc sau khi có đề xuất họp. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng Quản trị không triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với công ty; những người đề nghị tổ chức cuộc họp được đề cập đến ở Khoản 2 Điều này có quyền triệu tập họp Hội đồng Quản trị.
4. Trường hợp có yêu cầu của Công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của công ty, Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Hội đồng Quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình công ty.
5. Các cuộc họp Hội đồng Quản trị được tiến hành tại trụ sở chính của công ty hoặc tại địa điểm khác tại Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng Quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng Quản trị.
6. Thông báo họp Hội đồng Quản trị phải được gửi trước cho các thành viên Hội đồng Quản trị và các Kiểm soát viên ít nhất năm (05) ngày trước ngày họp. Thành viên Hội đồng có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản, việc từ chối này có thể được thay đổi hoặc hủy bỏ bằng văn bản của thành viên Hội đồng quản trị đó. Thông báo họp Hội đồng phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ chương trình, thời gian, địa điểm họp, nội dung các vấn đề thảo luận kèm theo tài liệu cần thiết về những vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp và các phiếu biểu quyết của thành viên.
7. Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng Quản trị và các Kiểm soát viên được đăng ký tại công ty.
7. Các cuộc họp của Hội đồng Quản trị được tiến hành khi có ít nhất ba phần tư

(3/4) tổng số thành viên Hội đồng Quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền) nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lần thứ hai (02) được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng Quản trị dự họp.

8. Cuộc họp của Hội đồng Quản trị có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của Hội đồng Quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

a. Nghe từng thành viên Hội đồng Quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;

b. Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời. Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này. Thành viên Hội đồng Quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà có đông nhất thành viên Hội đồng Quản trị, hoặc là địa điểm có mặt Chủ tọa cuộc họp.

Các quyết định được thông qua trong cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức, có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng Quản trị tham dự cuộc họp này.

9. Thành viên Hội đồng Quản trị có thể gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng Quản trị chậm nhất một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả người dự họp.

10. Biểu quyết.

a. Trừ quy định tại Điểm b Khoản 11 Điều này, mỗi thành viên Hội đồng Quản trị hoặc người được ủy quyền theo quy định tại Khoản 8 Điều này trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng Quản trị có một (01) phiếu biểu quyết;

b. Thành viên Hội đồng Quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của công ty. Thành viên Hội đồng Quản trị không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng Quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;

c. Theo quy định tại Điểm d Khoản 11 Điều này, khi có vấn đề phát sinh tại cuộc họp liên quan đến lợi ích hoặc quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng Quản trị mà thành viên đó không tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết, phán quyết của chủ tọa là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng Quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ;

d. Thành viên Hội đồng Quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại Điểm a và Điểm b Khoản 5 Điều 39 Điều lệ này được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.

e. Kiểm soát viên có quyền dự cuộc họp Hội đồng Quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

11. Thành viên Hội đồng Quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với công ty và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai lợi ích này tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng thảo luận về việc ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp thành viên Hội đồng Quản trị không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời

điêm hợp đồng, giao dịch được ký với công ty, thành viên Hội đồng Quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng Quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng nêu trên.

12. Hội đồng Quản trị thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng Quản trị. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng Quản trị là phiếu quyết định.

13. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng Quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.

Chủ tịch Hội đồng Quản trị có trách nhiệm gửi biên bản họp Hội đồng Quản trị tới các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp. Biên bản họp Hội đồng Quản trị được lập bằng tiếng Việt và có thể lập bằng tiếng Anh. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng. Biên bản phải có chữ ký của tất cả chữ ký của tất cả các thành viên Hội đồng quản tham dự họp và người ghi biên bản cuộc họp hoặc biên bản có thể được lập thành nhiều bản và mỗi biên bản phải có chữ ký của ít nhất một (01) thành viên Hội đồng Quản trị tham gia cuộc họp và người ghi biên bản. Chủ tọa và người ghi biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng Quản trị.

### **Điều 29. Các tiểu ban thuộc Hội đồng Quản trị**

1. Hội đồng Quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc phụ trách về chính sách phát triển, lương thưởng, nhân sự, kiểm toán nội bộ. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng Quản trị quyết định và có thể có ít nhất ba (03) người bao gồm thành viên của Hội đồng Quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng Quản trị/thành viên Hội đồng Quản trị không điều hành có thể chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm là trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng Quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng Quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban là thành viên Hội đồng quản trị.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng Quản trị hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng Quản trị hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng Quản trị phải phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty.

### **Điều 30. Người phụ trách quản trị công ty**

1. Hội đồng Quản trị chỉ định ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị công ty do Hội đồng Quản trị quyết định, tối đa là năm (05) năm.

2. Người phụ trách quản trị công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:

- a. Có hiểu biết về pháp luật;
- b. Không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty;
- c. Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và quyết định của Hội đồng Quản trị.

3. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng Quản trị có thể bổ nhiệm Trợ lý Người phụ trách quản trị công ty tùy từng thời điểm.

4. Người phụ trách quản trị công ty có các quyền và nghĩa vụ sau:

- a. Tư vấn Hội đồng Quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy

định và các công việc liên quan giữa công ty và cổ đông;

b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng Quản trị hoặc Ban kiểm soát;

c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;

d. Tham dự các cuộc họp;

e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng Quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;

f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng Quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng Quản trị và Kiểm soát viên;

g. Giám sát và báo cáo Hội đồng Quản trị về hoạt động công bố thông tin của công ty;

h. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;

i. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

## **VIII. GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH CÔNG TY**

### **Điều 31. Tổ chức bộ máy quản lý**

Hệ thống quản lý của công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng Quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng Quản trị trong công việc kinh doanh hàng ngày của công ty. Công ty có một (01) Giám đốc, các Phó giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do Hội đồng Quản trị bổ nhiệm theo phân cấp trong quy chế nội bộ của công ty. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh thuộc phân cấp của Hội đồng Quản trị phải được thông qua bằng nghị quyết Hội đồng Quản trị.

### **Điều 32. Người điều hành công ty**

1. Theo đề nghị của giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng Quản trị, công ty được tuyển dụng Người điều hành với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý nội bộ của công ty do Hội đồng Quản trị quy định. Người điều hành công ty phải có trách nhiệm mẫn cán để công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.

2. Thù lao, tiền lương, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với giám đốc do Hội đồng Quản trị quyết định. Hợp đồng với những Người điều hành khác do Hội đồng Quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của giám đốc.

### **Điều 33. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc**

1. Hội đồng Quản trị bổ nhiệm một thành viên trong Hội đồng hoặc một người khác làm Giám đốc; ký hợp đồng trong đó quy định thù lao, tiền lương và lợi ích khác. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Giám đốc phải được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên và được nêu trong Báo cáo thường niên của công ty.

2. Nhiệm kỳ của Giám đốc không quá năm (05) năm và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Giám đốc không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này và phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật, Điều lệ và quy chế nội bộ của công ty.

3. Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:

a. Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng Quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của công ty đã được Hội đồng Quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;

b. Quyết định các vấn đề không cần phải có nghị quyết của Hội đồng Quản trị, bao gồm việc thay mặt công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày của công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;

c. Kiến nghị với Hội đồng Quản trị về phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý

nội bộ của công ty;

d. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của công ty;

e. Kiến nghị số lượng Người điều hành công ty mà công ty cần tuyển dụng để Hội đồng Quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm theo quy chế nội bộ của công ty và kiến nghị thù lao, tiền lương và lợi ích khác đối với Người điều hành công ty để Hội đồng Quản trị quyết định;

f. Quyết định việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, mức lương, trợ cấp, lợi ích và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của các chức danh thuộc thẩm quyền của giám đốc theo quy định tại các quy chế nội bộ của công ty;

g. Trình Hội đồng Quản trị phê duyệt kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch đầu tư cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách, kế hoạch tài chính năm của công ty;

h. Chuẩn bị các bản kế hoạch dài hạn của công ty phục vụ hoạt động quản lý dài hạn của công ty theo mục tiêu, chiến lược phát triển. Bản kế hoạch dài hạn cho từng năm tài chính phải được trình để Hội đồng Quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế nội bộ của công ty;

i. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này, các quy chế nội bộ của công ty, các nghị quyết của Hội đồng Quản trị, hợp đồng lao động ký với công ty.

4. Giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng Quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cấp này khi được yêu cầu.

5. Hội đồng Quản trị có thể miễn nhiệm giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng Quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm giám đốc mới thay thế.

## **IX. BAN KIỂM SOÁT**

### **Điều 34. Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên**

1. Việc ứng cử, đề cử, tiêu chuẩn Kiểm soát viên được thực hiện tương tự quy định tại khoản 1 Điều 23 Điều lệ này.

2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban Kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban Kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty và Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Thủ tục Ban Kiểm soát đương nhiệm giới thiệu ứng viên Ban Kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử theo quy định của pháp luật.

### **Điều 35. Kiểm soát viên**

1. Kiểm soát viên của công ty có từ ba (03) đến năm (5) người. Số lượng cụ thể các Kiểm soát viên do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trường hợp Kiểm soát viên có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Kiểm soát viên đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

2. Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Khoản 2, Khoản 3 Điều 20 Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 6 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ và Điều lệ công ty.

3. Các Kiểm soát viên bầu một (01) người trong số họ làm Trưởng Ban theo nguyên tắc đa số. Trưởng Ban kiểm soát phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại công ty. Trưởng Ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:

a. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;



b. Yêu cầu Hội đồng Quản trị, Giám đốc và Người điều hành công ty cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;

c. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng Quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

4. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Luật doanh nghiệp;

b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c. Có đơn bằng văn bản xin từ chức gửi đến trụ sở chính của công ty;

d. Kiểm soát viên đó bị rối loạn tâm thần và Kiểm soát viên khác của Ban Kiểm soát có những bằng chứng chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Ban Kiểm soát công ty có thể tạm miễn nhiệm Kiểm soát viên trong các trường hợp nêu trên. Việc tạm miễn nhiệm Kiểm soát viên này phải được chấp thuận tại Đại hội đồng cổ đông gần nhất. Sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, việc miễn nhiệm Kiểm soát viên đó được coi là có hiệu lực vào ngày được Ban kiểm soát tạm miễn nhiệm.

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Ban Kiểm soát công ty có thể bầu người khác có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp tạm thời làm Kiểm soát viên để thay thế Kiểm soát viên bị miễn nhiệm. Việc bầu bổ sung tạm thời Kiểm soát viên mới này phải được chấp thuận tại Đại hội đồng cổ đông gần nhất. Sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, việc tạm bổ nhiệm Kiểm soát viên mới đó được coi là có hiệu lực vào ngày được Ban Kiểm soát tạm bổ nhiệm. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên mới được tính từ ngày việc tạm bổ nhiệm có hiệu lực đến ngày kết thúc nhiệm kỳ của Kiểm soát viên đó. Trong trường hợp Kiểm soát viên mới không được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, mọi quyết định của Ban Kiểm soát cho đến trước thời điểm diễn ra cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có sự tham gia biểu quyết của Kiểm soát viên tạm bổ nhiệm vẫn được coi là có hiệu lực.

5. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

e. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

f. Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty;

g. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

h. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.

### **Điều 36. Ban Kiểm soát**

1. Ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 165 Luật doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:

a. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của công ty;

b. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình;

c. Giám sát tình hình tài chính công ty, tính hợp pháp trong các hoạt động của thành viên Hội đồng Quản trị, giám đốc, người điều hành công ty, sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng Quản trị, Giám đốc và cổ đông;

d. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng Quản trị, giám đốc và người điều hành công ty, phải thông báo bằng văn bản với Hội đồng Quản trị trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;

e. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật doanh nghiệp;

f. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

2. Thành viên Hội đồng Quản trị, giám đốc và người điều hành công ty phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời các thông tin và tài liệu về công tác quản lý, điều hành

và hoạt động của công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát. Người phụ trách quản trị công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao các nghị quyết, biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông và của Hội đồng Quản trị, các thông tin tài chính, các thông tin và tài liệu khác cung cấp cho cổ đông và thành viên Hội đồng Quản trị phải được cung cấp cho các Kiểm soát viên vào cùng thời điểm và theo phương thức như đối với cổ đông và thành viên Hội đồng Quản trị.

3. Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu hai (02) lần một năm và cuộc họp được tiến hành khi có từ hai phần ba (2/3) số Kiểm soát viên trở lên dự họp.

4. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Kiểm soát viên do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Kiểm soát viên được thanh toán các khoản chi phí ăn ở, đi lại và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát hoặc thực thi các hoạt động khác của Ban kiểm soát.

## **X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH CÔNG TY**

### **Điều 37. Trách nhiệm cẩn trọng**

Thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc và người điều hành công ty có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng Quản trị, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của công ty.

### **Điều 38. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi**

1. Thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc và Người điều hành công ty phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định tại Điều 159 Luật doanh nghiệp và các quy định Pháp luật khác.

2. Thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên, giám đốc và Người điều hành công ty không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.

3. Thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên, giám đốc và Người điều hành công ty có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng Quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác.

4. Trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác, công ty không được cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên, giám đốc, Người điều hành công ty và các cá nhân, tổ chức có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính, trừ trường hợp Công ty đại chúng và tổ chức có liên quan tới thành viên này là các Công ty trong cùng Tập đoàn hoặc các Công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm Công ty mẹ, Công ty con hoặc Tập đoàn kinh tế và pháp luật chuyên ngành có quy định khác.

5. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa công ty với cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của công ty và những người có liên quan của họ hoặc thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên, giám đốc, Người điều hành công ty và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến họ hoặc công ty, đối tác, hiệp hội, tổ chức mà thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên, giám đốc, Người điều hành công ty hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng Quản trị chấp thuận:

a. Hội đồng Quản trị chấp thuận các hợp đồng và giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản công ty ghi trong báo cáo tài chính đã kiểm toán gần nhất. Trường hợp

này, người đại diện công ty ký hợp đồng phải thông báo các thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó; đồng thời kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng Quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng hoặc giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo; thành viên có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết;

b. Đại hội đồng cổ đông chấp thuận các hợp đồng và giao dịch khác ngoài các giao dịch quy định tại mục a khoản 5 Điều này. Trường hợp này, người đại diện công ty ký hợp đồng phải thông báo Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó; đồng thời kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng Quản trị trình dự thảo hợp đồng hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của giao dịch tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Trường hợp này, cổ đông có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết; hợp đồng hoặc giao dịch được chấp thuận khi có số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết còn lại tán thành;

c. Hợp đồng, giao dịch bị vô hiệu và xử lý theo quy định của pháp luật khi được ký kết hoặc thực hiện mà chưa được chấp thuận theo quy định tại mục a và mục b khoản 5 Điều này, gây thiệt hại cho công ty; người ký kết hợp đồng, cổ đông, thành viên Hội đồng Quản trị hoặc giám đốc có liên quan phải liên đới bồi thường thiệt hại phát sinh, hoàn trả cho công ty các khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch đó;

d. Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng Quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên, giám đốc, Người điều hành công ty và các tổ chức, cá nhân có liên quan tới các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

### **Điều 39. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường**

1. Thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên, giám đốc và Người điều hành công ty vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự mẫn cán và năng lực chuyên môn phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, Người điều hành công ty, nhân viên hoặc là đại diện được công ty ủy quyền hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của công ty với tư cách thành viên Hội đồng Quản trị, Người điều hành công ty, nhân viên hoặc đại diện theo ủy quyền của công ty với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán vì lợi ích hoặc không mâu thuẫn với lợi ích của công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình.

3. Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các công việc theo ủy quyền của công ty, thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên, Người điều hành công ty, nhân viên hoặc là đại diện theo ủy quyền của công ty được công ty bồi thường khi trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (trừ các vụ kiện do công ty là người khởi kiện) trong các trường hợp sau:

a. Đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán vì lợi ích và không mâu thuẫn với lợi ích của công ty;

b. Tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận đã không thực hiện trách nhiệm của mình.

c. Chi phí bồi thường bao gồm các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

## **XI. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY**

### **Điều 40. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ**

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cập tại Khoản 2 Điều 23 Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc qua người được uỷ quyền, gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra danh sách cổ đông, các biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các tài liệu này trong giờ làm việc và tại trụ sở chính của công ty. Yêu cầu kiểm tra do đại diện được uỷ quyền của cổ đông phải kèm theo giấy uỷ quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc một bản sao công chứng của giấy uỷ quyền này.

2. Thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên, giám đốc và Người điều hành công ty có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

3. Công ty phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng Quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng Quản trị, các báo cáo của Hội đồng Quản trị, các báo cáo của Ban Kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.

4. Điều lệ công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty.

## **XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN**

### **Điều 41. Công nhân viên và công đoàn**

1. Giám đốc phải lập kế hoạch đề Hội đồng Quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành công ty.

2. Giám đốc phải lập kế hoạch đề Hội đồng Quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của công ty và quy định pháp luật hiện hành.

## **XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN**

### **Điều 42. Phân phối lợi nhuận**

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của công ty.

2. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.

3. Hội đồng Quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng Quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.

4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp công ty đã chuyển khoản theo đúng

các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các loại cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua các công ty chứng khoán hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.

5. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng Quản trị thông qua nghị quyết xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác;

6. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

#### **XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN**

##### **Điều 43. Tài khoản ngân hàng**

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.

3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

##### **Điều 44. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng Một hàng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 cùng năm.

##### **Điều 45. Chế độ kế toán**

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là chế độ Kế toán Việt Nam (VAS), chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành khác được Bộ Tài chính chấp thuận.

2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của công ty.

3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

#### **XV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN**

##### **Điều 46. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý**

1. Trong thời hạn 90 ngày kể từ khi kết thúc năm tài chính, công ty phải lập báo cáo tài chính năm năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 48 Điều lệ này. Công ty phải nộp và công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán cho cơ quan thuế, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và các cơ quan có thẩm quyền khác theo quy định của pháp luật.

2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi/lỗ của công ty trong năm tài chính; bảng cân đối kế toán, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính

phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của công ty tính đến thời điểm lập báo cáo.

3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính sáu tháng đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán, cơ quan thuế và các cơ quan có thẩm quyền khác theo quy định của pháp luật.

4. Các báo cáo tài chính năm được kiểm toán (bao gồm ý kiến của kiểm toán viên), báo cáo tài chính sáu tháng được soát xét và báo cáo tài chính quý phải được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty.

5. Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được quyền kiểm tra hoặc sao chụp báo cáo tài chính năm được kiểm toán, báo cáo sáu tháng được soát xét và báo cáo tài chính quý trong giờ làm việc tại trụ sở chính của công ty.

#### **Điều 47. Báo cáo thường niên**

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

### **XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY**

#### **Điều 48. Kiểm toán**

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng Quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thoả thuận với Hội đồng Quản trị. Công ty phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.

2. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng Quản trị trong vòng ba (03) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

3. Bản sao của báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của công ty.

4. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán công ty được phép tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, được quyền nhận các thông báo, các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của công ty.

### **XVII. CON DẤU**

#### **Điều 49. Con dấu**

1. Hội đồng quản trị quyết định thông qua con dấu chính thức của Công ty và con dấu được khắc theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

2. Hội đồng Quản trị, Giám đốc sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

### **XVIII. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ**

#### **Điều 50. Chấm dứt hoạt động**

1. Công ty có thể bị giải thể bị giải thể trong những trường hợp sau:

- a. Giải thể theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- b. Bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;
- c. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Việc giải thể công ty do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng Quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ



quan có thẩm quyền theo quy định.

**Điều 51. Thanh lý**

1. Sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng Quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ba (03) thành viên. Hai (02) thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một (01) thành viên do Hội đồng Quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của công ty.

2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.

3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:

- a. Các chi phí thanh lý;
- b. Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;
- c. Nợ thuế;
- d. Các khoản nợ khác của công ty;
- e. Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

**XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ**

**Điều 52. Giải quyết tranh chấp nội bộ**

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại có liên quan tới hoạt động của công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, các luật khác, Điều lệ công ty, các quy định quy định giữa:

- a. Cổ đông với công ty;
- b. Cổ đông với Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, giám đốc hay Người điều hành công ty;

Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng Quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng Quản trị, Chủ tịch Hội đồng Quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng 15 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng Quản trị hay Chủ tịch Hội đồng Quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu Ban chấp hành công đoàn công ty chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hoà giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp thuận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Tòa án kinh tế.

3. Các bên tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

**XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ**

**Điều 53. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ**

1. Việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định.

2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định

## Điều lệ Công ty cổ phần Vận tải Dầu Phương Đông Việt

của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của công ty.

### **XXI. NGÀY HIỆU LỰC**

#### **Điều 54. Ngày hiệu lực**

1. Bản Điều lệ này gồm 21 chương 54 điều được Đại hội đồng cổ đông công ty Cổ phần Vận tải Dầu Phương Đông Việt nhất trí thông qua ngày ..... tháng ... năm 2018 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.

2. Điều lệ được lập thành mười (10) bản, có giá trị như nhau, trong đó:

a. Một (01) bản nộp tại Phòng công chứng Nhà nước của địa phương;  
b. Năm (05) bản đăng ký tại cơ quan chính quyền theo quy định của Ủy ban nhân dân Tỉnh, Thành phố;

c. Bốn (04) bản lưu giữ tại Trụ sở chính của Công ty.

3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.

4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc Người đại diện theo pháp luật của Công ty hoặc tối thiểu một phần hai (1/2) tổng số thành viên Hội đồng Quản trị.

#### **HỌ, TÊN, CHỮ KÝ CỦA CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**

|           |                           |       |
|-----------|---------------------------|-------|
| <b>01</b> | <b>Nguyễn Quốc Phương</b> | ..... |
| <b>02</b> | <b>Hoàng Đức Chính</b>    | ..... |
| <b>03</b> | <b>Nguyễn Văn Bằng</b>    | ..... |
| <b>04</b> | <b>Nguyễn Hoài Phương</b> | ..... |
| <b>05</b> | <b>Nguyễn Đức Thắng</b>   | ..... |

## TỜ TRÌNH

### V/v: Sửa đổi Quy chế nội bộ về Quản trị của Công ty Cổ phần Vận tải Dầu Phương Đông Việt

Kính trình: **ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29/06/2006 và Sửa đổi bổ sung một số điều Luật Chứng khoán số 62/2010/QH12 ngày 24/11/2010.
- Căn cứ Nghị định số 71/2016/NĐ-CP ngày 06/06/2016 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị Công ty đại chúng.
- Căn cứ Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22/09/2017 về việc hướng dẫn một số điều Nghị định 71/2016/NĐ-CP của Chính phủ về quản trị Công ty đại chúng.
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Vận tải Dầu Phương Đông Việt;

Thực hiện việc sửa đổi Quy chế nội bộ về quản trị của Công ty Cổ phần Vận tải Dầu Phương Đông Việt theo các quy định của Nghị định số 71/2016/NĐ-CP ngày 06/06/2016 và Thông tư 95/2017/TT-BTC ngày 22/09/2017, Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Vận tải Dầu Phương Đông Việt đã dự thảo sửa đổi, bổ sung quy chế Quản trị Công ty Cổ phần Vận tải Dầu Phương Đông Việt phù hợp với quy định mới của Nghị định và thông tư nói trên. Các Quy chế trước đây đã ban hành trái với Quy chế này đều bị bãi bỏ.

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 xem xét và thông qua Quy chế nội bộ về Quản trị của Công ty như dự thảo nội dung đính kèm.

Kính trình Đại hội./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Quốc Phương**

Số: ...../TTTr-PDV-ĐHĐCĐ

TP. Hồ Chí Minh, ngày ..... tháng ..... năm 2018

## TỜ TRÌNH

**V/v: Thành lập tiểu ban Nhân sự tiền lương và tiểu ban Kinh tế - Kỹ thuật –  
Đầu tư Công ty Cổ phần Vận tải Dầu Phương Đông Việt**

Kính trình: **ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29/06/2006 và Sửa đổi bổ sung một số điều Luật Chứng khoán số 62/2010/QH12 ngày 24/11/2010.
- Căn cứ Nghị định số 71/2016/NĐ-CP ngày 06/06/2016 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị Công ty đại chúng.
- Căn cứ Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22/09/2017 về việc hướng dẫn một số điều Nghị định 71/2016/NĐ-CP của Chính phủ về quản trị Công ty đại chúng.

Nhằm hỗ trợ Hội đồng Quản trị trong công tác vấn đề tiền lương, thưởng và công tác kinh tế - kỹ thuật – đầu tư của công ty. Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Vận tải Dầu Phương Đông Việt kính trình Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho HĐQT được thành lập và quy định chi tiết về việc thành lập, trách nhiệm của từng tiểu ban, trách nhiệm của thành viên trong các tiểu ban:

- ❖ Tiểu ban nhân sự tiền lương
- ❖ Tiểu ban kinh tế - kỹ thuật – Đầu tư

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 xem xét và thông qua.

Kính trình Đại hội./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Quốc Phương**

Số: \_\_\_/PDV-TTr-DHĐCD

TP. HCM, ngày \_\_\_ tháng \_\_\_ năm 2018

## TỜ TRÌNH

**V/v: Chấp thuận chủ trương đầu tư; Ủy quyền cho HĐQT xem xét phê duyệt dự án và triển khai thực hiện các thủ tục “Dự án đầu tư chở dầu sản phẩm/hóa chất khoảng 13.000 DWT” theo đúng qui định Pháp luật**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

Công ty CP Vận tải Dầu Phương Đông Việt (PVTrans Oil)

*Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 do Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014;*

*Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Vận tải Dầu Phương Đông Việt;*

*Căn cứ kế hoạch 5 năm giai đoạn 2016-2020 của Công ty Cổ phần Vận tải Dầu Phương Đông Việt đã được Đại hội Đồng Cổ Đông thông qua theo NQ số 85/PDV-NQ-DHĐCD ngày 22/12/2017;*

Trong giai đoạn 2016- 2020 Công ty sẽ tập trung phát triển hoạt động dịch vụ cốt lõi là vận tải dầu sản phẩm trên cơ sở đầu tư phát triển thêm đội tàu, nâng cao năng lực vận tải, mở rộng qui mô hoạt động kinh doanh, đón đầu sự ra đời của NMLD Nghi Sơn và các nhà máy khác trong thời gian tới. Từng bước xây dựng thương hiệu có uy tín trên thị trường vận tải;

Trên cơ sở đó để triển khai thực hiện thành công các mục tiêu nêu trên, Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Vận tải Dầu Phương Đông Việt kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua Phương án đầu tư mua thêm 01 tàu vận tải sản phẩm dầu/hóa chất có trọng tải 13.000 DWT với các nội dung như sau:

**1. Chấp thuận thông qua dự án đầu tư tàu chở dầu sản phẩm/hóa chất khoảng 13.000 DWT” với một số thông tin cơ bản của dự án như sau:**

1.1 Tên dự án: Đầu tư tàu chở dầu sản phẩm/hóa chất khoảng 13.000 DWT.

1.2 Hình thức đầu tư: Mua tàu đã qua sử dụng.

1.3 Chủ đầu tư: Công ty CP Vận tải Dầu Phương Đông Việt.

1.4 Mục tiêu dự án:

- Tạo điều kiện và tiền đề cho PVTrans Oil trẻ hóa đội tàu, đầu tư thêm các tàu mới trẻ hơn để thay thế các tàu cũ đang khai thác tại thị trường nước ngoài
- Phát triển lĩnh vực dịch vụ vận tải biển của PVTrans Oil nhằm duy trì và ổn định tốc độ tăng trưởng theo chiến lược phát triển của đơn vị giai đoạn 2016-2020, định hướng chiến lược đến 2025 và tầm nhìn đến 2035. Đồng thời nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, năng lực cạnh tranh cho đơn vị;

1.5 Các yêu cầu kỹ thuật cơ bản dự kiến của tàu : như trong FS đính kèm.

1.6 Tổng mức đầu tư dự án đã bao gồm VAT: 11,740,000 USD, tương đương 270 tỷ đồng.

1.7 Nguồn vốn: Vốn vay 70% giá mua tàu, 30% còn lại được tài trợ bằng Vốn chủ sở hữu;

1.8 Thời gian thực hiện: dự kiến thực hiện trong năm 2018. Nếu điều kiện thị trường vận tải không thuận lợi, HĐQT có thể xem xét chuyển dự án sang năm 2019;

1.9 Chỉ tiêu hiệu quả kinh tế dự án:

| Stt | Các chỉ tiêu                        | Đơn vị tính | Tàu 13.000DWT |
|-----|-------------------------------------|-------------|---------------|
| 1   | Tổng mức đầu tư của dự án (gồm VAT) | USD         | 11,740,000    |
| 2   | Tổng mức đầu tư (chưa VAT)          |             | 10,720,000    |
| 3   | Suất chiết khấu dự án               |             | 9.10%         |
| 4   | Hiện giá hiệu số thu chi NPV        | USD         | 1,667,442     |
| 5   | Suất thu lợi nội tại IRR            | % năm       | 11.50%        |
| 6   | Hiện giá tỉ số thu chi B/C          |             | 1.04          |
| 7   | ROE                                 | % năm       | 15.2%         |
| 8   | Thời hạn hoàn vốn                   | năm         | 12.03         |

- **Đánh giá** : Dự án có các chỉ tiêu NPV = >0 và IRR = > i = 9,1% chứng tỏ dự án đạt được tính khả thi về hiệu quả tài chính. (Chi tiết theo báo cáo nghiên cứu khả thi dự án đầu tư tàu chở dầu sản phẩm/hóa chất khoảng 13.000 DWT của Công ty CPVT Dầu Phương Đông Việt đính kèm xin xem chi tiết trên Website của Công ty: [www.pvoilshipping.vn](http://www.pvoilshipping.vn))

**2. Ủy quyền cho Hội đồng quản trị thực hiện các thủ tục đầu tư, điều chỉnh Phương án đầu tư cho phù hợp với tình hình thực tế (nếu có) và các vấn đề khác liên quan đến việc đầu tư tàu thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ nhưng phải đảm bảo các yêu cầu sau:**

- Đối với tổng mức đầu tư: không vượt quá 11,740,000 usd; tương đương 270 tỷ đồng.
- Đối với các chỉ tiêu hiệu quả của dự án : không thấp hơn các chỉ tiêu như trên.
- Tuân thủ đúng các quy định của pháp luật trong việc thực hiện các thủ tục liên quan đến việc đầu tư.

Trân trọng kính trình Đại hội./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Quốc Phương**



**BÁO CÁO NGHIÊN CỨU KHẢ THI**  
**DỰ ÁN ĐẦU TƯ TÀU CHỜ DẦU SẢN PHẨM/HÓA CHẤT KHOẢNG 13.000 DWT**  
(Đính kèm tờ trình số \_\_\_\_/PĐV-TTr-DHĐCD ngày \_\_\_\_/\_\_\_\_/2018)

---

**I. CĂN CỨ PHÁP LÝ:**

- Định hướng chiến lược của Tổng Công ty về việc tiếp tục duy trì và phát triển dịch vụ vận chuyển xăng dầu giai đoạn 2015 – 2030.
- Căn cứ Nghị quyết 56/NQ-VTDK- HĐQT ngày 04/10/2017 của HĐQT Tổng Công ty phê duyệt kế hoạch sản xuất kinh doanh giai đoạn 2016-2020 của Công ty CP Vận Tải Dầu Phương Đông Việt.
- Chủ trương của Tổng Công ty đồng ý cho Công ty Phương Đông Việt nghiên cứu đầu tư thêm tàu chờ dầu sản phẩm/hóa chất khoảng 13.000 DWT để trẻ hóa đội tàu, gia tăng năng lực vận tải, đón đầu sự ra đời của NMLD Nghi Sơn và các nhà máy khác trong thời gian tới.

**II. GIỚI THIỆU DỰ ÁN:**

- Tên dự án: Đầu tư tàu chờ dầu sản phẩm/hóa chất khoảng 13.000 DWT.
- Hình thức đầu tư: Mua tàu đã qua sử dụng.
- Chủ đầu tư: Công ty CP Vận Tải Dầu Phương Đông Việt
- Đơn vị vận hành khai thác: Công ty CP Vận Tải Dầu Phương Đông Việt

**III. SỰ CẦN THIẾT ĐẦU TƯ:**

**1. Tình hình hiện trạng đội tàu Pvtrans Oil:**

a) Hiện nay công ty Phương Đông Việt đang sở hữu và khai thác 05 tàu bao gồm:

- *Phuong Dong Star* (2007/Trung Quốc, trọng tải 9.000 DWT, Chemical)
- *PVOil Venus* (1997/Nhật Bản, trọng tải 9.200 DWT, Chemical),
- *PVOil Jupiter* (1996/Nhật bản, trọng tải 8.700 DWT, Chemical)
- *PVT Saturn* (2008/ Hàn Quốc, trọng tải 13.000 DWT, Chemical)
- *PVT Dragon* (1996/Nhật Bản , trọng tải 8.700 DWT, Chemical)

b) Tình hình khai thác đội tàu:

**- *Tàu Phuong Dong Star:***

- ~ Chi phí đầu tư cao, tình trạng kỹ thuật hạn chế
- ~ Đã chấm dứt hợp đồng định hạn với PVOIL từ tháng 4/2017 (đã thực hiện được 6 năm)
- ~ Hiện khai thác chuyên trong nước, tuyển vận chuyên NMLD Dung Quất/ NMLD Nghi Sơn đến các tổng kho trong nước.
- ~ Do giá xăng dầu thành phẩm trong nước liên tục biến động, các đầu mối như PVOIL chủ trương giảm tồn kho, giảm khối lượng hàng nhập/ chuyển dẫn đến giảm cước, giá thuê chuyên chưa bù đắp được chi phí vận hành.
- ~ Khai thác quốc tế gặp rất nhiều khó khăn do tính cạnh tranh của tàu này rất thấp

- **Tàu PVOil Venus và tàu PVOil Jupiter:**

- ~ Tình trạng kỹ thuật tốt hơn, tuy nhiên cả 2 tàu này hiện nay đã nhiều tuổi nên thực tế trong quá trình vận hành khai thác thường phát sinh nhiều chi phí bảo dưỡng, sửa chữa, vật tư phụ tùng và càng ngày càng giảm khả năng cạnh tranh khai thác trên thị trường.
- ~ Do nguồn hàng trong nước không đủ nên từ năm 2011, công ty Phương Đông Việt đã đưa các tàu này ra khai thác tại thị trường nước ngoài bao gồm các tuyến Châu Á Thái Bình Dương, Strait - Ấn độ/Bangladesh, Trung đông, mặt hàng chủ yếu là Palm Oil, CPP, DPP và các loại hóa chất nhẹ. Hiện 2 tàu này đang khai thác tại khu vực Đông Nam Á - Ấn Độ theo hình thức thuê chuyến xen kẽ định hạn.

- **Tàu PVT Saturn:**

- ~ Được Tổng công ty đầu tư giữa năm 2017 và giao cho Phương Đông Việt khai thác theo hình thức thuê tàu trần.
- ~ Tình trạng kỹ thuật tốt, tuổi tàu trẻ và size tàu đang được ưa chuộng trên thị trường vận chuyển khu vực.
- ~ Hiện tàu đang khai thác hình thức thuê chuyến, mặt hàng Palm, khu vực khai thác Đông Nam Á - Ấn Độ với chân hàng và hiệu quả khai thác khá tốt. Để ổn định hiệu quả khai thác dài hạn, công ty Phương Đông Việt định hướng cho thuê định hạn tàu.

Do vậy về lâu dài để phù hợp với chủ trương chung của Tổng Công ty duy trì và phát triển dịch vụ vận tải xăng dầu, hiện nay công ty Phương Đông Việt đang có nhu cầu trẻ hóa đội tàu, đầu tư thêm các tàu mới trẻ hơn để thay thế các tàu cũ đang khai thác tại thị trường nước ngoài. Khi nhu cầu vận chuyển trong nước tăng, các tàu cũ sau này sẽ đưa về khai thác nội địa, chỉ đưa các tàu trẻ, đặc tính kỹ thuật tốt ra khai thác bên ngoài. Mặt khác, bộ máy quản lý khai thác hiện hữu của Công ty Phương Đông Việt hoàn toàn có thể tiếp nhận thêm các tàu mới để tận dụng năng lực quản lý và tiết giảm chi phí.

## 2. Thị trường khai thác nội địa:

### a) Nhu cầu vận chuyển:

Từ tháng 6/2017, NMLD Nghi Sơn đã tiến hành nhập dầu DO và Naptha để vận hành, dự kiến tháng 6/2018 NMLD Nghi Sơn đi vào hoạt động ổn định dẫn đến thị trường vận tải xăng dầu trong nước sẽ trở nên sôi động và các size hàng sẽ lớn hơn để tiết kiệm chi phí. Dự kiến sản lượng xăng dầu của các NMLD như sau:

| Nhà máy/Năm    | Triệu tấn / năm |           |           |
|----------------|-----------------|-----------|-----------|
|                | 2018            | 2020      | 2023      |
| NMLD Dung Quất | 6,5             | 10        | 10        |
| NMLD Nghi Sơn  | 5               | 10        | 20        |
| Vũng Rô        |                 | 10        | 10        |
| <b>Tổng</b>    | <b>16,5</b>     | <b>30</b> | <b>40</b> |

### b) Giá cước vận chuyển:

Do điều kiện luồng, hệ thống kho cảng hạn chế, cho nên tuyến khai thác tàu 13.000 DWT chủ yếu trả hàng ở khu vực phía Nam (Vũng Tàu, Nhà Bè). Mức giá cước PVOil đang thuê vận chuyển nội địa hiện nay (tuyến Dung Quất – Nhà Bè) là: **196 đồng/lít** tương đương doanh thu 1 chuyến (**TCE**) ở mức **9,214 USD/ngày**.

### 3. Thị trường khai thác quốc tế:

#### a) Nhu cầu vận chuyển:

Hiện nay, giá cước thị trường vận tải loại tàu 13.000 DWT IMO2, hầm hàng Epoxy đã giảm sâu so với 2 năm trước đây do lượng cung tàu nhiều. Giá cho thuê định hạn (TC) hiện dao động từ 8.750 – 9.200 USD/ngày tùy thuộc vào tình trạng và tuổi tàu. Tuy nhiên, với đặc tính tàu là IMO2, chở được nhiều loại hàng hóa chất nên thị trường và nguồn hàng cho tàu vẫn đảm bảo.

Theo báo cáo của các nhà môi giới, hiện nay các tuyến hàng vận chuyển xăng dầu và hóa chất phù hợp với size tàu 13.000 DWT chủ yếu tập trung ở khu vực Bắc Á (Hàn Quốc, Trung Quốc), Đông Nam Á (Singapore, Indonesia) về đến Ấn Độ. Tuyến Hàn Quốc đi Trung Quốc thường có các loại hàng PX, Chemical, btx, size hàng 2.000 – 10.000 tấn, giá cước hiện nay vào khoảng 13 - 18 USD/tấn (tương đương khoảng TCE 9.000 đến 9.200 USD/ ngày). Ngoài ra trên thị trường còn có các lô hàng Mixed Aromatic, Ortho Xylene, benzen, toluen...đi từ Đông Nam Á, Singapore, đi Trung Quốc với mức cước từ 27 USD/ tấn - 43 USD/ tấn. Size hàng phổ biến của các lô hàng này từ 3.000 – 10.000 tấn cho 1 lô hàng (TCE tương đương 9.000 USD/ ngày).

#### b) Giá cước vận chuyển:

- Theo thống kê, báo cáo của môi giới (Clarkson, Maersk) giá thuê tàu định hạn ***T/C ở mức 8.750 - 9.200 USD/ngày*** (tùy thuộc vào loại tình trạng và tuổi tàu). Cụ thể trong tháng 10/2017, tàu PVT Saturn (13,000 DWT, Hàn Quốc, năm đóng 2008, Epoxy) được khách hàng thuê định hạn 09 + 09 tháng với giá 9.200 USD/ngày.

| Chemicals Markets....       | Average |        | 2017   |        | Chem Market |               |
|-----------------------------|---------|--------|--------|--------|-------------|---------------|
|                             | 2015    | 2016   | Aug    | Sep    | 13 Oct      | Trends...     |
| <b>Voyage Rates (\$/mt)</b> |         |        |        |        |             |               |
| 10,000 Gulf/WC India        | 31.98   | 25.01  | 23.50  | 26.60  | 28.00       | FIRM... 5%    |
| 15,000 Gulf/Ulsan           | 45.60   | 38.30  | 33.50  | 35.20  | 38.00       | FIRM... 8%    |
| 15,000 Gulf/Med             | 58.88   | 50.58  | 43.00  | 43.80  | 51.00       | FIRMER... 16% |
| 15,000 Gulf/Rott.           | 60.88   | 53.38  | 46.00  | 46.80  | 53.00       | FIRMER... 13% |
| 5,000 Rott/Houston          | 44.70   | 35.31  | 28.75  | 32.20  | 29.50       | WEAKER... -8% |
| 10,000 Rott/Houston         | 40.23   | 32.67  | 25.75  | 28.00  | 26.50       | SOFTER... -5% |
| 5,000 Rott/Ulsan            | 84.93   | 80.40  | 86.00  | 84.60  | 84.00       | STEADY... -1% |
| 5,000 Singapore/Rott        | 91.40   | 76.06  | 74.50  | 76.80  | 79.00       | STEADY... 3%  |
| 1,000~ Sing./Houston        | 161.90  | 142.79 | 132.00 | 134.80 | 136.00      | STEADY... 1%  |
| 12,000* Ulsan/Houston       | 56.19   | 39.47  | 31.00  | 33.00  | 34.00       | FIRM... 3%    |
| 5,000 Houston/Rott          | 58.25   | 56.28  | 51.50  | 47.60  | 48.00       | STEADY... 1%  |
| 5,000 Houston/Ulsan         | 63.08   | 65.77  | 54.50  | 52.60  | 55.00       | FIRM... 5%    |
| <b>12 mths TC, \$/day</b>   |         |        |        |        |             |               |
| 13,000 dwt IMO II           | 10,146  | 10,625 | 8,750  | 8,750  | 8,750       | STEADY... 0%  |
| 19,999 dwt S/S              | 15,200  | 15,496 | 13,000 | 13,000 | 13,000      | STEADY... 0%  |

Easychems except for: ~ Stainless Steel. \*Based on 10,000mt cargo unit end 2016.

Nguồn: Thống kê của Clarksons tháng 10/2017

Nhìn chung giá cước tàu vận chuyển hóa chất luôn ở mức cao hơn so với vận chuyển xăng dầu và tương đối ổn định.

### 4. Thị trường mua bán tàu biển:

- Theo thống kê báo cáo của các đơn vị môi giới, giai đoạn sau khủng hoảng 2009 – 2010 tình hình thị trường ảm đạm, trong năm 2010 chỉ có 4 tàu dầu/ hóa chất size 13.000 DWT được mua bán. Từ 2011 - 2013, thị trường bắt đầu có nhiều giao dịch hơn so với năm 2010, tuy nhiên giá cả vẫn không có nhiều thay đổi. Trong 6 tháng đầu năm 2014, số lượng tàu 13.000 DWT mua bán nhiều hơn cả năm 2013 đặc biệt giá tàu đã tăng lên đáng kể từ cuối năm 2015 đến đầu năm 2016 (khoảng trên 20%).

- Thời điểm hiện tại giá tàu giảm so với thời điểm đầu tư tàu PVT Saturn, cụ thể: **Giá tàu 13.000 DWT (IMO 2), 8 – 10 năm tuổi có giá khoảng 9 – 10.5 triệu USD.** Và cùng với xu hướng hồi phục của thị trường vận tải thì giá tàu dự kiến sẽ tăng trong thời gian tới.
- Tàu hóa chất đang rất được ưa chuộng trên thị trường, trong đó tàu đóng tại Nhật, có hầm hàng stainless steel tốt nhất, tuy nhiên giá cao (tàu 8 – 10 tuổi giá 12 – 13 triệu USD) và có ít tàu chào bán. Đa số hiện nay là các tàu đóng tại Hàn Quốc, có hầm hàng epoxy và giá thấp hơn (tàu 8 – 10 tuổi giá 9 – 10.5 triệu USD).
- Như vậy đây là thời điểm thích hợp để các chủ tàu xem xét việc đầu tư tàu.
- Danh sách các tàu 13.000 DWT đang giao dịch trên thị trường tham khảo:

| STT | Tên tàu        | Năm SX | Nơi SX | DWT    | Giá tàu | Ghi chú        |
|-----|----------------|--------|--------|--------|---------|----------------|
| 1   | WINTER OAK     | 2009   | KOREA  | 13,114 | 10-10.5 | Đang giao dịch |
| 2   | NORDPORT       | 2008   | KOREA  | 13,000 | 9.2-9.5 | Đang giao dịch |
| 3   | GOLDEN OAK     | 2008   | KOREA  | 13,168 | 9.5-10  | Đang giao dịch |
| 4   | CHEMTRANS ELBE | 2009   | KOREA  | 13,006 | 9.5-10  | Đang giao dịch |
| 5   | PATRIOTIC      | 2008   | KOREA  | 13,075 | 10.5-11 | Đang giao dịch |
| 6   | SICHEM PARIS   | 2008   | KOREA  | 13,079 | 9.5-10  | Đang giao dịch |
| 7   | MAYFAIR        | 2008   | KOREA  | 13,211 | 9-9.5   | Đang giao dịch |
| 8   | BREMEN TRADER  | 2006   | KOREA  | 13,185 | 8-8.5   | Đang giao dịch |

#### IV. KHÁI QUÁT VỀ TÀU DỰ KIẾN ĐẦU TƯ:

##### 1. Những yêu cầu chung:

###### 1.1. Size và tuổi tàu:

Trên cơ sở nhu cầu của thị trường và tình trạng đội tàu của Công ty Phương Đông Việt ngày càng già đi, giảm đáng kể năng lực cạnh tranh, tình hình thị trường vận chuyển trong nước và thế giới đang có dấu hiệu tăng trưởng trở lại sau khủng hoảng, giá tàu đã chạm đáy và không thể giảm được nữa, Công ty Phương Đông Việt dự kiến **đầu tư thêm tàu có size khoảng 13.000 DWT**, tuổi tàu không quá 10 tuổi để trẻ hóa đội tàu, nâng cao năng lực cạnh tranh và đón đầu thị trường.

###### 1.2. Loại tàu:

+ Tàu chở dầu sản phẩm thông thường (CPP):

- ~ Ưu điểm: giá đầu tư ban đầu thấp, chi phí vận hành, bảo dưỡng thấp (bảo dưỡng, lương thuyền viên);
- ~ Nhược điểm: không chở được đa dạng mặt hàng nên giảm khả năng khai thác, giá thuê T/C thấp.

+ Tàu chở hóa chất (IMO2):

- ~ Ưu điểm: chở được nhiều loại hàng, khả năng khai thác cao, giá cho thuê cao
- ~ Nhược điểm: giá đầu tư ban đầu cao, chi phí vận hành, bảo dưỡng cao, nếu chở dầu tốc độ trả hàng chậm do sử dụng nhiều bơm chìm và có nhiều hầm hàng.

Sau khi xem xét ưu, nhược điểm của 2 loại tàu, trên cơ sở tàu hóa chất có thể đa dạng hóa nguồn hàng phù hợp với nhiều thị trường khác nhau, sau khi đầu tư có thể khai thác được ngay, mặt khác xu hướng các nhà máy lọc dầu sau này cũng sẽ cho ra nhiều sản phẩm hóa dầu, Công ty Phương Đông Việt **đề xuất mua loại tàu chở hóa chất (IMO2)**.

### **1.3. Nơi đóng:**

- + Tàu đóng tại Trung Quốc: Mặc dù giá rẻ nhưng chất lượng thấp (tàu Phuong Dong Star đóng tại Trung Quốc hiện nay khai thác rất khó khăn)
- + Tàu đóng ở Châu Âu: chất lượng thiết bị có độ tin cậy cao, tuy nhiên giá thành cao, thiết bị lắp ráp trên tàu khi bị hư hỏng rất khó sửa chữa, thay mới và giá thành rất cao.
- + Tàu đóng ở Nhật bản/Hàn Quốc: chất lượng tàu tốt, thuận tiện cho việc vận hành khai thác, bảo dưỡng và sửa chữa, giá cả phù hợp.
- + Đóng tại Việt Nam: thời gian giao tàu chậm không nắm bắt được thị trường ngay, chi phí đóng tàu cao, chất lượng tàu chưa được khẳng định.

Do vậy Công ty Phương Đông Việt đề xuất chọn **tàu đóng ở Nhật Bản/Hàn Quốc**.

### **1.4. Năm đóng:**

- + Dưới 8 tuổi: Tàu chất lượng rất tốt, tuy nhiên giá thành cao.
- + Từ 8 – 10 tuổi: Chất lượng vẫn còn tốt, giá thấp hơn do tàu sắp đến kỳ SS lần 2 sẽ tốn thêm chi phí sửa chữa lớn, tuy nhiên nếu đưa về Việt Nam với năng lực quản lý kỹ thuật của Công ty Phương Đông Việt tàu có thể sửa chữa với chi phí thấp hơn.
- + Trên 10 tuổi: Giá tàu thấp, tuy nhiên do tàu già nên cơ hội khai thác tàu giảm.

Với mục tiêu trẻ hóa đội tàu, Công ty Phương Đông Việt đề xuất **đầu tư tàu không quá 10 tuổi**, độ tuổi vẫn trong giai đoạn khai thác tốt và có giá trị vừa phải. Thời điểm đầu tư đang ở mức thấp, khả năng tăng tính cạnh tranh trong thời gian tới khi giá tàu tăng cao.

## **2. Thông số kỹ thuật cơ bản:**

Trên cơ sở phân tích ở trên và từ kinh nghiệm quản lý, khai thác tàu của Công ty, Phương Đông Việt đề xuất đầu tư tàu có những thông số và đặc tính cơ bản như sau:

- *Trọng tải: khoảng 13.000 DWT*
- *Dung tích (100%): khoảng 14.000 CBM (dung tích càng lớn càng có lợi thế khi vận chuyển hàng hóa trong nước, tính cước theo thể tích).*
- *Mớn nước mùa hè: 8.6 – 8.8 m (mớn nước càng thấp sẽ có lợi thế khi vào các khu vực hạn chế mớn nước).*
- *Chiều dài toàn bộ (LOA): khoảng 125 – 130 m*
- *Chiều rộng (BEAM): khoảng 18 – 20 m*
- *Chiều cao mạn: khoảng 11 m*
- *Số lượng hầm hàng: khoảng 12 + 2 hầm hàng độc lập (14 segs tanks)*
- *Chủng loại hầm hàng: Stainless Steel / epoxy coated (Chủng loại hầm hàng thông dụng hiện nay bao gồm marine line, epoxy coated, stainless steel, tuy nhiên loại hầm hàng bằng thép chậm rỉ được đánh giá cao hơn đặc biệt là khai thác hóa chất).*
- *Hệ thống bơm hàng: deepwell pump*

- Tốc độ thiết kế: khoảng 14 Knot
- Tốc độ khai thác: 12.0 Knot (có hàng), 12.5 Knot (không hàng)
- Máy chính: Nhà sản xuất là các nước EU, G7, Hàn Quốc hoặc tương đương
- Máy đèn: Nhà sản xuất là các nước EU, G7, Hàn Quốc hoặc tương đương
- Nồi hơi: Nhà sản xuất là các nước EU, G7, Hàn Quốc hoặc tương đương
- Hệ thống hâm sấy: heating coil or heating exchanger.
- Tiêu hao nhiên liệu:  
 Chạy biển có hàng: 14.0 – 14.5 MT FO/ngày  
 Chạy biển không hàng: 12.0 – 13.0 MT FO/ngày  
 Trả hàng: 2.5 MT FO/ngày  
 Nhận hàng, neo chờ: 1.6 MT FO/ngày  
 Hâm sấy: 5 – 7 MT FO/ngày  
 Vệ sinh hầm hàng: 5 – 7 MT FO/ngày  
 Các thông số trên đây được ưu tiên lựa chọn, tuy nhiên việc đánh giá xem xét cần trên cơ sở đi khảo sát từng con tàu cụ thể.

## V. TỔNG MỨC ĐẦU TƯ CỦA DỰ ÁN:

### 1. Tổng mức đầu tư của dự án:

| STT | NỘI DUNG   | ĐVT        | TÀU<br>13.000DWT  |
|-----|--|------------|-------------------|
| 1   | Giá mua tàu  | USD        | 10,000,000        |
| 2   | Thuế nhập khẩu 2%/Giá mua tàu                        | USD        | 200,000           |
| 3   | Phí trước bạ   | USD        | 25,000            |
| 4   | Chi phí khảo sát, giám định tàu và giao nhận tàu ... | USD        | 145,000           |
| 5   | Chi phí lắp đặt hệ thống xử lý nước dằn Ballast      | USD        | 350,000           |
| 6   | Thuế VAT   | USD        | 1,020,000         |
| 7   | <b>TỔNG CỘNG ( GỒM VAT):</b>                         | <b>USD</b> | <b>11,740,000</b> |
| 8   | <b>TỔNG CỘNG (KHÔNG GỒM VAT)</b>                     | <b>USD</b> | <b>10,720,000</b> |

- Tổng giá trị đầu tư đã bao gồm VAT : **11,740,000 USD**, tương đương **270 tỷ đồng**.

### 2. Nguồn vốn và cơ cấu vốn đầu tư:

| STT      | NỘI DUNG                                   | ĐVT        | TÀU 13.000 DWT    |
|----------|--|------------|-------------------|
| <b>1</b> | <b>Cơ cấu nguồn vốn đầu tư</b>             | <b>USD</b> | <b>10,720,000</b> |
|          | Vốn vay tín dụng (70% giá mua tàu)         | USD        | 7,000,000         |
|          | Vốn chủ sở hữu (30% giá mua tàu + còn lại) | USD        | 3,720,000         |
| <b>2</b> | <b>Lãi suất cơ hội của vốn chủ sở hữu</b>  |            | 15.2%             |
| 3        | Lãi suất vay đầu tư (%/năm)                |            | 5%                |
|          | Thời gian vay (Năm)                        |            | 10                |
|          | Kỳ trả nợ gốc (Kỳ/Năm)                     |            | 2                 |
| 4        | Suất chiết khấu của dự án                  |            | 9.1%              |
| 5        | Thời gian khấu hao (Năm)                   |            | 12                |



## VI. HIỆU QUẢ KINH TẾ CỦA DỰ ÁN :

### 1. Phương án kinh doanh, giá cước vận chuyển:

- Lộ trình khai thác: Dự kiến từ năm 2018 đến năm 2020: Khai thác tuyến quốc tế, từ năm 2021 trở đi khai thác nội địa.

- Thời gian khai thác: Trung bình năm đầu tiên 345 ngày/năm (năm lên dock 315 ngày, số ngày khai thác sẽ giảm dần theo tuổi tàu ).

#### 1.1 Giai đoạn 1: từ năm 2018 - 2020: khai thác tuyến quốc tế.

##### 1.1.1. Cho thuê định hạn:

- Đối tượng khách hàng: tập trung vào các Công ty có nguồn hàng riêng.

- Tuyến hoạt động: Bắc Á – Trung Đông.

- Loại hàng: xăng dầu và hóa chất các loại phù hợp với COF của tàu.

- Giá cho thuê tàu: dự kiến 9.000 USD/ngày. Theo các nhà môi giới và thống kê thị trường hiện nay, giá cho thuê T/C dao động trong khoảng **8.750 - 9.200 USD/ngày** (tùy thuộc loại tình trạng và tuổi tàu).

**1.1.2. Khai thác spot:** Từ kinh nghiệm khai thác các tàu hiện nay của công ty PVTrans Oil và qua tìm hiểu và phân tích tình hình thị trường, Công ty dự kiến sẽ khai thác tàu tại các khu vực Bắc Á về đến Ấn Độ hoặc Trung Đông với giá cước thống kê từ các nhà môi giới và tham khảo từ TPL, đơn vị đang có nhiều tàu tham gia vào thị trường này và một số chủ tàu khác):

**a) Phương án 01 : Doanh thu ngày tàu trung bình 9,031 USD/ngày.**

**BẢNG TÍNH DOANH THU THEO TUYẾN QUỐC TẾ - PA01**

| STT | Chỉ tiêu         | Đơn vị tính     | Chuyến V.001                             |        | Chuyến V.002        | Chuyến V.003                | Tổng cộng      |
|-----|------------------|-----------------|--|--------|---------------------|-----------------------------|----------------|
| 1   | Tuyến hoạt động  |                 | Ulsan/Yosu - Taizhou/wenzhou (mid china) |        | Wenzhou - Singapore | Singapore - Taizhou/Wenzhou |                |
| 2   | Khoảng cách      | HL              | 769/659                                  |        | 1,909               | 1909/110                    |                |
| 3   | Loại hàng        |                 | PX, Chem                                 |        | CSS                 | Mixed Aromatic              |                |
| 4   | Khối lượng hàng  | MT              | PX                                       | 10,000 | 10,000              | 10,000                      | <b>32,000</b>  |
|     |                  |                 | Chem                                     | 2,000  |                     |                             |                |
| 5   | Thời gian chuyến | Ngày            | 12.63                                    |        | 14.80               | 14.07                       | <b>41.49</b>   |
| 6   | Đơn giá cước     | USD/MT          | PX                                       | 16.00  | 22.00               | Lumpsum                     |                |
|     |                  |                 | Chem                                     | 25.00  |                     |                             |                |
| 7   | Doanh thu cước   | USD             | 210,000                                  |        | 220,000             | 260,000                     | <b>690,000</b> |
| 8   | Chi phí          | USD             | 106,219                                  |        | 96,407              | 112,703                     | <b>315,329</b> |
| 9   | <b>TCE</b>       | <b>USD/ngày</b> | <b>8,220</b>                             |        | <b>8,354</b>        | <b>10,472</b>               | <b>9,031</b>   |

**b) Phương án 02: Doanh thu ngày tàu trung bình 9,076 USD/ngày.**

**BẢNG TÍNH DOANH THU THEO TUYẾN QUỐC TẾ - PA02**

| STT | Chỉ tiêu         | Đơn vị tính     | Chuyến V.001                        | Chuyến V.002        | Chuyến V.003                 | Tổng cộng    |        |
|-----|------------------|-----------------|-------------------------------------|---------------------|------------------------------|--------------|--------|
| 1   | Tuyến hoạt động  |                 | Ulsan - Taizhou/wenzhou (mid china) | Wenzhou - Singapore | Singapore - Weihai (N.China) |              |        |
| 2   | Khoảng cách      | HL              | 633/499                             | 1,909               | 2,528                        |              |        |
| 3   | Loại hàng        |                 | PX, Btx                             | CSS                 | Mixed Aromatic               |              |        |
| 4   | Khối lượng hàng  | MT              | PX                                  | 5,000               | 12,000                       | 10,000       | 33,000 |
|     |                  |                 | Btx                                 | 6,000               |                              |              |        |
| 5   | Thời gian chuyển | Ngày            | 13.04                               | 14.80               | 16.83                        | 44.67        |        |
| 6   | Đơn giá cước     | USD/MT          | PX                                  | 19.00               | 22.00                        | Lumpsum      |        |
|     |                  |                 | Btx                                 | 18.00               |                              |              |        |
| 7   | Doanh thu cước   | USD             | 203,000                             | 220,000             | 280,000                      | 703,000      |        |
| 8   | Chi phí          | USD             | 88,073                              | 96,407              | 113,112                      | 297,592      |        |
| 9   | <b>TCE</b>       | <b>USD/ngày</b> | <b>8,812</b>                        | <b>8,354</b>        | <b>9,914</b>                 | <b>9,076</b> |        |

**c) Phương án 03: Doanh thu ngày tàu trung bình 8,849 USD/ngày.**

**BẢNG TÍNH DOANH THU THEO TUYẾN QUỐC TẾ - PA03**

| STT | Chỉ tiêu         | Đơn vị tính     | Chuyến V.001                    | Chuyến V.002                 | Chuyến V.003                        | Tổng cộng    |
|-----|------------------|-----------------|---------------------------------|------------------------------|-------------------------------------|--------------|
| 1   | Tuyến hoạt động  |                 | Ulsan, Korea - Zhuhai, S. China | Zhuhai - Maptaphut, Thailand | Maptaphut, Thailand - Ulsan, Korea. |              |
| 2   | Khoảng cách      | HL              | 1200                            | 1409/750                     | 2470                                |              |
| 3   | Loại hàng        |                 | CPP                             | CSS                          | Mixed Aromatic                      |              |
| 4   | Khối lượng hàng  | MT              | 10,000                          | 10,000                       | 10,000                              | 30,000       |
| 5   | Thời gian chuyển | Ngày            | 10.60                           | 13.27                        | 16.63                               | 40.50        |
| 6   | Đơn giá cước     | USD/MT          | Lumpsum                         | 18.00                        | 27.00                               |              |
| 7   | Doanh thu cước   | USD             | 190,000                         | 180,000                      | 270,000                             | 640,000      |
| 8   | Chi phí          | USD             | 82,679                          | 87,293                       | 111,612                             | 281,584      |
| 9   | <b>TCE</b>       | <b>USD/ngày</b> | <b>10,121</b>                   | <b>6,988</b>                 | <b>9,523</b>                        | <b>8,849</b> |

**d) Phương án 04: Doanh thu ngày tàu trung bình 8,695 USD/ngày.**

**BẢNG TÍNH DOANH THU THEO TUYẾN QUỐC TẾ - PA04**

| STT      | Chỉ tiêu         | Đơn vị tính     | Chuyến V.001                | Chuyến V.002                  | Tổng cộng      |
|----------|------------------|-----------------|-----------------------------|-------------------------------|----------------|
| 1        | Tuyến hoạt động  |                 | Dumai, Indo - Kandla, India | Mumbai, WCI - Taizhu, M.China |                |
| 2        | Khoảng cách      | HL              | 2660/2118                   | 4392/398                      |                |
| 3        | Loại hàng        |                 | Palm Oil                    | PX, BTX, LAB                  |                |
| 4        | Khối lượng hàng  | MT              | 12,000                      | 10,000                        | <b>22,000</b>  |
| 5        | Thời gian chuyển | Ngày            | 17.94                       | 23.19                         | <b>41.13</b>   |
| 6        | Đơn giá cước     | USD/MT          | 27.5                        | 36.00                         |                |
| 7        | Doanh thu cước   | USD             | 275,000                     | 360,000                       | <b>635,000</b> |
| 8        | Chi phí          | USD             | 120,329                     | 157,048                       | <b>277,377</b> |
| <b>9</b> | <b>TCE</b>       | <b>USD/ngày</b> | <b>8,619</b>                | <b>8,753</b>                  | <b>8,695</b>   |

**e) Phương án 05: Doanh thu ngày tàu trung bình 8,843 USD/ngày.**

**BẢNG TÍNH DOANH THU THEO TUYẾN QUỐC TẾ - PA05**

| STT      | Chỉ tiêu         | Đơn vị tính     | Chuyến V.001                | Chuyến V.002                         | Tổng cộng      |
|----------|------------------|-----------------|-----------------------------|--------------------------------------|----------------|
| 1        | Tuyến hoạt động  |                 | Dumai, Indo - Kandla, India | Bandar Abbas, Iran - Taizhu, M.China |                |
| 2        | Khoảng cách      | HL              | 2660/2118                   | 5336/847                             |                |
| 3        | Loại hàng        |                 | Palm Oil                    | PX/ BTX/ LAB/Methanol                |                |
| 4        | Khối lượng hàng  | MT              | 12,000                      | 10,000                               | <b>22,000</b>  |
| 5        | Thời gian chuyển | Ngày            | 17.94                       | 27.52                                | <b>45.47</b>   |
| 6        | Đơn giá cước     | USD/MT          | 24.00                       | 42.00                                |                |
| 7        | Doanh thu cước   | USD             | 288,000                     | 420,000                              | <b>708,000</b> |
| 8        | Chi phí          | USD             | 120,816                     | 185,101                              | <b>305,917</b> |
| <b>9</b> | <b>TCE</b>       | <b>USD/ngày</b> | <b>9,317</b>                | <b>8,534</b>                         | <b>8,843</b>   |

Như vậy doanh thu ngày tàu TCE nếu cho thuê tàu chuyển (Spot) ở mức 8,849 – 9,076 USD/ngày và giá cho thuê định hạn khoảng 8.750 – 9.200 USD/ngày. Do đó Công ty PVTrans Oil sẽ lấy cơ sở thu nhập TCE 9.000 USD/ngày để tính toán hiệu quả thuê tàu.

## 1.2 Giai đoạn từ 2021 sẽ khai thác tuyến nội địa:

Với nhu cầu vận chuyển sản phẩm dầu/hóa chất trong nước tăng lên khi NMLD Nghi Sơn đi vào hoạt động và ổn định, công ty PVTrans Oil sẽ đưa tàu về khai thác tập trung chủ yếu cho các tuyến nội địa, cụ thể tuyến Nghi Sơn, Dung Quất – Vũng Tàu/Nhà Bè, khu vực phù hợp với môn nước của tàu. Do hiện nay chưa có đơn giá cước vận chuyển tuyến Nghi Sơn – Nhà Bè nên PVTrans Oil tạm thời tính theo tuyến Dung Quất – Nhà Bè.

| STT | Chỉ tiêu         | Đơn vị tính | Chuyến             |
|-----|------------------|-------------|--------------------|
| 1   | Tuyến hoạt động  |             | Dung Quất - Nhà Bè |
| 2   | Khoảng cách      | HL          | 446                |
| 3   | Loại hàng        |             | Gasoil             |
| 4   | Khối lượng hàng  | MT          | 13,000             |
| 5   | Thời gian chuyển | Ngày        | 7.5                |
| 6   | Đơn giá cước     | USD/MT      |                    |
| 7   | Doanh thu cước   | USD         | 110,783            |
| 8   | Chi phí          | USD         | 41,703             |
| 9   | <b>TCE</b>       | USD/ngày    | <b>9,214</b>       |

Doanh thu ngày tàu tuyến Dung Quất – Nhà Bè **TCE 9,214 USD/ngày**. Như vậy Công ty lấy cơ sở doanh thu chạy nội địa là **9,200 USD/ngày** để tính toán hiệu quả kinh tế dự án.

## 2. Chi phí của dự án :

### 2.1 Chi phí hoạt động (Opex):

Chi phí hoạt động Opex của tàu 13.000 DWT được dự kiến trên cơ sở thực tế vận hành đội tàu sản phẩm của Phương Đông Việt và tham khảo từ các chủ tàu khác đang vận hành tàu cùng size:

| Stt      | Khoản mục chi phí                            | Ngân sách hoạt động (USD) |      |                   |      |
|----------|--|---------------------------|------|-------------------|------|
|          |  | Khai thác Nội địa         |      | Khai thác Quốc Tế |      |
|          |  | Năm                       | Ngày | Năm               | Ngày |
| <b>I</b> | <b>CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀU (OPEX)</b>          |                           |      |                   |      |
| 1        | Chi phí Vật tư, phụ tùng boong, máy          | 200,000                   | 548  | 210,500           | 577  |
| 2        | Chi phí sửa chữa thường xuyên boong, máy ... | 108,800                   | 298  | 136,000           | 373  |
| 3        | Chi phí đăng kiểm - kiểm định                | 18,000                    | 49   | 12,000            | 33   |
| 4        | Chi phí dầu nhớt                             | 161,000                   | 441  | 161,000           | 441  |
| 5        | Chi phí sửa chữa định kỳ (SS+IS)             | 240,000                   | 658  | 240,000           | 658  |
| 6        | Vật tư, thiết bị an toàn, ấn phẩm hàng hải   | 30,000                    | 82   | 51,522            | 141  |

|    |   |                  |              |                  |              |
|----|---|------------------|--------------|------------------|--------------|
| 7  | Chi phí SC bảo dưỡng TB an toàn, hàng hải...    | 12,000           | 33           | 25,000           | 68           |
| 8  | Bảo hộ lao động, TLL, CP training, kiểm tra tàu | 42,630           | 117          | 51,530           | 141          |
| 9  | Chi phí Bảo hiểm thân tàu (Hull)                | 42,000           | 115          | 42,000           | 115          |
| 10 | Chi phí Bảo hiểm trách nhiệm dân sự (P&I)       | 90,700           | 248          | 90,700           | 248          |
| 11 | Chi phí thuyền viên (lương, tiền ăn, thay ca)   | 286,505          | 785          | 418,126          | 1,146        |
| 12 | Chi phí khác TV (huấn luyện đào tạo, y tế, ...) | 23,923           | 66           | 25,671           | 70           |
| 13 | Chi phí quản lý phân bổ                         | 100,000          | 274          | 100,000          | 274          |
| 14 | Chi phí lắp đặt hệ thống xử lý nước dằn Ballast | 20,588           | 56           | 20,588           | 56           |
|    | <b>CỘNG CP OPEX = (1+...+14)</b>                | <b>1,376,146</b> | <b>3,770</b> | <b>1,584,637</b> | <b>4,341</b> |

## 2.2. Chi phí vốn (Capex):

| Stt | Khoản mục chi phí                        | Cơ sở    | Tàu<br>13.000DWT |
|-----|--|----------|------------------|
| 1   | Chi phí khấu hao                         | 12 năm   | 893,333          |
| 2   | Lãi vay ngân hàng (năm đầu tiên)         | 5% / năm | 345,965          |
| 3   | Chi phí chênh lệch tỷ giá (năm đầu tiên) | 2% / năm | 140,000          |
|     | <b>Công (1+2+3)</b>                      | USD/năm  | 1,379,298        |
|     |  | USD/ngày | 3,779            |

## 3. Hiệu quả kinh tế dự án :

### 3.1. Hiệu quả khai thác quốc tế : Hiệu quả khai thác quốc tế trong 03 năm đầu :

| Stt | Chỉ tiêu                     | Đơn vị tính | Tàu<br>13.000DWT |
|-----|------------------------------|-------------|------------------|
| 1   | Thu nhập ngày tàu (TCE)      | USD/ngày    | 9,000            |
| 2   | Chi phí :                    | USD/ngày    |                  |
|     | - Chi phí hoạt động (OPEX)   |             | 4,341            |
|     | - Chi phí Vốn (CAPEX + CLTG) |             | 3,779            |
| 3   | Hiệu quả :                   | USD/ngày    | 880              |

### 3.2. Hiệu quả khai thác nội địa : từ năm thứ 4 các tàu dự kiến sẽ khai thác nội địa.

| Stt | Chỉ tiêu                     | Đơn<br>vị tính | Tàu<br>13.000DWT |
|-----|------------------------------|----------------|------------------|
| 1   | Thu nhập ngày tàu (TCE)      | USD/ngày       | 9,200            |
| 2   | Chi phí :                    | USD/ngày       |                  |
|     | - Chi phí hoạt động (OPEX)   |                | 3,770            |
|     | - Chi phí Vốn (CAPEX + CLTG) |                | 3,779            |
| 3   | Hiệu quả :                   | USD/ngày       | 1,651            |

### 3.3 Các chỉ tiêu tài chính tóm tắt:

| Stt | Các chỉ tiêu                        | Đơn vị tính | Tàu 13.000DWT |
|-----|-------------------------------------|-------------|---------------|
| 1   | Tổng mức đầu tư của dự án (gồm VAT) | USD         | 11,740,000    |
| 2   | Tổng mức đầu tư (chưa VAT)          |             | 10,720,000    |
| 3   | Suất chiết khấu dự án               |             | 9.10%         |
| 4   | Hiện giá hiệu số thu chi NPV        | USD         | 1,667,442     |
| 5   | Suất thu lợi nội tại IRR            | % năm       | 11.50%        |
| 6   | Hiện giá tỉ số thu chi B/C          |             | 1.04          |
| 7   | ROE                                 | % năm       | 15.2%         |
| 8   | Thời hạn hoàn vốn                   | năm         | 12.03         |

- **Nhận xét:** Dự án có các chỉ tiêu NPV = >0 và IRR = > i = 9,1% chứng tỏ dự án đạt được tính khả thi về hiệu quả tài chính.

## VII. PHƯƠNG ÁN ĐẦU TƯ:

### 1. Phương Đông Việt sẽ đầu tư trực tiếp :

- Đây là phương án chủ động nhất cho Phương Đông Việt. Hiện nay giá tàu đang ở mức thấp, đây chính là điều kiện thuận lợi để PVTrans Oil có thể linh hoạt triển khai các phương án hợp tác đầu tư với các đối tác, các cổ đông chiến lược trong việc đầu tư mua thêm tàu, nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh và tạo lợi thế trong hoạt động kinh doanh.

### 2. Phương án huy động vốn :

- Để có đủ nguồn vốn đối ứng mua tàu 13.000 DWT, Công ty dự kiến sẽ tăng vốn thêm 110 tỷ đồng. Hình thức phát hành: chào bán cổ phiếu cho Cổ đông hiện hữu, trường hợp Cổ đông hiện hữu mua không hết, công ty sẽ tiến hành chào bán riêng lẻ cho nhà đầu tư chiến lược, các cổ đông tổ chức và các cổ đông cá nhân của Công ty...

## VIII. KẾT LUẬN:

- Qua nghiên cứu, tính toán trong báo cáo đầu tư nêu trên, cho thấy dự án mua tàu chở dầu sản phẩm/hóa chất khoảng 13.000 DWT là phương án đầu tư có tính khả thi, mang lại hiệu quả kinh tế tốt cho Công ty.

- Việc đầu tư thêm tàu tại thời điểm hiện nay là phù hợp vì vừa có chi phí đầu tư hợp lý và vừa đón đầu để phục vụ các nhà máy lọc dầu sẽ đi vào hoạt động trong một vài năm tới, khi đó thị trường vận tải dự đoán sẽ rất nhộn nhịp. Đồng thời việc đầu tư tàu sẽ nâng cao năng lực vận tải dầu khí và nâng cao sức cạnh tranh của Công ty Phương Đông Việt trên thị trường vận tải.